

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

LUẬN VĂN THẠC SĨ THÔNG TIN - THƯ VIỆN

HÀ NỘI - 2019

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

**HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH**

**Chuyên ngành: Khoa học Thông tin - Thư viện
Mã số: 60320203**

LUẬN VĂN THẠC SĨ THÔNG TIN - THƯ VIỆN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Chu Ngọc Lâm

HÀ NỘI - 2019

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

**HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH**

Chuyên ngành: Khoa học Thông tin - Thư viện

Mã số: 60320203

**LUẬN VĂN THẠC SĨ THÔNG TIN - THƯ VIỆN
XÁC NHẬN HỌC VIÊN ĐÃ CHỈNH SỬA THEO GÓP Ý CỦA HỘI ĐỒNG**

Người hướng dẫn khoa học

Chủ tịch hội đồng chấm LVTS

TS. Chu Ngọc Lâm

PGS.TS. Trần Thị Quý

HÀ NỘI - 2019

XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG BẢO VỆ LUẬN VĂN

Luận văn đã được tác giả bổ sung chỉnh sửa theo Quyết nghị của Hội đồng chấm luận văn thạc sỹ chuyên ngành Thông tin - Thư viện gồm những nội dung sau:

- Phân tích sâu, cụ thể hơn nội hàm của khái niệm hiện đại hóa hoạt động Thông tin - Thư viện trong các trường đại học.
- Tổng quan tình hình nghiên cứu nên theo tuyến vấn đề.
- Giải pháp nên cụ thể, chi tiết hơn để giúp lãnh đạo nhà trường có kế hoạch sớm hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. Trần Thị Quý

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với thầy giáo, TS Chu Ngọc Lâm - người đã định hướng nghiên cứu khoa học và tận tình hướng dẫn em trong thời gian thực hiện luận văn.

Em xin trân trọng cảm ơn các thầy, cô giảng viên của Khoa Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã tham gia giảng dạy, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận văn.

Em cũng xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định, Trung tâm Thông tin - Thư viện cùng các đồng nghiệp và gia đình tạo điều kiện giúp đỡ em trong thời gian học tập cũng như hoàn thành luận văn.

Mặc dù em đã cố gắng hoàn thành luận văn với tất cả nỗ lực của bản thân nhưng do còn có những hạn chế về năng lực nghiên cứu nên luận văn không tránh khỏi sai sót. Em rất mong nhận được sự đánh giá, góp ý của các thầy cô trong hội đồng và các đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2019

TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Thanh Bình

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định*” là công trình tổng hợp và nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện nghiêm túc dưới sự hướng dẫn của TS. Chu Ngọc Lâm. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, đánh giá được tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau, có ghi trong phần tài liệu tham khảo và kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm với kết quả nghiên cứu của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2019

TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Thanh Bình

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	5
DANH MỤC CÁC BẢNG	6
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ.....	7
DANH MỤC CÁC HÌNH	7
MỞ ĐẦU	8
1. Tính cấp thiết của đề tài	8
2. Tình hình nghiên cứu.....	9
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	12
3.1. Mục đích nghiên cứu	12
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	12
4. Giả thuyết nghiên cứu.....	12
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	13
5.1. Đối tượng nghiên cứu	13
5.2. Phạm vi nghiên cứu	13
6. Phương pháp nghiên cứu.....	13
6.1. Phương pháp luận	13
6.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể.....	13
7. Ý nghĩa khoa học và ứng dụng của đề tài	14
7.1. Ý nghĩa khoa học	14
7.2. Ứng dụng của đề tài	14
8. Cấu trúc của luận văn.....	14
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH.....	15
1.1. Lý luận chung về hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện	15
1.1.1. Khái niệm hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện	15
1.1.2. Tiêu chí đánh giá mức độ hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện.....	17
1.1.3. Các yếu tố tác động đến hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện.....	19

1.2. Khái quát về Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định và Trung tâm Thông tin - Thư viện của nhà trường.....	22
1.2.1. <i>Khái quát về Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.....</i>	22
1.2.1.1. <i>Lịch sử hình thành và phát triển</i>	22
1.2.1.2. <i>Cơ cấu tổ chức</i>	24
1.2.2. <i>Khái quát về Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường</i>	25
1.2.2.1. <i>Lịch sử hình thành và phát triển</i>	25
1.2.2.2. <i>Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm</i>	25
1.2.2.3. <i>Cơ cấu tổ chức</i>	27
1.2.2.4. <i>Đội ngũ cán bộ.....</i>	28
1.2.2.5. <i>Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng mạng của Trung tâm.....</i>	33
1.2.2.6. <i>Đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin</i>	34
1.2.2.7. <i>Đặc điểm nguồn lực thông tin</i>	38
1.3. Vai trò của hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện với việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường	40
1.3.1. <i>Đối với công tác quản lý.....</i>	41
1.3.2. <i>Đối với cán bộ giảng dạy và nghiên cứu</i>	41
1.3.3. <i>Đối với học viên, sinh viên.....</i>	41
1.4. Yêu cầu hiện đại hóa thông tin - thư viện của Nhà trường	42
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH	43
2.1. Công tác bổ sung và xử lý tài liệu	43
2.1.1. <i>Bổ sung và phát triển nguồn lực thông tin.....</i>	43
2.1.2. <i>Xử lý tài liệu.....</i>	48
2.2. Công tác tổ chức và bảo quản tài liệu	51
2.2.1. <i>Tổ chức kho.....</i>	51
2.2.2. <i>Bảo quản tài liệu.....</i>	52
2.3. Công tác phục vụ người dùng tin.....	53
2.4. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin	59

2.5. Các yếu tố tác động đến hiện đại hóa hoạt động tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường	63
2.5.1. <i>Chủ trương, định hướng của Nhà trường</i>	63
2.5.2. <i>Công nghệ thông tin.....</i>	64
2.5.3. <i>Trình độ của cán bộ thư viện</i>	64
2.5.4. <i>Trình độ kiến thức thông tin của người dùng tin</i>	64
2.6. Đánh giá hoạt động thông tin - thư viện của Trung tâm Thông tin - Thư viện	65
2.6.1. <i>Ưu điểm.....</i>	65
2.6.2. <i>Hạn chế</i>	67
2.6.3. <i>Nguyên nhân</i>	68
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN-THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH	70
3.1. Nhóm giải pháp về hoạt động chuyên môn.....	70
3.1.1. <i>Trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện và phần mềm tích hợp</i>	71
3.1.1.1. <i>Trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện.....</i>	71
3.1.1.2. <i>Trang bị phần mềm tích hợp</i>	73
3.1.2. <i>Phát triển nguồn lực thông tin hiện đại</i>	74
3.1.2.1. <i>Đầu tư kinh phí bổ sung tài liệu điện tử</i>	74
3.1.2.2. <i>Đẩy mạnh tạo lập, phát triển và cung cấp nguồn lực thông tin số hóa.....</i>	77
3.1.2.3. <i>Đổi mới quy trình và quy định tài liệu nội sinh</i>	78
3.1.2.4. <i>Mở rộng chia sẻ nguồn lực thông tin điện tử</i>	79
3.1.3. <i>Chuẩn hóa công tác xử lý tài liệu</i>	79
3.1.4. <i>Phát triển sản phẩm, dịch vụ thông tin - thư viện theo hướng hiện đại</i>	80
3.1.4.1. <i>Sản phẩm thông tin - thư viện</i>	80
3.1.4.2. <i>Dịch vụ thông tin - thư viện</i>	81
3.1.5. <i>Tổ chức, sắp xếp lại kho tài liệu</i>	82
3.1.6. <i>Đổi mới phương thức phục vụ người dùng tin.....</i>	83
3.1.7. <i>Ứng dụng Marketing hiện đại vào hoạt động thông tin - thư viện</i>	83
3.2. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý	85
3.2.1. <i>Đổi mới phương pháp tổ chức và quản lý</i>	85

3.2.2. <i>Phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng kiến thức thông tin cho người dùng tin</i>	85
3.2.2.1. <i>Phát triển nguồn nhân lực</i>	85
3.2.2.2. <i>Bồi dưỡng kiến thức thông tin cho người dùng tin</i>	89
3.2.3. <i>Tăng cường cơ sở vật chất và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin</i>	89
3.2.3.1. <i>Tăng cường cơ sở vật chất</i>	89
3.2.3.2. <i>Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin</i>	90
KẾT LUẬN	92
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	94
PHỤ LỤC 1	99
PHỤ LỤC 2	104
PHỤ LỤC 3	112

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

Chữ viết tắt

CBTV

CNTT

CSDL

ĐHSPKTND

HDH

NLTT

NCT

NDT

TL - GT

TT-TV

Chữ viết đầy đủ

Cán bộ thư viện

Công nghệ thông tin

Cơ sở dữ liệu

Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

Hiện đại hóa

Nguồn lực thông tin

Nhu cầu tin

Người dùng tin

Tài liệu - giáo trình

Thông tin - Thư viện

Tiếng Anh

Chữ viết tắt

CD-ROM

DDC

ISBD

MARC 21

Chữ viết đầy đủ

Compact Disc Read-Only Memory

Bộ nhớ chỉ đọc trên đĩa nén

Dewey Decimal Classification

Khung phân loại thập phân Dewey

International Standard Bibliographic Description

Quy tắc mô tả thư mục theo tiêu chuẩn quốc tế

Machine Readable Cataloguing

Khổ mẫu biên mục có thể đọc bằng máy

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Cơ cấu cán bộ theo độ tuổi của Trung tâm TT-TV	29
Bảng 1.2: Trình độ học vấn của cán bộ.....	30
Bảng 1.3: Ngành tốt nghiệp của cán bộ	32
Bảng 1.4: Thống kê nhóm người dùng tin tại Trường ĐHSPKTND.....	35
Bảng 1.5: Mức độ NDT dành thời gian đến Trung tâm TT-TV	36
Bảng 1.6: Mục đích lên thư viện của NDT	36
Bảng 1.7: Loại hình tài liệu và mức độ sử dụng	37
Bảng 1.8: Số lượng bản sách hiện có tại Trung tâm TT-TV.....	39
Bảng 1.9: Thống kê nguồn tài liệu nội sinh tại Trung tâm TT-TV	40
Bảng 2.1: Kinh phí bổ sung tài liệu từ năm 2014-2018.....	44
Bảng 2.2: Số lượng tài liệu bổ sung hàng năm	45
Bảng 2.3: Nội dung tài liệu NDT quan tâm và mức độ đáp ứng	47
Bảng 2.4: Thống kê lượt NDT từ năm 2014 đến năm 2018	54
Bảng 2.5: Thống kê lượt NDT mượn tài liệu từ năm 2014 đến năm 2018.....	55
Bảng 2.6: Dịch vụ TT-TV NDT sử dụng.....	57
Bảng 2.7: Mức độ tìm kiếm tài liệu - giáo trình trên Website Trường	62

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1: Cơ cấu cán bộ theo độ tuổi của Trung tâm TT-TV	30
Biểu đồ 1.2: Trình độ học vấn của cán bộ	31
Biểu đồ 1.3: Ngành tốt nghiệp của cán bộ	32
Biểu đồ 1.4: Thống kê nhóm người dùng tin tại Trường ĐHSPKTND.....	35
Biểu đồ 1.5: Loại hình tài liệu và mức độ sử dụng của NDT	38
Biểu đồ 1.6: Số lượng bản sách hiện có tại Trung tâm TT-TV	39
Biểu đồ 1.7: Thống kê nguồn tài liệu nội sinh tại Trung tâm TT-TV.....	40
Biểu đồ 2.1: Kinh phí bổ sung tài liệu từ năm 2014-2018.....	44
Biểu đồ 2.2: Số lượng tài liệu bổ sung hàng năm	45
Biểu đồ 2.3: Thống kê lượt NDT từ năm 2014 đến năm 2018	54
Biểu đồ 2.4: Thống kê lượt NDT mượn tài liệu từ năm 2014 đến năm 2018.....	55

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Nhà trường	24
Hình 1.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trung tâm.....	27
Hình 2.1: Giao diện tài liệu nội bộ trên Website Nhà trường	61
Hình 2.2: Giao diện giới thiệu sách mới trên Website Nhà trường	61
Hình 2.3: Giao diện hỗ trợ tìm kiếm thông tin trên Website Nhà trường	62

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin (CNTT) đã thâm nhập vào tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông tin ngày nay đã và đang có giá trị lớn hơn cả mọi loại tài nguyên thiên nhiên khác.

Thông tin tư liệu vừa là đầu vào vừa là đầu ra của công tác nghiên cứu khoa học. Nó là một trong ba bộ phận cấu thành của hoạt động khoa học, đó là thông tin tư liệu khoa học, quản lý khoa học và nghiên cứu khoa học. Trên thế giới, việc phát triển thông tin tư liệu không chỉ là chiến lược mà còn là trách nhiệm của Nhà nước, các bộ, các ngành và địa phương. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã chỉ rõ nhiệm vụ tổng quát trong 5 năm tới (2016-2020): “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước” [5, tr. 77]. Cập nhật, phổ biến thông tin và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện nói chung và hệ thống thư viện trường đại học nói riêng là mục tiêu phát triển của mỗi cơ quan. Do vậy việc hiện đại hóa (HĐH) các cơ quan thông tin - thư viện (TT-TV) đáp ứng nhu cầu của giáo dục và đào tạo là hết sức quan trọng. Nguồn lực thông tin (NLTT) và trang thiết bị phải thường xuyên được cập nhật, được bổ sung cho phù hợp với xu thế của thời đại.

Trong bối cảnh đó các cơ quan TT-TV nhất là thư viện đại học Việt Nam đã rất quan tâm tới việc ứng dụng công nghệ hiện đại, CNTT vào trong tổ chức và hoạt động của mình. Ứng dụng CNTT mà đặc biệt xây dựng thư viện điện tử là yếu tố rất quan trọng trong tiến trình HĐH này. Mặt khác, trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay các trường đại học đã chuyển từ đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo tín chỉ. Đào tạo theo hình thức này đã làm gia tăng nhu cầu tra cứu, tìm kiếm thông tin của người dùng tin (NDT) phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên trong trường. Vì thế số

lượng NDT của thư viện đã tăng lên và hình thức phục vụ phải đa dạng hơn so với đào tạo theo niên chế nên đòi hỏi hoạt động thư viện cũng phải thay đổi theo để đáp ứng nhu cầu của NDT. Thư viện không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin theo yêu cầu mà phải chủ động, đón đầu đó là cung cấp thông tin trước khi có nhu cầu.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định (ĐHSPKTND) là trường đào tạo giáo viên dạy kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật, ngoại ngữ và kinh tế trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng chất lượng cao; là cơ sở bồi dưỡng, nghiên cứu và ứng dụng khoa học có uy tín về các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học kinh tế - quản lý và khoa học giáo dục; phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là vùng Đồng bằng phía Nam Sông Hồng. Từ năm 2011, Trường bắt đầu chuyển sang đào tạo theo hình thức tín chỉ. Với phương thức đào tạo mới này đòi hỏi thư viện Nhà trường cũng phải thay đổi về tổ chức và hoạt động để đáp ứng hiệu quả nhu cầu về thông tin, tài liệu của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên. Hiện nay Trung tâm Thông tin - Thư viện (TT-TV) Nhà trường mặc dù đã được quan tâm đầu tư tuy nhiên hoạt động còn mang tính chất truyền thống, chưa sử dụng phần mềm nghiệp vụ thư viện, nguồn tài liệu số chưa phong phú, chưa có sản phẩm và dịch vụ hiện đại cung cấp tin cho NDT. Trình độ của cán bộ thư viện (CBTV) chưa đáp ứng xu hướng phát triển của thời đại mới. Đây cũng là hạn chế làm hiệu quả áp dụng đào tạo theo tín chỉ của Trường chưa được như mong muốn.

Vì những lý do trên tôi chọn đề tài “***Hiện đại hoá hoạt động Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định***” làm đề tài luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Khoa học Thông tin - Thư viện của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay các cơ quan TT-TV trên thế giới nói chung cũng như ở Việt Nam nói riêng đang có những bước chuyển mình rất rõ nét mà cụ thể là việc ứng dụng CNTT vào tất cả mọi hoạt động của thư viện đặc biệt trong các trường đại học. Điều này đang tạo ra nhiều cơ hội phát triển tuy nhiên cũng là thách thức đối với nhiều cơ quan TT-TV. Vì vậy vấn đề HĐH thư viện, vấn đề ứng dụng CNTT vào hoạt động TT-TV đang là vấn đề cấp bách và được các nhà chuyên môn cũng như những người làm trong ngành thư viện quan tâm rất nhiều.

Những công trình đề cập đến vấn đề phát triển các bộ sưu tập số và cung cấp dịch vụ HĐH như: “Modernization of library and information services in technical higher education institutions in North India: state-of-the-art report” của tác giả Seema Vasishta (2008): đánh giá thực trạng, tác động của HĐH đến môi trường, phát triển bộ sưu tập, dịch vụ kết xuất và nguồn nhân lực trong các trường đại học kỹ thuật của Bắc Ấn Độ; đưa ra giải pháp để cải thiện tình hình hiện tại và cung cấp dịch vụ HĐH cho cộng đồng người dùng [43, tr. 286-294]. Cuốn sách “Modernization of libraries: a challenge in digital era” (2008) của tác giả Chandrakant Swain: Trong quá trình HĐH xuất hiện những khái niệm mới, hiện đại; các bộ sưu tập số đang thay thế các bộ sưu tập truyền thống. Cuốn sách cũng là nỗ lực để giúp sinh viên, giáo viên, chuyên gia và các nhà nghiên cứu tự cập nhật các xu hướng gần đây của thư viện [42].

Những công trình đề cập đến vấn đề số hóa tài liệu như: “Hiện đại hoá hoạt động thông tin - thư viện các trường đại học trong thời đại công nghệ góp phần đổi mới chất lượng giáo dục đại học Việt Nam” của tác giả Nguyễn Thanh Trà đăng trên Tạp chí Thư viện Việt Nam số 2 năm 2015 [33, tr. 16-20], “Công tác xây dựng bộ sưu tập số tài liệu nội sinh tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Lê Vũ Hùng, Trường Đại học Đồng Tháp” của tác giả Nguyễn Hoàng Nam đăng trên *Tạp chí Thư viện Việt Nam* số 3 năm 2019, [20, tr. 52-55]. “Số hóa tài liệu nội sinh góp phần giảm khoảng cách số trong giáo dục và đào tạo cao đẳng - đại học” của tác giả Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương đăng trên *Tạp chí Thư viện Việt Nam* số 3 năm 2014, [40, tr. 15-30]. Nhìn chung các viết trên trình bày tính tất yếu khách quan trước yêu cầu HĐH hoạt động TT-TV hiện nay, thực trạng công tác số hóa nguồn tài liệu, tài liệu nội sinh và đưa ra một số giải pháp thực hiện HĐH: chính sách đầu tư cơ sở vật chất, phát triển nguồn tài liệu điện tử, số hóa và xây dựng các bộ sưu tập số.

Những công trình nghiên cứu về vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin như: Cuốn sách “Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong đổi mới hoạt động thư viện” của tác giả Vương Toàn năm 2013 [32] giúp ta nắm rõ nguồn tài nguyên thông tin trong thư viện và thư viện đó sử dụng CNTT như thế nào để truy hồi thông tin nhằm mục đích phục vụ tốt thông tin cho NĐT. Cuốn sách “Tự động hóa

trong hoạt động thông tin - thư viện” (2007) của tác giả Trần Thị Quý và Đỗ Văn Hùng: Tự động hóa hoạt động TT-TV chính là quá trình mà mọi hoạt động nghiệp vụ truyền thống từng bước được HĐH. Trong quá trình hoạt động đó máy móc thiết bị và công nghệ đã và đang dần dần thay thế sức lao động của con người. Quá trình tự động hóa là yêu cầu bắt buộc trong định hướng phát triển của mỗi cơ quan TT-TV hiện nay [24]. Bài viết: “Sự tác động của công nghệ thông tin tới hoạt động thư viện - thông tin” (2015) của tác giả Đinh Thuý Quỳnh và Hoàng Thuý Phương. Bài viết đề cập đến quá trình chuyển mình của các thư viện từ thư viện truyền thống sang thư viện điện tử dưới sự tác động của công nghệ thông tin. Từ đó, tác giả cũng đề xuất các giải pháp phát triển nhằm nâng cao hoạt động các thư viện trong thời đại ngày nay [25, tr. 24-28].

Những công trình nghiên cứu về thư viện hiện đại như: Bài viết “Modernization of academic libraries: A challenge in the digital era” của tác giả Vishala B.Mallapur (2009): đưa ra thực trạng của các thư viện học thuật trong kỷ nguyên số, cách thức quản lý tốt nhất các nguồn lực để đáp ứng những thách thức của thư viện trong thế kỷ 21 [45]. Luận án Tiến sĩ “Quản lý thư viện hiện đại tại Việt Nam” của tác giả Nguyễn Văn Thiên bảo vệ năm 2016. Luận án đi sâu phân tích sự biến đổi của thư viện Việt Nam từ truyền thống sang hiện đại, thực trạng quản lý trong các thư viện và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý trong các thư viện hiện đại tại Việt Nam [30]. Bài viết “Hiện đại hóa ngành thông tin - thư viện Việt Nam cần đi vào thực chất hơn” của tác giả Đỗ Văn Hùng đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học ngành TT-TV trong xã hội thông tin của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn năm 2006 [14, tr. 275-280]. Tác giả giúp ta nắm rõ thực trạng công tác HĐH ngành TT-TV ở Việt Nam, xác định nguyên nhân của thực trạng, từ đó định hướng công tác HĐH các cơ quan TT-TV Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Một số công trình đề cập đến việc HĐH hoạt động thông tin - thư viện như: Tác giả Võ Công Nam - Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh viết bài “Một góc nhìn khác về con đường hiện đại hóa thư viện trong điều kiện Việt Nam” đăng trên tạp chí Thông tin - Tư liệu số 1 năm 2005 [21, tr. 16-19]. Bài viết giúp ta thấy được hiện trạng hoạt động thư viện hiện nay và vấn đề HĐH. Tác giả nhấn

manh, HĐH phải được tiến hành toàn diện trên tất cả các lĩnh vực như tầm nhìn, hành động và tổ chức. Luận văn “Hiện đại hóa Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương” của tác giả Nguyễn Thị Phương Hồng bảo vệ năm 2012 [12]; “Hiện đại hóa công tác tổ chức hoạt động thông tin tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Điện lực” của tác giả Lê Đình Hoàng bảo vệ năm 013 [13]; “Hiện đại hóa hoạt động thông tin tại Thư viện Quốc gia Lào” của tác giả Phay Vanh Oudomnakhonsy bảo vệ năm 2015 [22]. Nhìn chung các đề tài trên chỉ đi sâu nghiên cứu thực trạng HĐH công tác tổ chức hoạt động thông tin và đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác tổ chức theo hướng HĐH của các trường đại học hay của một cơ quan thông tin cụ thể, chứ không phản ánh hoạt động TT-TV của Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định. Như vậy, vấn đề HĐH hoạt động TT-TV Trường ĐHSPTNĐ chưa có luận văn nào đề cập đến. Vì vậy, đây là đề tài nghiên cứu đầu tiên, hoàn toàn mới, không trùng lặp với các công trình nghiên cứu nào trước đó.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp HĐH hoạt động TT-TV, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin của NDT trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường ĐHSPTNĐ.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về HĐH hoạt động TT-TV.
- Khảo sát và phân tích thực trạng HĐH hoạt động TT-TV Trường ĐHSPTNĐ.
- Đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi nhằm HĐH hoạt động TT-TV Trường ĐHSPTNĐ.

4. Giả thuyết nghiên cứu

Hiện nay hoạt động TT-TV của Nhà trường còn nhiều hạn chế, mang nặng tính thủ công, chưa sử dụng phần mềm nghiệp vụ thư viện gây khó khăn cho công tác nghiệp vụ và chưa đáp ứng được nhu cầu tin (NCT) của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên. Nguồn tài liệu số chưa phong phú, chưa có sản phẩm và dịch vụ

hiện đại cung cấp tin cho người dùng tin (NDT). Trình độ của CBTV và NDT mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng và vận hành thư viện truyền thống. Nếu Trung tâm TT-TV giải quyết tốt được những bài toán cơ bản: Xây dựng được cơ sở vật chất hiện đại; chuẩn hóa công tác xử lý tài liệu; trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện; bổ sung NLTT và các sản phẩm, dịch vụ TT-TV hiện đại; đào tạo NDT; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ; ứng dụng marketing hiện đại vào hoạt động TT-TV, chắc chắn chất lượng hoạt động TT-TV sẽ được nâng lên, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Vấn đề HĐH hoạt động TT-TV của Trường ĐHSPKTND và các hoạt động liên quan đến HĐH.

5.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Không gian nghiên cứu của đề tài là thực trạng hiện đại hóa hoạt động TT-TV Trường ĐHSPKTND.

Phạm vi thời gian: Từ năm 2014 đến 2018.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử kết hợp với các chủ trương, đường lối mới của Đảng, Nhà nước ta về công tác thông tin, thư viện nói chung và HĐH thư viện nói riêng.

6.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
- Phương pháp khảo sát thực tế.
- Phương pháp thu thập, thống kê, phân tích và tổng hợp số liệu.
- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.
- Phương pháp phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia.
- Phương pháp so sánh.

Để tiến hành nghiên cứu phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, tác giả đã phát phiếu điều tra (theo mẫu Phụ lục 1). Quá trình thực hiện phương pháp này như

sau: Tổng số phiếu phát ra 200 phiếu trong đó chia làm 3 đối tượng: cán bộ quản lý, lãnh đạo: 20 phiếu; cán bộ nghiên cứu, giảng dạy: 35 phiếu; Học viên, sinh viên: 145 phiếu. Tổng số phiếu thu về: 196 phiếu đạt tỷ lệ 98%.

7. Ý nghĩa khoa học và ứng dụng của đề tài

7.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài hoàn thiện và phát triển lý luận về HĐH hoạt động TT-TV của hệ giáo dục đại học; khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng và giá trị thiết thực của công tác HĐH hoạt động TT-TV trường học.

Đề tài đã hệ thống hóa các quan điểm về HĐH hoạt động TT-TV làm cơ sở khoa học cho việc ứng dụng CNTT và các chuẩn nghiệp vụ quốc tế, quốc gia vào hoạt động TT-TV của Nhà trường.

7.2. Ứng dụng của đề tài

Đề tài đã đề xuất giải pháp cụ thể mang tính khả thi về HĐH hoạt động của Trung tâm TT-TV Trường ĐHSPTND, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện, thoả mãn cao nhất cho NDT, phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên trong Trường trong thời gian tới. Ngoài ra luận văn cũng là gợi ý về HĐH thư viện cho các trường đại học chưa tiến hành HĐH.

8. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, Luận văn gồm 3 chương với nội dung sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

Chương 2: Thực trạng hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

Chương 3: Giải pháp hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

1.1. Lý luận chung về hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện

1.1.1. Khái niệm hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện

Khái niệm hiện đại hóa:

Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lâm xuất bản năm 2000 định nghĩa: “Hiện đại hóa là trang bị bằng những dụng cụ, máy móc hợp với thời đại nhất [18, tr. 827].

Theo từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê (năm 2010) định nghĩa: “Hiện đại hóa là làm cho mang tính chất của thời đại ngày nay hoặc là làm trở thành có đầy đủ mọi trang bị, thiết bị của nền công nghiệp hiện đại [23, tr. 567]”.

Hiện nay có thể hiểu: Hiện đại hóa là quá trình chuyển biến từ tính chất truyền thống sang trình độ tiên tiến, hiện đại.

Do vậy khi nói đến HĐH, người ta thường nghĩ đến một hệ thống trang thiết bị hiện đại bao gồm hệ thống máy vi tính, những phần mềm chuyên dụng, hệ thống an ninh, camera, cổng từ...

Khái niệm hoạt động:

Theo từ điển tiếng Việt phổ thông (2002): “Hoạt động là tiến hành những việc làm có quan hệ với nhau chặt chẽ nhằm một mục đích nhất định trong đời sống xã hội” [36, tr. 586].

Như vậy, hoạt động chính là quá trình triển khai các công việc, các thao tác... nhằm đạt đến một kết quả nào đó.

Khái niệm hoạt động TT-TV:

Hoạt động TT-TV là quá trình thu thập tài liệu, xử lý, lưu trữ, tổ chức việc khai thác tài liệu nhằm thỏa mãn nhu cầu thông tin của NDT. Hoạt động này phải

thực hiện các công việc như: thu thập, xử lý, lưu trữ và phổ biến thông tin, từ đó tạo điều kiện tốt nhất cho NDT khai thác, sử dụng NLTT của thư viện.

Chủ thể của hoạt động TT-TV là người CBTV. Đối tượng của hoạt động thư viện là các loại hình tài liệu khác nhau: tài liệu giấy, tài liệu điện tử, tài liệu đa phương tiện. Mục đích cuối cùng của hoạt động TT-TV là tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thư viện nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu tìm kiếm và sử dụng thông tin của NDT.

Khái niệm HĐH hoạt động TT-TV:

Căn cứ vào đặc điểm của thư viện hiện đại, HĐH hoạt động thư viện được định nghĩa như sau:

- NLTT bao gồm tài liệu truyền thống và tài liệu điện tử.
- Cách thức thu thập, xử lý, tổ chức và phân phối thông tin theo hướng chuẩn hóa, tự động hóa.
- Không gian thư viện rộng mở, bao gồm không gian vật lý và không gian ảo.
- Dịch vụ thư viện mang tính mở có khả năng tương tác cao giữa NDT và thư viện.
- Thư viện có khả năng liên kết với các thư viện khác thành các hệ thống có thể đáp ứng được yêu cầu thay đổi về công nghệ và NCT của NDT.

Đối với các trường đại học thì khái niệm HĐH hoạt động TT-TV cần phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đảm bảo triển khai, vận hành thư viện số và tự động hóa thư viện;
- Xây dựng các phòng đọc mở, hệ thống mượn trả tài liệu tự động;
- Có hệ thống giám sát, an ninh thư viện tiên tiến;
- Có các sản phẩm và dịch vụ hiện đại đáp ứng NCT của NDT;
- Có khả năng liên kết với các thư viện đại học trong nước, khu vực và quốc tế.

Như vậy HĐH hoạt động TT-TV là HĐH toàn diện dây chuyền TT-TV từ khâu lập kế hoạch đến khâu tổ chức thực hiện. Đó là sự thay đổi về chất hoạt động TT-TV theo hướng chuẩn hóa, tự động hóa. Bao gồm việc xây dựng NLTT truyền thống và điện tử, chuẩn hóa, tự động hóa các khâu thu thập, xử lý, quản lý và khai thác thông tin; HĐH dịch vụ TT-TV; tăng khả năng liên kết, chia sẻ sản phẩm, dịch

vụ thông tin giữa các thư viện, tạo mọi điều kiện thuận lợi, thân thiện cho NDT khai thác thông tin.

1.1.2. Tiêu chí đánh giá mức độ hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện

Hoạt động TT-TV trong trường học nhất là trường đại học có vai trò rất quan trọng đối với NDT. Để đánh giá hoạt động TT-TV cần dựa vào các tiêu chí sau:

*** Mức độ và chất lượng đáp ứng nhu cầu tin của nguồn lực thông tin**

Trong trường đại học, thư viện là động lực đóng góp vào việc đổi mới giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực có tri thức cho đất nước. Vì thế thư viện có nhiệm vụ lựa chọn và bổ sung các sách, báo, tài liệu phù hợp với khung chương trình đào tạo đã được ban hành. Để hoàn thành được vai trò đó thì Trung tâm TT-TV Nhà trường phải được trang bị một NLTT đủ mạnh bao gồm nguồn tin truyền thống và nguồn tin điện tử, có chất lượng cao để đáp ứng mọi NCT của NDT.

Về nội dung tài liệu: Nội dung tài liệu là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng tài liệu. Trung tâm TT-TV trường cần phải có đầy đủ tài liệu thuộc các lĩnh vực: CNTT, điện - điện tử, cơ khí, kinh tế... Các tài liệu này cần phải được bổ sung thường xuyên, có chất lượng và luôn cập nhật.

Ngoài yêu cầu về nội dung, thư viện cần phải bổ sung tài liệu đa dạng về hình thức, đáp ứng cả về số lượng và chất lượng thì CBTV cần phải dựa trên kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá nhu cầu tài liệu của người dùng để từ đó xem xét mức độ đáp ứng nhu cầu NLTT.

*** Mức độ thỏa mãn nhu cầu tin của người dùng tin**

Về thái độ phục vụ của cán bộ thư viện. Thái độ phục vụ của CBTV là một trong những yếu tố góp phần đáp ứng NCT của NDT. Khi NDT đến thư viện, nếu người cán bộ nhiệt tình phục vụ, NCT được đáp ứng đầy đủ thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện. Vì thế đây là một trong những yếu tố cần phải tiến hành để điều tra, khảo sát để đánh giá mức độ thỏa mãn NCT của NDT.

Về sản phẩm và dịch vụ: để đáp ứng NCT ngày càng cao, ngày càng đa dạng của NDT thì các cơ quan TT-TV cần phải chú trọng:

Hoàn thiện bộ máy tra cứu truyền thống và nâng cao chất lượng bộ máy tra cứu hiện đại.

Hoàn thiện những sản phẩm và dịch vụ truyền thống hiện có trong thư viện đồng thời mở rộng các sản phẩm và dịch vụ hiện đại như: Dịch vụ tra cứu trực tuyến, dịch vụ mượn qua mạng, dịch vụ sử dụng tài liệu số trực tuyến, dịch vụ phổ biến thông tin hiện tại, dịch vụ phổ biến thông tin có chọn lọc. Giới thiệu, trưng bày, triển lãm các tài liệu mới. Tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa NDT và các chuyên gia thông tin. Đây cũng là dịch vụ phục vụ NDT theo phương thức mở, tăng cường sự tương tác giữa NDT với tài liệu và hoạt động TT-TV, nâng cao sức hấp dẫn của thư viện với NDT.

Lượt NDT đến thư viện: Mức độ thỏa mãn nhu cầu của NDT còn phụ thuộc vào số lượt NDT đến với thư viện. Hiện nay các thư viện chủ động marketing để kêu gọi NDT đến sử dụng thư viện. Cùng với đó, dựa trên nhu cầu và thói quen sử dụng, các thư viện xây dựng các sản phẩm và dịch vụ thông tin đáp ứng nhu cầu NDT. Nghiên cứu và thiết kế các sản phẩm và dịch vụ trực tuyến phục vụ NDT.

Ngoài việc đưa ra các sản phẩm và dịch vụ thông tin phong phú, đa dạng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của NDT thì vấn đề thư viện thân thiện, cán bộ thân thiện cũng là một trong những tiêu chí quan trọng để NDT đến với cơ quan TT-TV.

Vòng quay của tài liệu: Người CBTV tính được số vòng quay của tài liệu, tính được cuốn sách đó được mượn bao nhiêu lần/tuần/tháng/năm. Vòng quay của tài liệu tăng nhanh chứng tỏ nhu cầu của NDT về tài liệu đó là lớn.

Khi đã tính được số vòng quay của tài liệu, người cán bộ biết được tên tài liệu nào NDT có nhu cầu nhiều, tài liệu nào có nhu cầu ít, từ đó có kế hoạch điều chỉnh các chính sách bổ sung tài liệu cho phù hợp.

*** Mức độ tin học hóa và tự động hóa hoạt động TT-TV**

Để đánh giá mức độ HĐH hoạt động TT-TV, mức độ tin học hóa và HĐH là tiêu chí vô cùng quan trọng. Máy tính đóng vai trò quan trọng như là một kho dữ liệu và công cụ truy xuất. Do đó máy tính hoạt động như một người quản lý kho sách đồng thời có thể cung cấp các khả năng xử lý để tạo ra thông tin. Máy tính phục vụ như là một công cụ giao tiếp: thu nhận dữ liệu và thông tin từ những máy tính khác, có thể trình bày thông tin một cách đa dạng. Tin học hóa còn giúp trong các khâu như: tạo ra mục lục liên hợp trực tuyến OPAC, lưu hành, biên mục, bổ

sung tài liệu... Nó còn đảm bảo hệ thống vận hành tốt và an toàn dữ liệu, bao gồm việc quản lý và phân quyền, bảo mật và sao lưu, phục hồi dữ liệu. Một cơ quan TT-TV còn bao gồm cả phân hệ quản lý nguồn thông tin điện tử và phân hệ truy hồi từ những kho tin khác và trình bày dưới dạng thư mục hay toàn văn.

1.1.3. Các yếu tố tác động đến hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện

Để tiến hành HĐH hoạt động TT-TV thì cần phải đảm bảo những yếu tố quan trọng sau: Nhận thức của lãnh đạo, CBTV, hạ tầng CNTT, các thiết bị chuyên dùng, các phần mềm chuyên dụng và trình độ thông tin của NDT.

+ Nhận thức của lãnh đạo:

Hoạt động TT-TV được quy định cụ thể trong chức năng, nhiệm vụ của mỗi thư viện. Hoạt động TT-TV trong mỗi cơ quan phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức của lãnh đạo đơn vị đó. Vai trò, tầm quan trọng của hoạt động thư viện được nhìn nhận khác nhau ở mỗi lãnh đạo. Lãnh đạo nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động TT-TV để từ đó có thể trực tiếp hoặc gián tiếp chỉ đạo hoạt động TT-TV hiệu quả, đưa ra được những chính sách phát triển cụ thể dài hạn và ngắn hạn cho hoạt động thư viện: xây dựng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho quá trình HĐH, xây dựng kế hoạch tổng thể, đồng bộ trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, cuối cùng là đảm bảo tính hiệu quả và khả năng liên thông trao đổi với các cơ quan TT-TV.

+ Cán bộ thư viện:

Trong bất kỳ hoạt động nói chung và HĐH hoạt động TT-TV nói riêng, yếu tố đầu tiên được nhắc đến đó là yếu tố con người - người CBTV. Đây là những người cán bộ có trách nhiệm thiết kế, xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin. Người CBTV ngoài những người có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực thư viện thì còn phải có những người có kiến thức chuyên môn về CNTT, đó là những kỹ sư tin học có trách nhiệm giám sát việc vận hành và bảo trì hệ thống, nghiên cứu các ứng dụng tức là các công việc phải tin học hóa, tự động hóa.

Một thư viện HĐH là một thư viện phải gắn với CNTT, vì vậy yêu cầu đặt ra đối với người CBTV như sau:

Đối với người quản lý thư viện phải biết định hướng, nhanh nhạy nắm bắt được xu hướng thông tin mới, vận dụng nghiệp vụ thư viện, CNTT để đưa thông tin cập nhật đến với người sử dụng, ứng dụng mã vạch trong khâu quản lý, sử dụng chuẩn nghiệp vụ trong hoạt động của đơn vị mình.

Đối với người CBTV ngoài những kiến thức cơ bản được trang bị từ những cơ sở đào tạo nghề thư viện phải tự cập nhật những kiến thức chuyên môn mới để ứng dụng và xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, người CBTV cũng cần trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về hạ tầng công nghệ, kiến thức vận hành hệ thống CNTT. Đó là những kiến thức cơ bản đòi hỏi người làm thư viện phải có để làm việc trong môi trường hiện đại. Trong môi trường mới, người cán bộ không đơn thuần là phục vụ mà mang tính định hướng, chủ động định hướng NDT đến với mình, và đáp ứng một cách tốt nhất và nhanh nhất thông tin cho NDT.

Trình độ của CBTV: Trình độ của người CBTV có vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động TT-TV. Người CBTV không chỉ là người thủ thư giữ tài liệu mà còn là những người định hướng cho NDT đến với tài liệu họ cần một cách nhanh nhất, chính xác nhất. Người cán bộ ngày nay ngoài chuyên môn vững vàng, có trình độ về CNTT, hiểu biết về công nghệ liên quan đến thư viện số, tạo lập website, xây dựng và duy trì mạng máy tính cũng cần phải có trình độ ngoại ngữ nhất là tiếng Anh để sử dụng vào hoạt động chuyên môn của thư viện. Ngoài ra, người CBTV còn cần phải chủ động nắm bắt được NCT của NDT để cung cấp cho họ một cách nhanh nhất, chính xác nhất.

+ Hạ tầng CNTT và cơ sở vật chất

Hạ tầng CNTT: Hạ tầng phần cứng bao gồm các thiết bị phần cứng phục vụ hoạt động của thư viện:

Hệ thống mạng gồm: Hệ thống cáp, hệ thống thiết bị, hệ thống truyền thông phục vụ kết nối mạng LAN, kết nối truy cập Internet.

Hệ thống máy chủ và máy trạm các hệ thống máy chủ và máy trạm phục vụ cho các công tác nghiệp vụ, tra cứu thông tin.

Thiết bị an toàn thông tin - các thiết bị hỗ trợ nhằm đảm bảo an toàn hệ thống thông tin như các thiết bị lưu điện, chống sét, thiết bị sao lưu dữ liệu, các thiết bị bảo mật.

Hệ điều hành và quản trị cơ sở dữ liệu.

Các phần mềm hệ thống và các phần mềm dịch vụ: các phần mềm hỗ trợ để đảm bảo việc hoạt động cũng như tính an toàn của toàn bộ hệ thống gồm: các phần mềm sao lưu dữ liệu, phần mềm bảo mật, các dịch vụ mạng, các tiện ích...

+ Thiết bị chuyên dùng cho thư viện

Các thiết bị chuyên dùng cho thư viện bao gồm: hệ thống công từ, băng từ bảo vệ tài liệu, các thiết bị nhiễm và khử từ.

Hệ thống camera quan sát: dùng trong xây dựng các phòng đọc tự chọn (kho mở) và để kiểm soát NDT.

Thiết bị nhập liệu: các thiết bị phục vụ công tác nhập liệu như: máy scanner, digital camera, card xử lý đồ họa...

Thiết bị mã vạch: đầu đọc mã vạch, máy in mã vạch barcode, thiết bị gồm giấy in chuyên dụng, dữ liệu di động.

Khi tiến hành HĐH thì thư viện đó cần được: nối mạng nội bộ, chia sẻ thông tin. Mạng cho phép chia sẻ thông tin tổ chức dịch vụ trực tuyến: online catalog, database, email, mượn liên thư viện...

+ Phần mềm chuyên dụng

Phần mềm chuyên dụng là những phần mềm được biên soạn và áp dụng cho hoạt động nghề nghiệp cụ thể nào đó. Trong hoạt động TT-TV hiện nay có khá nhiều phần mềm chuyên dụng. Các phần mềm này bao gồm phần mềm mã nguồn mở và phần mềm thương mại.

Về phần mềm chuyên dụng cho ngành TT-TV có phần mềm tích hợp cho cả hệ thống thông tin và các phần mềm riêng lẻ cho từng hoạt động cụ thể nào đó của ngành. Hiện nay có một số phần mềm như Libol, Elip... Phần mềm mã nguồn mở như: Dspace, Koha... Những phần mềm này có những tính năng cơ bản như: bổ sung, thu thập, xử lý, lưu trữ và phân phối thông tin.

Các phần mềm cho từng hoạt động nghiệp vụ cụ thể: Phần mềm xuất bản thông tin điện tử, phần mềm số hóa tài liệu, phần mềm công thông tin.

+ Trình độ thông tin của người dùng tin:

Trình độ thông tin của NDT thể hiện ở khối lượng và chất lượng thông tin mà họ lĩnh hội được, tập quán thông tin và kỹ năng thông tin. Trình độ thông tin là điều kiện cần thiết để NDT làm việc có hiệu quả và được hình thành dưới ảnh hưởng của các yếu tố như khả năng cảm thụ thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin.

Các cơ quan TT-TV hàng năm vẫn tổ chức đào tạo NDT để nâng cao trình độ khai thác thông tin cho NDT. Một số hình thức đào tạo như: Tổ chức các khóa hướng dẫn, hội thảo, các lớp sử dụng thư viện đầu năm. Qua những buổi đào tạo như vậy, trình độ sử dụng và khai thác thông tin của NDT đã được nâng lên phục vụ tốt cho nhiệm vụ nghiên cứu và học tập của sinh viên.

Về trình độ tin học của cán bộ và giảng viên: đây là nguồn nhân lực có chất lượng cao vì đây là những NDT đều đã học qua đại học, số lượng giảng viên đa phần có trình độ thạc sỹ và tiến sỹ. Vì vậy khả năng sử dụng máy tính và trình độ tin học của họ tương đối tốt.

Đối với NDT là người quản lý thì nhu cầu khai thác thông tin của họ phục vụ cho công việc là rất lớn, họ sử dụng máy tính và tin học thường xuyên để tìm kiếm, khai thác thông tin.

Như vậy, HĐH hoạt động TT-TV sẽ góp phần nâng cao vai trò, vị trí của thư viện trong nhà trường và xã hội.

1.2. Khái quát về Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định và Trung tâm Thông tin - Thư viện của nhà trường

1.2.1. Khái quát về Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định

1.2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Trường ĐHSPTNĐ được thành lập ngày 21 tháng 12 năm 1966 với tên gọi ban đầu là Trường Trung học Công nghiệp Nam Hà thuộc Bộ Công nghiệp nặng, có nhiệm vụ đào tạo cán bộ trung cấp kỹ thuật.

Ngày 17 tháng 6 năm 1971 Trường được đổi tên thành Trường Giáo viên dạy nghề II theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 28 tháng 5 năm 1999, Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Nam Định.

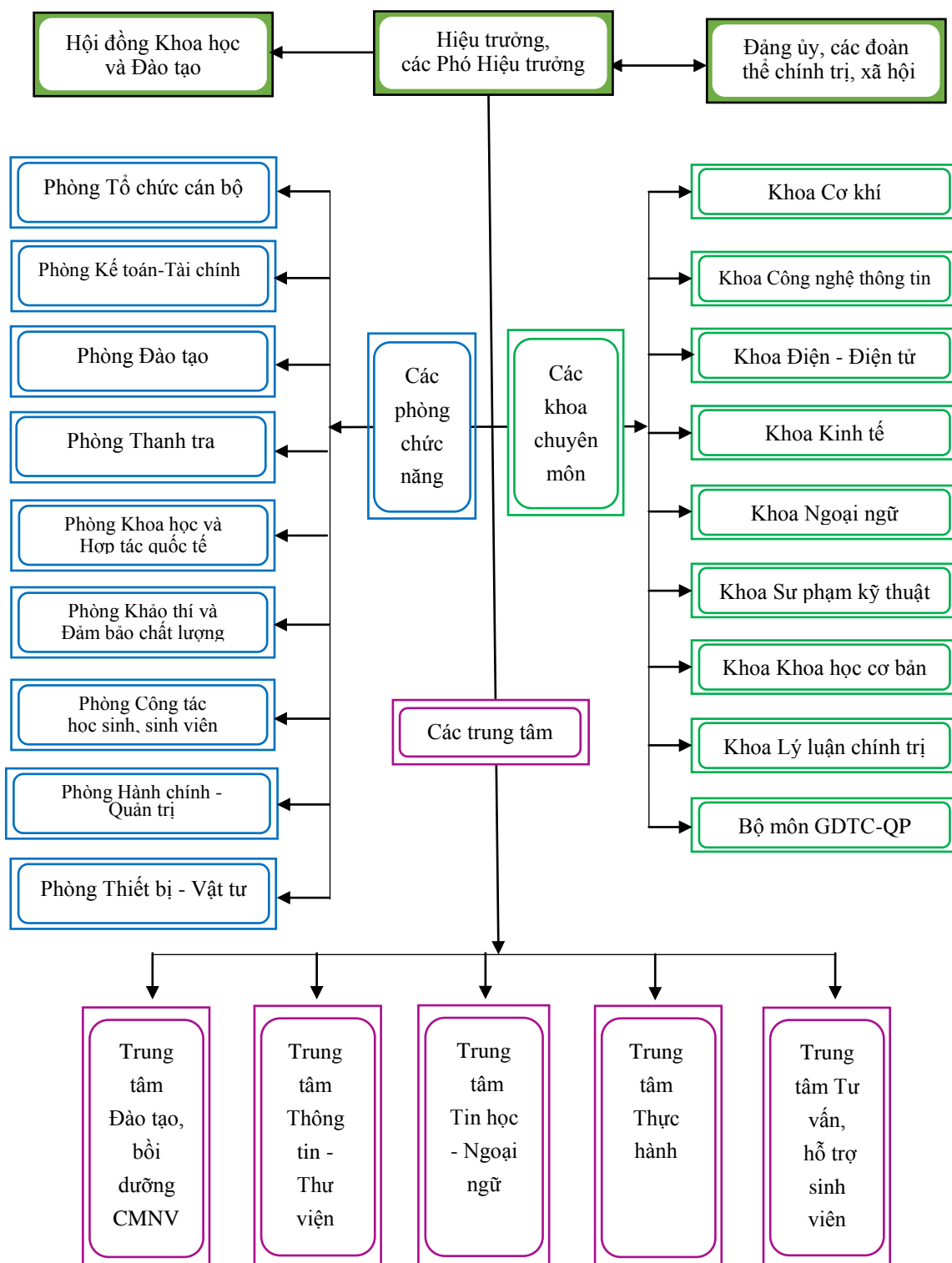
Ngày 05 tháng 01 năm 2006 Trường chính thức được nâng cấp thành Trường ĐHSPKTND theo Quyết định số 05/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trường là đơn vị trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý về hành chính theo lãnh thổ của UBND tỉnh Nam Định.

Sứ mạng của Trường: "Trường ĐHSPKTND là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học và sau đại học theo hướng ứng dụng thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, nghiên cứu và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và khả năng hội nhập quốc tế".

1.2.1.2. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ cơ cấu tổ chức:

Hình 1.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Nhà trường



1.2.2. Khái quát về Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường

1.2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Trung tâm TT-TV trước năm 2006 là bộ phận trực thuộc phòng Đào tạo. Năm 2006, Thư viện được ghép với việc đào tạo tin học, ngoại ngữ ngắn hạn thành Trung tâm Tin học, Ngoại ngữ và Thư viện. Từ năm 2009, Thư viện được tách thành một đơn vị độc lập là Trung tâm TT-TV trực thuộc Ban Giám hiệu Nhà trường.

1.2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm

Chức năng

Tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác TT-TV của Nhà trường.

Nhiệm vụ

Xây dựng kế hoạch hoạt động TT-TV phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;

Thu nhận các tài liệu do Nhà trường xuất bản, các công trình nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, tài liệu hội thảo, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, giáo trình và tập bài giảng nội bộ, các tài liệu khác của Nhà trường, các ấn phẩm tài trợ, tài liệu trao đổi giữa các thư viện;

Xây dựng kế hoạch mua sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học;

Xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản, quản lý sách, tài liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; xây dựng hệ thống tra cứu, truy nhập và tìm kiếm thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu về thư viện;

Tổ chức bảo quản, kiểm kê định kỳ NLTT; thanh lọc khỏi kho các tài liệu lạc hậu, hư nát theo quy định;

Tổ chức phục vụ, hướng dẫn NDT khai thác, tìm kiếm, sử dụng hiệu quả nguồn thông tin;

Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng CNTT; quản lý, bảo mật, khai thác sử dụng thông tin và duy trì hoạt động trang thông tin điện tử (website) của Trường;

Quảng bá, giới thiệu, đưa tin về các hoạt động của các đơn vị và Nhà trường; tham gia vào hệ thống thông tin chung của các trường đại học, cao đẳng trong cả nước;

Quản lý và tổ chức thực hiện công tác sử dụng, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thiết bị thuộc Trung tâm TT-TV quản lý; Quản trị hệ thống mạng internet; Lập kế hoạch và thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin liên lạc, máy tính, máy in phục vụ tại các đơn vị;

Đề xuất bổ sung, đầu tư mới các trang thiết bị phục vụ công tác TT-TV theo quy định;

Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ và CNTT vào công tác thư viện;

Soạn thảo các văn bản về công tác TT-TV;

Thực hiện kế hoạch chung của Nhà trường về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ và nhân viên của trung tâm;

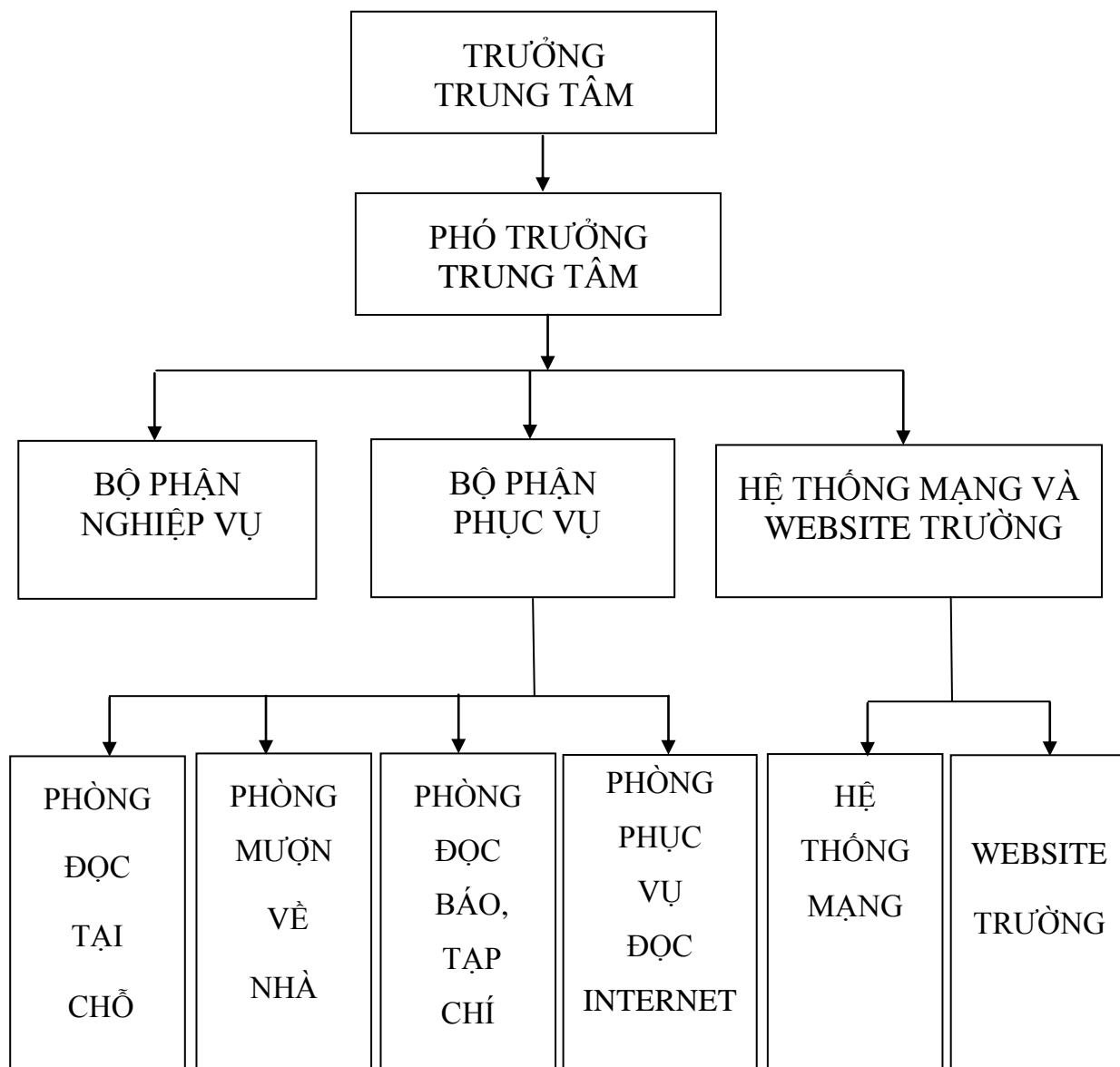
Lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, quản lý, phân công công tác, đánh giá cán bộ viên chức và nhân viên thuộc đơn vị theo phân cấp quản lý;

Quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, nguyên tắc, có hiệu quả theo quy định;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

1.2.2.3. Cơ cấu tổ chức

Hình 1.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trung tâm



Cơ cấu tổ chức của Trung tâm được chia thành các bộ phận sau:

Lãnh đạo Trung tâm: Gồm Trưởng trung tâm và Phó trưởng trung tâm, có nhiệm vụ tổ chức và quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

Bộ phận nghiệp vụ: Phụ trách công tác bổ sung tài liệu; phân loại, biên mục, thanh lọc, thanh lý tài liệu.

Bộ phận phục vụ: Trực tiếp phục vụ NDT, mượn - trả, hướng dẫn NDT tìm kiếm, tra cứu tài liệu; Tổ chức kho, bảo quản, tu bổ tài liệu. Gồm các phòng: Phòng đọc tại chỗ; Phòng mượn về nhà; Phòng đọc báo, tạp chí; Phòng đọc Internet.

Hệ thống mạng và Website trường: bao gồm bộ phận quản trị hệ thống mạng, trang tin điện tử của trường và bộ phận viết tin giới thiệu hoạt động chung của nhà trường và các đơn vị.

1.2.2.4. Đội ngũ cán bộ

“Cán bộ thư viện là linh hồn của sự nghiệp thư viện” (N.K. Krupxkaia). Người CBTV lựa chọn và bảo quản tài liệu, sắp xếp chúng theo môn loại tri thức và theo trật tự nhất định của bảng chữ cái tên sách. CBTV luôn giữ cho cơ sở vật chất kỹ thuật ở tình trạng tốt nhất. Đối với NDT, người cán bộ không chỉ tuyên truyền các tài liệu hợp với nhu cầu, hướng dẫn NDT sử dụng thư viện mà còn tạo ra các dịch vụ thỏa mãn nhu cầu đó.

Trong thời đại ngày nay, cùng với sự tiến bộ của khoa học, CNTT được ứng dụng trong các hoạt động của thư viện. Vì vậy người CBTV còn phải quản trị, khai thác và vận hành các thiết bị đó làm sao cho nó hoạt động tốt và đạt hiệu quả với mục đích sử dụng của mình. Do đó, người CBTV đòi hỏi phải có trình độ nhất định thì mới đáp ứng được nhu cầu của công việc.

Những năm qua, Trường ĐHSPKTND đã rất quan tâm trong việc tuyển dụng, thu hút CBTV có trình độ chuyên môn về làm việc. Trung tâm TT-TV ngoài công tác thư viện còn chịu trách nhiệm quản trị hệ thống mạng, bảo trì, quản lý trang thông tin điện tử của Nhà trường, giới thiệu quảng bá các hoạt động chung của các đơn vị và Nhà trường. Vì vậy Trung tâm TT-TV được bổ sung nhân sự CNTT và biên tập viên làm công tác viết bài đăng lên Website Nhà trường.

+ Giới tính của cán bộ

Số lượng cán bộ của Trung tâm đã tăng từ 8 cán bộ năm 2007 lên 11 cán bộ năm 2018. Trong thời gian vừa qua do có sự bổ sung chức năng, nhiệm vụ và sự sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của Trường nên nguồn CBTV có sự thay đổi. Hiện tại thư viện có 11 cán bộ phân ra hai mảng: mảng thư viện và mảng hệ thống mạng, quản lý trang tin điện tử của trường. Trong tình hình chung của các thư viện hiện nay, số

cán bộ nữ luôn chiếm vị trí áp đảo và Trường ĐHSPKTND cũng không ngoại ngoại lệ đó (10/11, tỷ lệ 91%).

+ **Độ tuổi và sức khỏe của cán bộ**

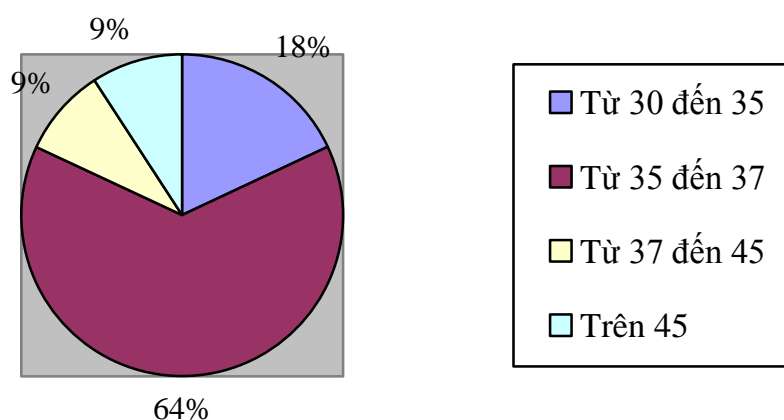
Hiện nay các thư viện đang phát triển theo hướng nguồn nhân lực có trình độ, tuổi đời trẻ và có sức khỏe tốt để đáp ứng được công việc của các đơn vị. Trước kia các thư viện hoạt động chỉ mang tính chất thủ công. Ngày nay, với sự phát triển của CNTT, các thư viện ngày càng tiến đến HĐH, tự động hóa các quy trình làm việc thì đòi hỏi người CBTV phải là những người trẻ, có sức khỏe, có điều kiện và khả năng tiếp cận những kiến thức mới theo hướng hiện đại của nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của đơn vị và NDT.

Bảng 1.1: Cơ cấu cán bộ theo độ tuổi của Trung tâm TT-TV

Tuổi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Từ 30 đến 35	2	18
Từ 35 đến 37	7	64
Từ 37 đến 45	1	9
Trên 45	1	9
Tổng	11	100

Qua bảng số liệu trên cho thấy đội ngũ CBTV của Trường ĐHSPKTND có tuổi đời còn trẻ, số cán bộ từ 30 đến 35 tuổi có 2 người chiếm 18%, số cán bộ từ 35 đến 37 có 7 người chiếm 64%, số cán bộ từ 37 đến 45 tuổi có 1 người chiếm 9% và số cán bộ trên 45 tuổi có 1 người chiếm 9%. Cán bộ của Trung tâm có sức khỏe tốt, đảm đương được mọi nhiệm vụ được giao.

Biểu đồ 1.1: Cơ cấu cán bộ theo độ tuổi của Trung tâm TT-TV



+ Về trình độ chuyên môn:

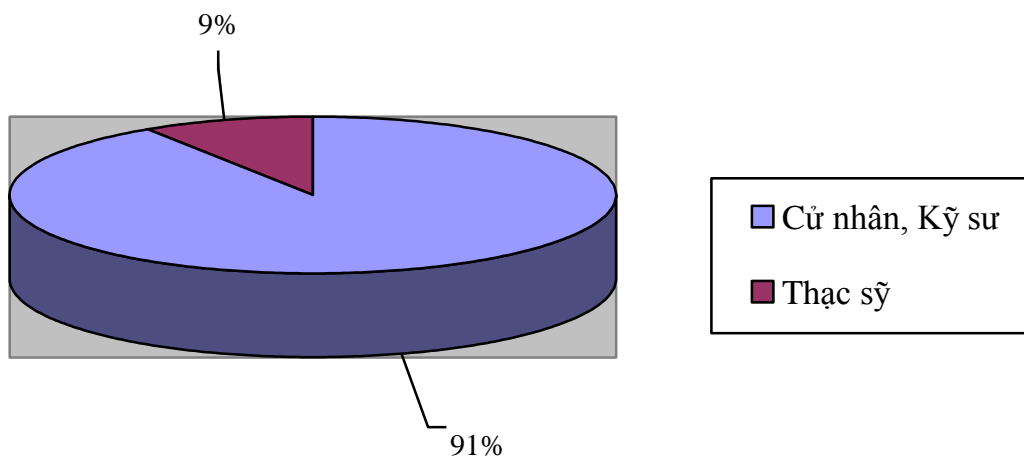
Những năm vừa qua, Nhà trường rất quan tâm đến công tác CBTV, theo chủ trương tuyển chọn cán bộ đúng theo vị trí cần tuyển, bộ phận thư viện thì đều được tuyển dụng những người học đúng chuyên ngành TT-TV tại các cơ sở đào tạo lớn như: Khoa Thông tin - Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Bên cạnh công tác thư viện, Nhà trường cũng quan tâm đến mảng CNTT nên đã bổ sung cán bộ có trình độ về CNTT làm việc tại Trung tâm. Ngoài ra Trung tâm còn được bổ sung cán bộ có chuyên môn về biên tập viên làm nhiệm vụ viết tin bài.

Bảng 1.2: Trình độ học vấn của cán bộ

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cử nhân, Kỹ sư	10	91
Thạc sỹ	1	9
Tổng số	11	100

Biểu đồ 1.2: Trình độ học vấn của cán bộ



Qua biểu đồ trên cho thấy cán bộ thư viện của Trường ĐHSPKTND có trình độ cao, 91% tốt nghiệp đại học. Đây là điều kiện rất thuận lợi trong công việc cũng như sự phát triển của đơn vị. 9% cán bộ tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành CNTT. Hiện nay có một cán bộ đang theo học Cao học ngành Khoa học TT-TV. Như vậy Trung tâm TT-TV có một đội ngũ cán bộ rất hùng hậu.

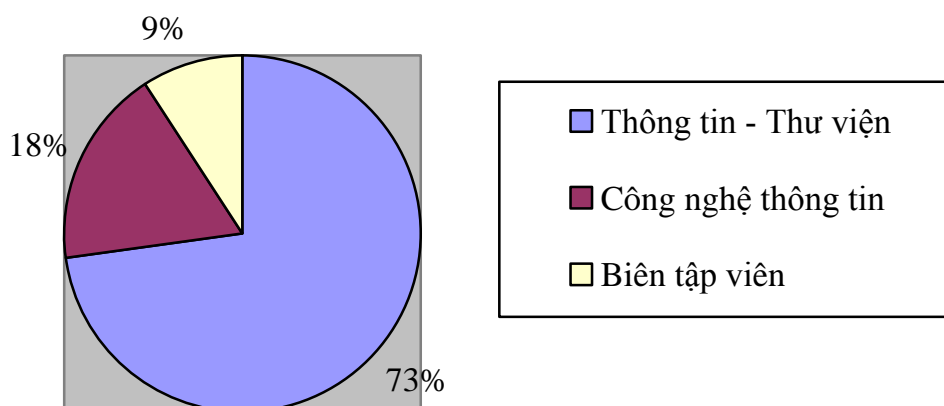
+ **Ngành tốt nghiệp của cán bộ**

Sự phát triển của ngành thư viện nói riêng và các ngành khác nói chung đều đòi hỏi cán bộ phải có trình độ chuyên môn để đáp ứng được nhu cầu của công việc. Trung tâm TT-TV có một thuận lợi là tất cả cán bộ làm công tác thư viện đều được đào tạo đúng chuyên môn TT-TV. Một số cán bộ có trình độ cao đẳng TT-TV hay cao đẳng các ngành khác thì cũng đã tham gia học tập để có trình độ đại học đúng chuyên ngành TT-TV. Có một cán bộ có trình độ thạc sĩ chuyên ngành CNTT và một biên tập viên. Khi được tuyển dụng vào trường thì CBTV nắm bắt công việc rất nhanh; có trình độ ngoại ngữ, tin học; có các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập tương đối tốt. Nhìn chung ngành tốt nghiệp của CBTV cơ bản đáp ứng được nhu cầu ở từng vị trí công việc được phân công.

Bảng 1.3: Ngành tốt nghiệp của cán bộ

Ngành tốt nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thông tin - Thư viện	8	73
Công nghệ thông tin	2	18
Biên tập viên	1	9
Tổng	11	100

Biểu đồ 1.3: Ngành tốt nghiệp của cán bộ



Hiện nay, số lượng cán bộ được đào tạo về chuyên ngành TT-TV là 8 người chiếm 73%, 2 cán bộ được đào tạo về chuyên ngành CNTT và một cán bộ chuyên ngành biên tập viên. Tất cả cán bộ làm công tác thư viện đều có trình độ đại học đúng chuyên ngành về TT-TV. CBTV có trình độ đồng đều về chuyên môn, vì thế rất thuận lợi trong phối hợp công việc từ khâu bổ sung biên mục đến khâu tổ chức kho và lưu thông tài liệu.

+ Trình độ tin học

Ngày nay, với sự phát triển của CNTT và truyền thông đã tác động hết sức mạnh mẽ tới mọi hoạt động trong đời sống xã hội và ngành TT-TV cũng không nằm ngoài sự phát triển đó. Đây cũng là một trong những ngành được hưởng lợi nhiều nhất từ sự phát triển này. Các hoạt động nghiệp vụ của ngành đã được tin học hóa, HĐH, phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Chính vì sự phát triển của CNTT và việc ứng dụng nó trong mọi hoạt động của thư viện đòi hỏi người CBTV phải có trình độ tin học nhất định. Hiện nay Trung tâm có 2 cán bộ có trình độ kỹ sư và thạc sĩ CNTT, ngoài ra các cán bộ còn lại đều có trình độ B tin học.

Trên thực tế giữa cán bộ chuyên ngành CNTT và cán bộ có chuyên môn thư viện chưa thực sự gắn kết với nhau trong công việc. Cán bộ có trình độ tin học có ít kiến thức về chuyên môn thư viện, ngược lại, kiến thức tin học của cán bộ chuyên môn thư viện không sâu. Do đó những vướng mắc trong quá trình ứng dụng CNTT vào hoạt động thư viện tại Trung tâm hiện nay vẫn là bài toán cần được tháo gỡ.

1.2.2.5. Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng mạng của Trung tâm

Cơ sở vật chất bao gồm diện tích của thư viện với toàn bộ trang thiết bị của chúng. Cơ sở vật chất đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Đối với tài liệu, nó là nơi chứa và bảo quản tài liệu. Đối với NDT, nó là nơi làm việc, tiếp xúc với tài liệu. Đối với CBTV, đây là ngôi nhà thứ hai của họ. Thư viện cùng với những trang thiết bị trong đó có thể khuyến khích hoặc kìm hãm nhiệt tình lao động, sức sáng tạo và sự cống hiến của họ.

Những năm vừa qua, được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Trung tâm TT-TV luôn được tạo mọi điều kiện để hoạt động.

Trung tâm TT-TV nằm trên tầng 2 nhà A1 với diện tích hơn 1000m² gồm các phòng: phòng Bổ sung - Biên mục; phòng đọc thư viện; phòng đọc Internet; phòng đọc báo, tạp chí; 2 kho tài liệu - giáo trình (TL-GT); phòng máy chủ. Phòng đọc có 150 chỗ ngồi, phòng Internet có 40 máy tính phục vụ cho NDT khai thác, tìm kiếm thông tin đồng thời đăng ký môn học và tra cứu thời khóa biểu. Trung tâm hiện có 46 máy tính trong đó có 2 máy chủ, 1 máy tính xách tay, 40 máy thuộc phòng Internet để NDT, 01 máy scanner.

Cơ sở hạ tầng mạng của Trung tâm

Toàn bộ máy tính của Trung tâm TT-TV đều được nối mạng Internet để NDT có thể tra cứu thông tin, truy cập vào nguồn tài liệu nội bộ của Nhà trường cũng như khai thác các NLTT trong và ngoài nước. Nhà trường còn trang bị hệ thống mạng không dây phủ rộng toàn trường, NDT có thể truy cập mạng Internet

mọi lúc, mọi nơi trong trường. Cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên không cần phải đến thư viện mà ngồi ngay trong khuôn viên trường cũng có thể truy cập Internet và tra cứu tài liệu một cách thuận lợi, dễ dàng.

1.2.2.6. Đặc điểm người dùng tin và nhu cầu tin

Người dùng tin của Trung tâm TT-TV hiện có hơn 4000 người gồm cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên trong trường. Có thể phân thành 3 nhóm chính:

Nhóm người dùng tin là cán bộ lãnh đạo, quản lý:

Nhóm NDT này rất quan trọng trong tiến trình phát triển của Nhà trường bao gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng ban trong trường bởi vì họ vừa tham gia giảng dạy vừa làm công tác lãnh đạo, quản lý. Thực chất của quá trình quản lý là việc ra các quyết định. Vì thế cường độ lao động của nhóm này rất cao, thông tin cung cấp cho nhóm này đòi hỏi phải chuyên sâu, thuộc nhiều lĩnh vực. Thông tin họ cần luôn phải cập nhật, cô đọng, súc tích được xử lý, chọn lọc thật chính xác và đầy đủ. Họ cần những thông tin theo đơn đặt hàng, thông tin theo yêu cầu cụ thể, thông tin sự kiện. Các sản phẩm thông tin phục vụ nhóm NDT này là: các văn kiện, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, các thông tin phục vụ lãnh đạo, các tài liệu dịch, tóm tắt, tổng luận, lược thuật, thông tin theo chuyên đề.

Nhóm người dùng tin là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy:

Là nhóm NDT đa phần có trình độ thạc sỹ trở lên. Họ có khả năng sử dụng ngoại ngữ tốt. Đây là những người chuyên giao tri thức đến sinh viên, tham gia trực tiếp và quá trình đào tạo đồng thời cũng là nhóm người cần sử dụng tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ công việc giảng dạy, nghiên cứu. Vì thế họ dành nhiều thời gian để tìm tài liệu tại thư viện. Thông tin họ cần là những thông tin tài liệu gốc (thông tin bậc 1), thông tin thư mục (thông tin bậc 2), thông tin đã được xử lý, gia cố và có giá trị cao như tổng thuật, lược thuật, những thông tin chuyên sâu có tính thời sự về khoa học và công nghệ phục vụ thuộc lĩnh vực đào tạo của trường (thông tin bậc 3).

Nhóm người dùng tin là học viên, sinh viên:

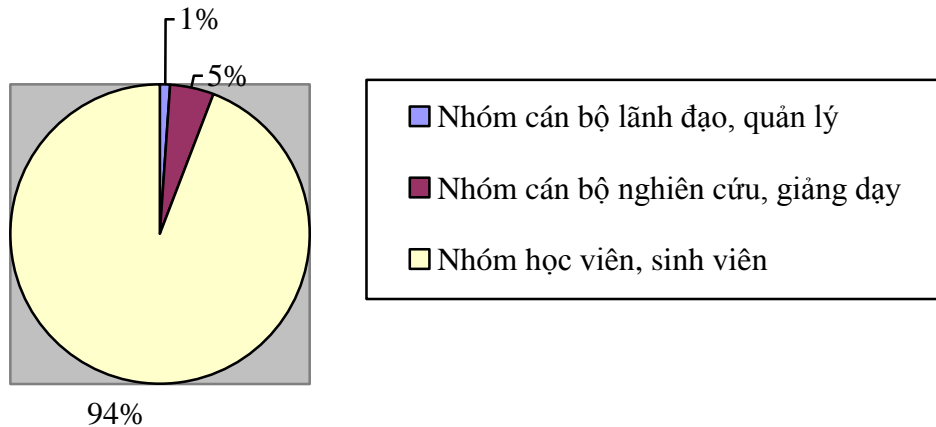
Đây là đối tượng phục vụ chủ yếu của thư viện. Họ cần những thông tin về những vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận, thực tiễn của những vấn đề cần nghiên cứu, học tập: giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án, đồ án,... Họ sử dụng tài

liệu của thư viện phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu khoa học. Phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đòi hỏi sinh viên phải dành nhiều thời gian tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vì thế NCT của nhóm người này rất phong phú và đa dạng. Thông tin họ cần mang tính khoa học, tính mới.

Bảng 1.4: Thống kê nhóm người dùng tin tại Trường ĐHSPKTND

Nhóm NDT	Số lượng	Tỷ lệ %
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	54	1
Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy	208	5
Học viên, sinh viên	3 991	94
Tổng cộng	4 253	100

Biểu đồ 1.4: Thống kê nhóm người dùng tin tại Trường ĐHSPKTND



NCT của NDT tại Trung tâm TT-TV Nhà trường được thể hiện cụ thể qua điều tra bằng bảng hỏi. Tác giả đã phát 200 phiếu, thu về 196 phiếu, đạt tỷ lệ 98%. Số phiếu thu về cụ thể: 20/20 cán bộ quản lý, lãnh đạo; 35/35 cán bộ, giảng viên và 141/145 học viên, sinh viên. Qua phân tích kết quả điều tra, khái quát đặc điểm về NCT của các nhóm NDT như sau:

Bảng 1.5: Mức độ NDT dành thời gian đến Trung tâm TT-TV

TT	Mức độ NDT dành thời gian đến thư viện	Tổng số (196)		Cán bộ quản lý, lãnh đạo		Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy		Học viên, sinh viên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		196	100	20	100	35	100	141	100
1	Thường xuyên	127	64,8	11	55,0	25	71,4	91	64,5
2	Thỉnh thoảng	65	33,1	9	45,0	10	18,6	46	32,6
3	Không bao giờ	4	2,1	0	0	0	0	4	2,9

Nguồn: [Phụ lục 2]

Như vậy, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy có mức độ sử dụng thư viện thường xuyên nhất (71,4%) do họ luôn cần cập nhật thông tin mới phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy. Đứng thứ hai là nhóm học viên, sinh viên có mức độ sử dụng thư viện là 64,5%. Cuối cùng là nhóm cán bộ lãnh đạo, quản lý mức độ sử dụng đạt 55%.

NCT thể hiện rõ qua mục đích lên thư viện của NDT. Mục đích sử dụng thư viện của NDT trong Nhà trường chủ yếu là học tập (74%) và nghiên cứu (23,5%), chỉ một số ít dành cho việc giải trí thuộc nhóm NDT là học viên, sinh viên.

Bảng 1.6: Mục đích lên thư viện của NDT

TT	Mục đích lên thư viện	Tổng số (196 phiếu)		Cán bộ quản lý, lãnh đạo		Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy		Học viên, sinh viên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		196	100	20	100	35	100	141	100
1	Học tập	145	74,0	2	10	21	60,0	122	86,5
2	Nghiên cứu	46	23,5	18	90	14	40,0	14	9,9
3	Giải trí	5	2,5	0	0	0	0	5	3,6

Nguồn: [Phụ lục 2]

Về loại hình tài liệu và mức độ sử dụng: NDT lên thư viện sử dụng nhiều sách giáo trình (79%) và tài liệu tham khảo (75%). Bên cạnh đó, nhu cầu tham khảo

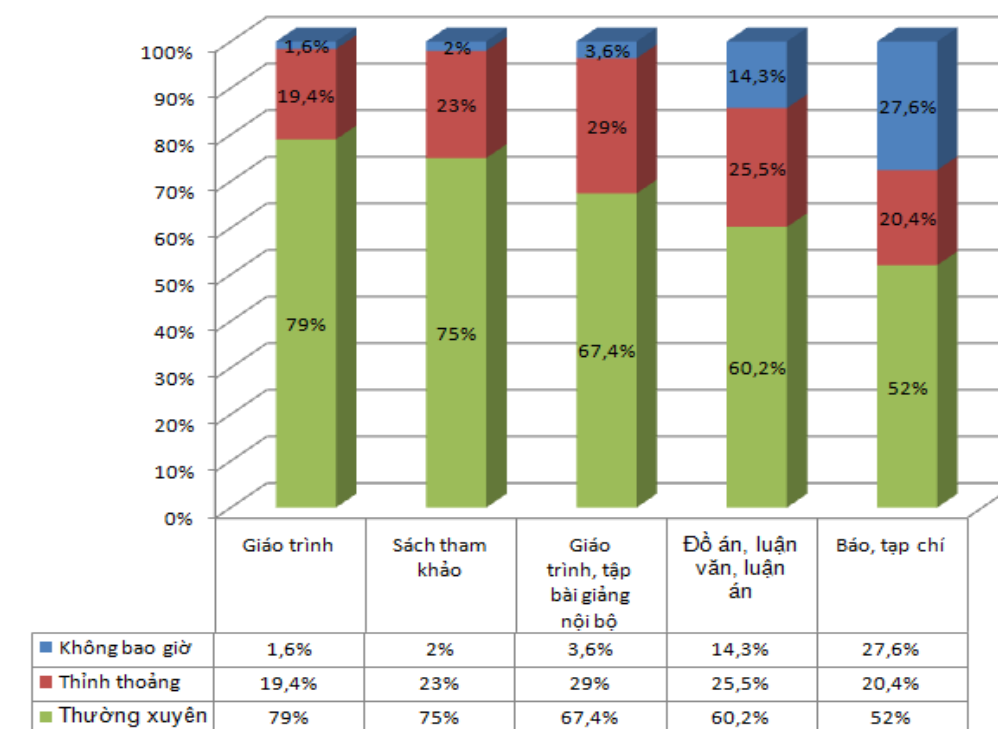
về giáo trình, tập bài giảng nội bộ và đồ án, luận văn, luận án cũng khá nhiều (67,4% và 60,2%). Đây là xu hướng chung về nhu cầu sử dụng tài liệu của NDT trong Trường.

Bảng 1.7: Loại hình tài liệu và mức độ sử dụng

Loại hình tài liệu và mức độ sử dụng	Tổng số (196 phiếu)		Cán bộ quản lý, lãnh đạo		Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy		Học viên, sinh viên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	196	100	20	100	35	100	141	100
- Giáo trình								
Thường xuyên	155	79	16	80	30	85,7	109	77,3
Thỉnh thoảng	38	19,4	4	20	5	14,3	29	20,6
Không bao giờ	3	1,6	0	0	0	0	3	2,1
- Sách tham khảo								
Thường xuyên	147	75	18	90	31	88,6	98	69,5
Thỉnh thoảng	45	23	2	10	4	11,4	39	27,6
Không bao giờ	4	2	0	0	0	0	4	2,9
- Giáo trình, tập bài giảng nội bộ								
Thường xuyên	132	67,4	4	20	13	37,1	115	81,6
Thỉnh thoảng	57	29	16	80	18	51,4	23	16,3
Không bao giờ	7	3,6	0	0	4	11,5	3	2,1
- Đồ án, luận văn, luận án								
Thường xuyên	118	60,2	0	0	2	5,7	116	82,3
Thỉnh thoảng	50	25,5	2	10	23	65,7	25	17,7
Không bao giờ	28	14,3	18	90	10	28,6	0	0
- Báo, tạp chí								
Thường xuyên	102	52	3	15	28	80	71	50,3
Thỉnh thoảng	40	20,4	16	80	4	11,4	20	14,2
Không bao giờ	54	27,6	1	5	3	8,6	50	35,5

Nguồn: [Phụ lục 2]

Biểu đồ 1.5: Loại hình tài liệu và mức độ sử dụng của NDT



1.2.2.7. Đặc điểm nguồn lực thông tin

- Tài liệu truyền thống:

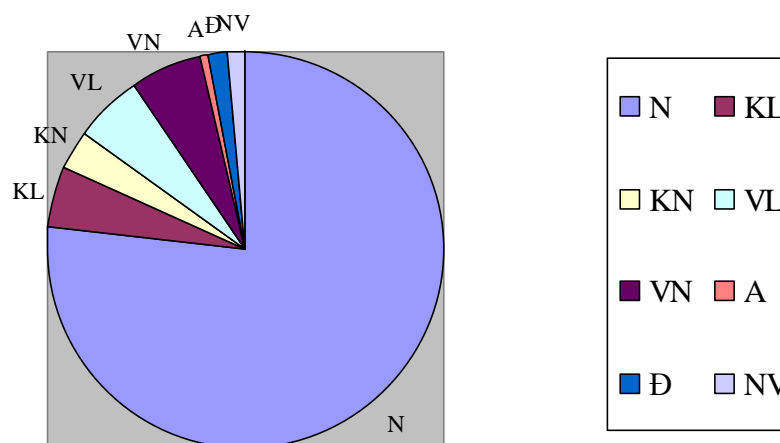
Tài liệu truyền thống bao gồm sách, báo, tạp chí... Đây là các loại tài liệu xuất bản do các nhà xuất bản phát hành và thường được đánh chỉ số ISBN hoặc ISSN. Tài liệu này được phổ biến rộng rãi đến tất cả mọi người có thể đọc được. Hiện nay, Trung tâm có 4.506 đầu sách với 42.399 bản, 57 tên báo, tạp chí. Đây là nguồn tài liệu không lớn nhưng so với lượng CB-GV-SV trong Trường thì cũng đủ để khai thác. Bên cạnh nguồn tài liệu quốc gia, Trung tâm TT-TV Nhà trường còn lưu giữ hơn 300 giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo của cán bộ, giảng viên. Đặc biệt các đề tài nghiên cứu khoa học trên được Nhà trường lựa chọn để in ấn và cấp phát cho sinh viên làm tài liệu học tập.

Bảng 1.8: Số lượng bản sách hiện có tại Trung tâm TT-TV

Tài liệu	Số lượng bản sách	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
N	32 478	76,6	Ký hiệu TL-GT kho 1
KL	2 146	5,1	Ký hiệu sách khoa khổ lớn
KN	1 360	3,2	Ký hiệu sách khoa khổ nhỏ
VL	2 387	5,6	Ký hiệu sách tiếng việt khổ lớn
VN	2 530	6,0	Ký hiệu sách tiếng việt khổ nhỏ
A	229	0,5	Ký hiệu từ điển
Đ	685	1,6	Ký hiệu đồ án, luận văn, luận án
NV	584	1,4	Ký hiệu sách ngoại văn
Tổng	42 399	100	

[Nguồn: Sổ đăng ký cá biệt tài liệu, giáo trình của Trung tâm TT-TV]

Biểu đồ 1.6: Số lượng bản sách hiện có tại Trung tâm TT-TV

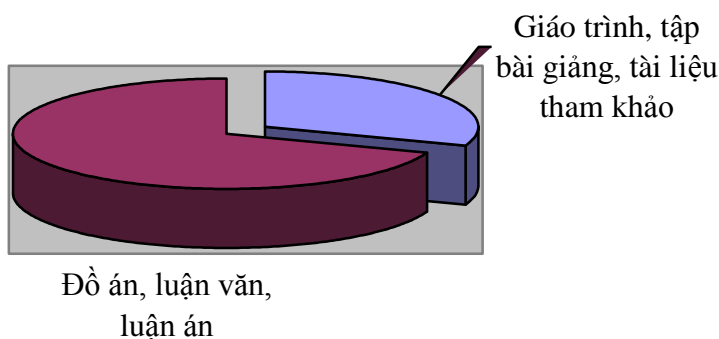


- **Nguồn tài liệu nội sinh:** Là các đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên trong trường. Đó là giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, luận văn thạc sỹ đào tạo tại trường. Các giáo trình, tập bài giảng đã được bảo vệ trước Hội đồng khoa học được Trung tâm TT-TV tham mưu cho Nhà trường lựa chọn để in ấn, cấp phát cho sinh viên làm tài liệu học tập.

Bảng 1.9: Thống kê nguồn tài liệu nội sinh tại Trung tâm TT-TV

Loại tài liệu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo	308	30,5
Đồ án, luận văn, luận án	703	69,5
Tổng số	1011	100

Biểu đồ 1.7: Thống kê nguồn tài liệu nội sinh tại Trung tâm TT-TV



Hiện nay Trung tâm có 4.506 đầu sách với 42.399 bản sách trong đó sách tiếng Việt là 41.815 bản sách (98%), sách tiếng Anh là 584 bản sách (2%). Số lượng sách tiếng anh có nội dung cơ bản, sách phục vụ đào tạo chuyên ngành cao đẳng tiếng anh và thạc sỹ trình độ cơ khí.

1.3. Vai trò của hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện với việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Nhà trường

HDH hoạt động T T-TV có vai trò hết sức quan trọng trong công tác quản lý giảng dạy, nghiên cứu khoa học của nhà trường và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TT-TV.

Với sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ của Nhà trường thì hoạt động TT-TV trong trường là vô cùng quan trọng và có tính chất đặc thù, ngày càng được quan tâm đầu tư. Mục tiêu của mỗi trường là vươn tới những mô hình tiên tiến, hiện đại. Điều này được thể hiện khá rõ trong chiến lược riêng của từng trường. Trung tâm TT-TV là một mắt xích không thể thiếu, đặc biệt đó là một trong các yếu tố thẩm định chất lượng đào tạo, là nơi dễ nhìn nhận và phản ánh cái nhìn

trực quan để xem xét tiềm lực của một trường đại học. Công nghệ tiên tiến, hiện đại góp phần giúp cho việc tổ chức các dịch vụ để phục vụ thông tin trở nên nhanh chóng, chính xác, có quy trình chặt chẽ hơn, tạo ra sự kết nối dễ dàng, thân thiện hơn giữa thư viện và NDT. HĐH hoạt động TT-TV giúp tự động hóa trong các khâu hoạt động của thư viện, phát triển thư viện điện tử và thư viện kỹ thuật số, khai thác triệt để và có hiệu quả NLTT trong và ngoài nước.

1.3.1. Đối với công tác quản lý

Dưới tác động của CNTT, hoạt động thư viện có rất nhiều thay đổi: từ cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực cho đến cơ sở vật chất, trang thiết bị. Đối với công tác quản lý, HĐH hoạt động TT-TV sẽ được tin học hóa, tự động hóa trong từng khâu giúp cho công tác nghiệp vụ được dễ dàng, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hiệu quả công việc; giúp cho cơ quan TT-TV có nguồn lực thông tin phong phú đa dạng, đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ thông tin; phục vụ đắc lực công tác quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường.

1.3.2. Đối với cán bộ giảng dạy và nghiên cứu

HĐH hoạt động TT-TV giúp cán bộ giảng dạy và nghiên cứu nhanh chóng tìm kiếm, khai thác những thông tin mới, đa dạng phục vụ hiệu quả công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ cán bộ giảng viên có nhu cầu tra tìm tài liệu chuyên sâu để viết giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Vì thế, khi HĐH hoạt động TT-TV giúp cho họ thuận lợi trong việc tìm kiếm nguồn tham khảo, trong phân tích, tổng hợp thông tin, từ đó nâng cao hiệu quả công việc và phục vụ tốt hơn công tác chuyên môn.

1.3.3. Đối với học viên, sinh viên

Nhu cầu của học viên, sinh viên khi lên thư viện là tìm kiếm thông tin phục vụ cho các môn học trong khóa học, ngoài ra có thể tham khảo, sưu tầm tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học. Khi hoạt động TT-TV được HĐH giúp cho công tác tra tìm tài liệu nhanh hơn, tra cứu mọi lúc mọi nơi. Điều này giúp cho học viên, sinh viên thỏa mãn cao NCT trong việc học tập và nghiên cứu khoa học. NDT có thể ở nhà mà vẫn mượn được tài liệu hay có thể mượn tài liệu tại cơ quan TT-TV

khác thông qua hình thức mượn liên thư viện hay sử dụng những sản phẩm và dịch vụ của thư viện.

1.4. Yêu cầu hiện đại hóa hoạt động thông tin - thư viện của Nhà trường

Nhà trường đại học muốn có sản phẩm đầu ra chất lượng tốt trước hết phải có một thư viện tốt (Tuyên ngôn UNESCO 1994 về thư viện trường học). Trong thời đại khoa học công nghệ 4.0 và đổi mới phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định lại càng cần thiết có một thư viện tốt, thư viện hiện đại.

Để phục vụ cho sứ mạng của Nhà trường là cung cấp cho xã hội, cho thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao, Trung tâm TT-TV của Trường cần phải đạt được những yêu cầu sau:

- Có chiến lược phát triển toàn diện, bền vững.
- Có NLTT và sản phẩm thông tin phong phú, đa dạng, phù hợp theo hướng hiện đại.
- Có khả năng chia sẻ thông tin với các cơ quan TT-TV trong và ngoài nước.
- Ứng dụng CNTT đầy đủ trong dây chuyền thông tin - tư liệu.
- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, tiện lợi.
- Có môi trường khai thác thông tin thân thiện, hiện đại.
- Có nguồn nhân lực TT-TV chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, yêu nghề.

Chương 2
THỰC TRẠNG HIỆN ĐẠI HÓA
HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN - THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

2.1. Công tác bổ sung và xử lý tài liệu

2.1.1. Bổ sung và phát triển nguồn lực thông tin

Bổ sung tài liệu là khâu đặc biệt quan trọng với bất kỳ cơ quan TT-TV nào. Là thư viện chuyên ngành về kỹ thuật, Trung tâm TT-TV Nhà trường rất coi trọng công tác phát triển NLTT và đã xây dựng chính sách phát triển NLTT.

Chính sách phát triển NLTT tại Trung tâm là công cụ hỗ trợ cho việc lập kế hoạch và làm việc hàng ngày của cán bộ bổ sung, là kim chỉ nam để xây dựng NLTT cho thư viện. Xác định mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài để xây dựng chính sách phát triển NLTT, đáp ứng yêu cầu NĐT, đảm bảo tính liên tục, nhất quán của bộ sưu tập khi có sự thay đổi về cán bộ quản lý và cán bộ bổ sung của Trung tâm TT-TV.

Chính sách phát triển tài liệu tại Trung tâm phải căn cứ vào các vấn đề sau:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Trường;

Căn cứ NLTT hiện có trong thư viện;

Đưa ra định hướng bổ sung các tài liệu theo khung chương trình đào tạo.

Công tác bổ sung luôn chú trọng những tài liệu chuyên ngành về điện - điện tử, cơ khí, công nghệ thông tin và kinh tế.

Khi tiến hành công tác bổ sung cần dựa trên các nguyên tắc đảm bảo: tính Đảng, tính khoa học, tính phù hợp, tính đầy đủ, tính hiệu quả và tính phối hợp.

Công tác bổ sung tài liệu tại Trung tâm hiện nay được tiến hành bằng nhiều hình thức như: mua, thu nhận tài liệu nội bộ, trao đổi, biếu tặng và được tiến hành thường xuyên.

* **Mua**: Đây là hình thức bổ sung chủ yếu của Trung tâm TT-TV.

Đối với tài liệu dạng sách: Căn cứ kế hoạch hoạt động và nguồn kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt, căn cứ khung chương trình đào tạo các ngành nghề

của Trường; trên cơ sở danh mục tài liệu mới xuất bản, Trung tâm chọn lọc tài liệu, giáo trình phù hợp với tính chất, đặc điểm, tình hình đào tạo trong trường giới thiệu đến các khoa chuyên môn. Các khoa đăng ký số lượng sách phù hợp với ngành đào tạo và số lượng sinh viên để Trung tâm lên danh mục và tiến hành các thủ tục bổ sung tài liệu.

Đối với báo, tạp chí: Trung tâm thường đặt mua ở các cơ quan phát hành báo chí theo định kỳ.

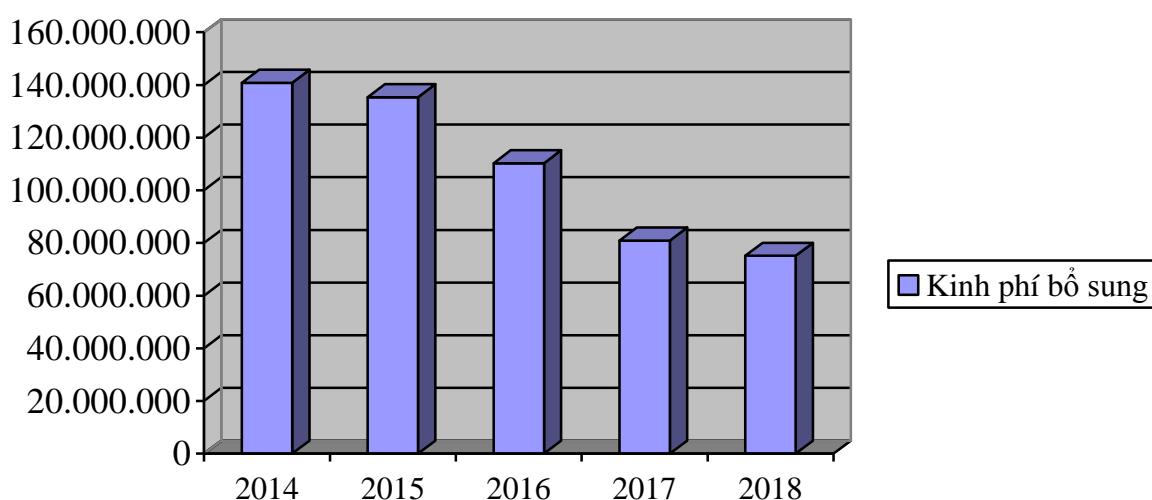
Kinh phí bổ sung: Hàng năm, Nhà trường đều dành một khoản kinh phí nhất định cho công tác này.

*Bảng 2.1: Kinh phí bổ sung tài liệu từ năm 2014-2018
(đơn vị tính: đồng)*

Nội dung	Năm				
	2014	2015	2016	2017	2018
Mua TL-GT	140.800.000	135.345.000	110.245.000	80.935.000	75.120.000

[Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của Trung tâm TT-TV
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định]

Biểu đồ 2.1: Kinh phí bổ sung tài liệu từ năm 2014-2018



Kinh phí dành cho bổ sung sách hàng năm giảm dần do giá thành tài liệu tăng cao, mặt khác số lượng sinh viên trong Trường có xu hướng giảm cho nên Nhà trường cũng phải cân đối số sinh viên với số tài liệu cần bổ sung.

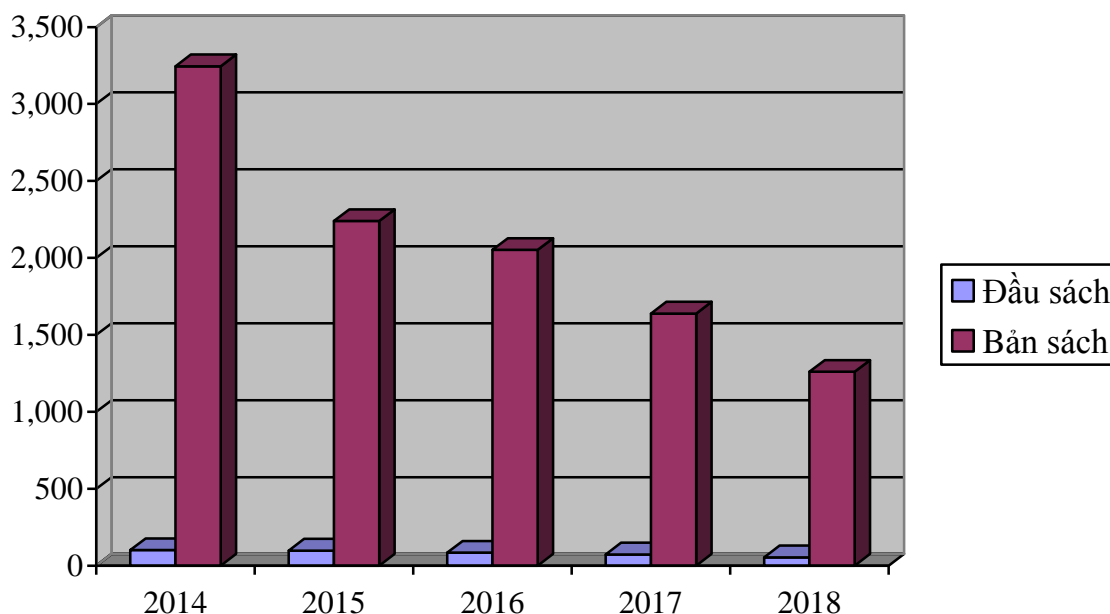
Số lượng bổ sung: giảm dần cả về số đầu sách và bản sách qua các năm.

*Bảng 2.2: Số lượng tài liệu bổ sung hàng năm
(đơn vị tính: cuốn)*

Năm	Đầu sách	Bản sách
2014	102	3 245
2015	98	2 240
2016	85	2 052
2017	73	1 639
2018	55	1 260

[Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của Trung tâm TT-TV
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định]

Biểu đồ 2.2: Số lượng tài liệu bổ sung hàng năm



* **Thu nhận tài liệu nội bộ (nội sinh):**

Theo tác giả Nguyễn Hữu Hùng “Nguồn tin nội sinh của một tổ chức xã hội là tập hợp những thông tin được tạo nên bởi các hoạt động của chính tổ chức đó” [16].

Đối với các trường đại học thì “nguồn tài liệu nội sinh gồm báo cáo số liệu, báo cáo kết quả nghiên cứu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án,... Ngày nay cùng với sự phát triển của CNTT thì tài liệu nội sinh còn được biết đến là các blogs hay các trang mạng xã hội của các nhà nghiên cứu và các trường học” [40, tr.15-30].

Tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định, nguồn tài liệu nội bộ là các tài liệu do Nhà trường xuất bản, các công trình nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, tài liệu hội thảo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đồ án tốt nghiệp của sinh viên, giáo trình, tập bài giảng và tài liệu tham khảo nội bộ, các tài liệu khác của Nhà trường.

Nguồn tài liệu nội bộ này rất quý và quan trọng, vì thế Trung tâm đã đề ra nội quy phục vụ rất chặt chẽ, chỉ phục vụ đọc tại thư viện (vì mỗi tên có một bản), việc sao chụp phải theo đúng Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trung tâm TT-TV đã tiến hành số hóa nguồn TL - GT nội bộ, luận văn Thạc sĩ và đưa lên website Trường để cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường có thể tham khảo, khai thác và sử dụng.

Tuy nhiên loại hình tài liệu này chưa được thu nhận triệt để. Luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của CB-GV, đề tài các cấp, đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chưa được thu nhận về Trung tâm do chưa có quy chế rõ ràng về vấn đề giao nộp tại Trung tâm TT-TV Nhà trường.

* **Biếu tặng**: Ngoài hình thức mua và thu nhận tài liệu nội bộ, NLTT của Trung tâm còn được bổ sung bằng nguồn biếu tặng từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân và các dự án như: RAVTE (Regional association for vocational teacher education - Hiệp hội đào tạo giáo viên dạy nghề khu vực Đông Nam Á; dự án APEFE; dự án văn hóa, văn nghệ dân gian Việt Nam...

Như vậy, công tác bổ sung tài liệu, giáo trình của Trung tâm luôn được quan tâm đầu tư phát triển, bổ sung từ nhiều nguồn và các hình thức khác nhau nhằm phát triển NLTT phục vụ NCT của NDT.

Bảng 2.3: Nội dung tài liệu NDT quan tâm và mức độ đáp ứng

Nội dung tài liệu NDT quan tâm và mức độ đáp ứng	Tổng số (196 phiếu)		Cán bộ quản lý, lãnh đạo		Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy		Học viên, sinh viên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	196	100	20	100	35	100	141	100
- Triết học	87	44,4	13	65,0	18	51,4	56	39,7
Đầy đủ	33	38,0	0	0	0	0	33	58,9
Tương đối đầy đủ	45	51,7	8	61,5	15	83,3	22	39,3
Không đầy đủ	9	10,3	5	38,5	3	16,7	1	1,8
- Khoa học tự nhiên	123	62,7	17	85	22	62,9	84	60
Đầy đủ	58	47,2	9	53,0	11	50,0	38	45,3
Tương đối đầy đủ	62	50,4	7	41,2	9	40,9	46	54,7
Không đầy đủ	3	2,4	1	5,8	2	9,1	0	0
- Khoa học xã hội	63	32,1	8	40	28	80	27	19,1
Đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
Tương đối đầy đủ	15	23,8	0	0	3	10,7	12	44,4
Không đầy đủ	48	76,2	8	100	25	89,3	15	55,6
- Công nghệ thông tin	124	63,3	12	60	21	60	91	64,5
Đầy đủ	60	48,4	10	83,3	15	71,4	35	38,5
Tương đối đầy đủ	62	50,0	2	16,7	4	19,4	56	61,5
Không đầy đủ	2	1,6	0	0	2	9,6	0	0
- Điện - Điện tử	138	70,4	8	40	18	51,4	112	79,4
Đầy đủ	58	42,0	6	75,0	7	39,0	45	40,2
Tương đối đầy đủ	80	58,0	2	25,0	11	61,0	67	59,8
Không đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
- Cơ khí	126	64,3	8	40	16	45,7	102	72,3

Đầy đủ	51	40,5	5	62,5	6	37,5	40	39,2
Tương đối đầy đủ	75	59,5	3	37,5	10	62,5	62	60,8
Không đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
- Kinh tế	96	49	7	35	8	22,9	81	29,1
Đầy đủ	35	36,5	5	71,4	5	62,5	25	30,9
Tương đối đầy đủ	61	63,6	2	28,6	3	37,5	56	69,1
Không đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
- Ngoại ngữ	78	39,8	8	40	20	57,1	45	32
Đầy đủ	2	2,5	0	0	0	0	2	4,4
Tương đối đầy đủ	46	59,0	2	25,0	7	35,0	32	71,1
Không đầy đủ	30	38,5	6	75,0	13	65,0	11	24,5
- Tài liệu khác	76	38,8	5	25	24	68,6	47	33,6
Đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
Tương đối đầy đủ	22	29,0	1	20,0	9	37,5	12	25,5
Không đầy đủ	54	71,0	4	80,0	15	62,5	35	74,5

Nguồn: [Phụ lục 2]

Qua điều tra NCT cho thấy nội dung tài liệu NDT quan tâm và mức độ đáp ứng các tài liệu về các chuyên ngành đào tạo chính trong trường như điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí và kinh tế đã tương đối đầy đủ. NDT đánh giá ở mức độ đầy đủ và tương đối đầy đủ đạt từ 98,6%, tài liệu về khoa học tự nhiên cũng đạt 97,6%. Điều này chứng tỏ công tác bổ sung đã chú trọng các tài liệu thuộc các chuyên ngành đào tạo trong trường, đảm bảo tất các học phần, môn học đều có giáo trình hoặc tài liệu tham khảo.

2.1.2. Xử lý tài liệu

Trong quy trình đường đi của tài liệu từ khâu bổ sung đến khâu phục vụ NDT, công đoạn xử lý thông tin là khâu quan trọng nhất. Quy trình này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin và hiệu quả phục vụ. Công tác xử lý tài liệu của Trung tâm được thực hiện qua ba công đoạn sau: xử lý kỹ thuật, xử lý hình thức và xử lý nội dung.

Xử lý kỹ thuật: Trước tiên, tài liệu phải được đăng ký tổng quát: đăng ký từng lô, từng đợt nhập tài liệu vào thư viện có một chứng từ kèm theo vào sổ.

Tài liệu sau khi được đăng ký tổng quát, sẽ được đăng ký vào sổ đăng ký cá biệt. Sổ đăng ký cá biệt là sổ liên tục, không được đảo số, nhảy số. Viết số ĐKCB ở trong sổ ĐKCB vào trang 1 và trang 17 của tài liệu.

Đóng số, đóng dấu: đóng số ĐKCB, đóng dấu thư viện vào trang tên sách và trang 17. Nếu TL có các phụ bản rời thì các phụ bản phải được đóng dấu. Nếu TL không đủ 17 trang thì dấu thứ hai được đóng ở trang trước của trang cuối cùng.

- Dán nhãn TL: Nhãn được dán cách đầu gáy sách là 1,5 cm giúp cho việc sắp xếp TL trong kho và tìm kiếm TL được dễ dàng.

Xử lý nội dung: Xử lý nội dung tài liệu là quá trình phân tích nội dung tài liệu bao gồm các công việc: phân loại tài liệu, định từ khóa, tóm tắt... nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của NĐT. Tại Trung tâm chỉ dừng lại là công việc phân loại tài liệu, chưa làm tóm tắt, chú giải, tổng luận.

Phân loại tài liệu là một công đoạn của xử lý nội dung tài liệu, qua đó xác định được nội dung chính của tài liệu và thể hiện nó bằng một thuật ngữ của khung phân loại. Phân loại tài liệu chi tiết: ghi mã phân loại theo môn loại khoa học và mã hóa tên tài liệu vào trang tên sách. Khâu phân loại tài liệu rất quan trọng giúp cho việc kiểm soát thư mục, góp phần thúc đẩy khai thác, trao đổi thông tin với các cơ quan khác.

Trung tâm TT-TV Trường ĐHSPKTND sử dụng Bảng phân loại dùng cho các thư viện khoa học tổng hợp do Thư viện Quốc gia Việt Nam biên soạn để phân loại tài liệu. Bảng phân loại này phù hợp với Trung tâm TT-TV của Trường. Trung tâm TT-TV đã tiến hành phân loại tài liệu theo một quy trình thống nhất gồm các bước sau:

- Phân tích và xác định nội dung chính của tài liệu.
- Xác định lớp chủ đề chính.
- Tìm ký hiệu cho tài liệu trong bảng phân loại tương ứng với lớp đã chọn.
- Ghi ký hiệu cho tài liệu trong bảng phân loại tương ứng với lớp đã chọn.
- Ghi ký hiệu phân loại vào đầu tài liệu bằng bút chì.

Bảng phân loại được chia theo 19 môn loại, ký hiệu từ:

0	Tổng loại
1	Triết học. Tâm lý học. Logic học
2	Chủ nghĩa vô thần. Tôn giáo
3K	Chủ nghĩa Mác
3	Các khoa học xã hội - chính trị
4	Ngôn ngữ học
5	Khoa học tự nhiên. Toán học
5A	Nhân loại học. Giải phẫu học và sinh lý học người
61	Y học. Y tế
6	Kỹ thuật
63	Nông nghiệp. Lâm nghiệp. Ngư nghiệp
7	Nghệ thuật
7A	Thể dục thể thao
8	Nghiên cứu văn học
9	Lịch sử
91	Địa lý. Đất nước học. Địa chí
K	Văn học dân gian
V	Tác phẩm văn học
Đ	Sách thiếu nhi

Trong mỗi môn loại, tài liệu lại được chia thành các nhóm nhỏ chi tiết hơn.

Xử lý hình thức: Là quá trình lựa chọn những chi tiết đặc trưng của tài liệu rồi trình bày theo các quy tắc nhất định giúp NDT có khái niệm về tài liệu trước khi tiếp xúc trực tiếp với tài liệu. Trung tâm TT-TV mô tả tài liệu theo tiêu chuẩn quốc tế ISBD. Hiện tại vì chưa có phần mềm hỗ trợ nên công đoạn xử lý hình thức người CBTV vẫn phải làm thủ công mất rất nhiều thời gian và công sức.

Mặc khác, vì Trung tâm chưa ứng dụng CNTT trong công tác xử lý tài liệu cho nên sản phẩm tạo ra chỉ là những phiếu mục lục truyền thống, chưa có điều kiện nhập máy, xây dựng được những cơ sở dữ liệu thư mục điện tử.

2.2. Công tác tổ chức và bảo quản tài liệu

2.2.1. Tổ chức kho

Các phòng (kho) phục vụ của thư viện gồm: phòng đọc tổng hợp, phòng đọc báo, tạp chí được tổ chức theo hình thức kho đóng.

Mặc dù diện tích sử dụng nhỏ hẹp nhưng Trung tâm TT-TV đã cố gắng tận dụng, bố trí các kho tài liệu một cách phù hợp với diện tích và nhu cầu hoạt động của mình.

Hiện nay, kho TL-GT khá chật chội gây khó khăn cho việc tổ chức kho sách. Vì mỗi khi có tài liệu mới về, CBTV phải tiến hành công tác dồn giá thì mới có chỗ trống để xếp tài liệu lên giá. Vì thế về lâu dài, Trung tâm phải tính đến việc mở rộng diện tích kho vì lượng tài liệu sẽ ngày một nhiều hơn.

*** Phương thức sắp xếp tài liệu:**

Để quản lý tốt kho tài liệu và phục vụ kịp thời NCT của NDT, kho tài liệu của Trung tâm đã được tổ chức theo những yêu cầu sau:

Thuận lợi cho CBTV nắm vững kho, dễ dàng khi tiến hành kiểm kê, thanh lý tài liệu; tiết kiệm diện tích trên giá, trong kho; giảm bớt công sức của CBTV khi làm việc với kho sách và làm tốt công tác phục vụ NDT và cũng để bảo quản tốt tài liệu của thư viện.

*** Nguyên tắc sắp xếp tài liệu:**

Nguyên tắc sắp xếp tài liệu trong kho được đảm bảo như sau:

Xếp tài liệu trong kho: xếp từ trong ra ngoài.

Xếp tài liệu trên giá: xếp từ trên xuống dưới, từ trái sang phải.

Tài liệu được sắp xếp theo các môn loại tri thức và sử dụng Bảng phân loại của Thư viện Quốc gia Việt Nam biên soạn.

Tài liệu sắp xếp trên giá theo môn loại kết hợp với vần chữ cái tên TL-GT.

*** Hệ thống ký hiệu kho:**

- Kho TL-GT: Mã N.

- Kho tài liệu tham khảo, báo, tạp chí và tài liệu nội sinh: KL, KN, VL, VN, A, Đ, NV: Trong đó:

- + KL, KN: Sách bổ sung theo khoa khổ lớn, nhỏ
- + VL, VN: Sách tiếng việt khổ lớn, nhỏ
- + A: Từ điển, sổ tay, cẩm nang
- + Đ: Đồ án, luận văn, luận án
- + NV: Sách ngoại văn

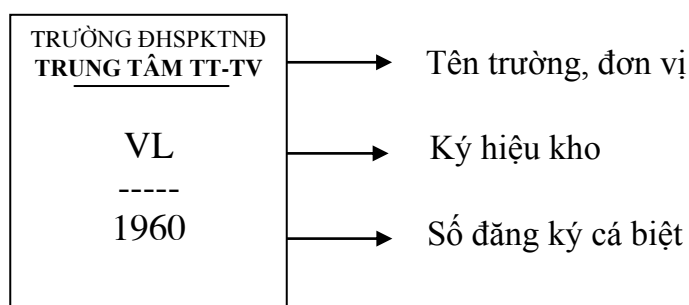
Kho TL-GT: sách được xếp theo môn loại kết hợp với vần chữ cái tên sách.

Kho tài liệu tham khảo: xếp theo khổ, số đăng ký cá biệt và chủng loại sách.

* **Ký hiệu xếp giá:** Ký hiệu này được dán trên gáy của tài liệu, được sử dụng để chỉ vị trí của tài liệu trên giá. Các yếu tố của ký hiệu xếp giá bao gồm:

- Ký hiệu mã sách
- Số đăng ký cá biệt

Ví dụ nhãn tài liệu xếp giá:



2.2.2. Bảo quản tài liệu

Công tác bảo quản tài liệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc giữ gìn, tăng cường và nâng cao chất lượng NLTT. Việc bảo quản tài liệu được phân chia thành hai loại: bảo quản ngăn chặn sự xuống cấp của tài liệu và bảo quản nhằm khắc phục sự xuống cấp về mặt vật lý của tài liệu. Hiện nay Trung tâm TT-TV đã tiến hành các biện pháp để bảo quản như:

Môi trường trong kho sách luôn được đảm bảo ổn định về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng vì Trung tâm TT-TV được đặt trên tầng 2 của tòa nhà, quay hướng nam do vậy tránh được các điều kiện thời tiết như nồm, ẩm mốc, mối mọt. Các phòng có hệ thống phòng cháy chữa cháy, một số phòng có hệ thống điều hòa. Trung tâm TT-TV thường xuyên vệ sinh sách và toàn bộ kho. Tiến hành kiểm kê, thanh lọc tài liệu

định kỳ và tu bổ thường xuyên các tài liệu có dấu hiệu hư hỏng. Kho sách được sắp xếp một cách hợp lý.

Những tài liệu quý hiếm, Trung tâm TT-TV đang có kế hoạch chuyển đổi sang dạng số nhằm bảo quản lâu dài và thuận tiện hơn trong công tác phục vụ NDT.

2.3. Công tác phục vụ người dùng tin

Công tác phục vụ NDT hay việc tổ chức phục vụ tài liệu cho NDT là một hoạt động của thư viện nhằm thúc đẩy, phát triển và thoả mãn nhu cầu, hứng thú đọc tài liệu thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn và cung cấp tài liệu dưới nhiều hình thức.

Công tác phục vụ NDT là khâu cuối cùng trong dây chuyền thông tin tư liệu, là mục đích cao nhất của hoạt động TT-TV, là sợi dây gắn kết giữa NDT với tài liệu, với các sản phẩm TT-TV, là thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan TT-TV. Công tác phục vụ NDT gồm các hình thức tổ chức và phương pháp phục vụ người đọc ở trong và ngoài thư viện. Đồng thời công tác phục vụ NDT còn là thước đo hiệu quả luân chuyển tài liệu và tác dụng của nó trong đời sống.

Với ý nghĩa đó “*Công tác người đọc luôn được coi là công tác quan trọng nhất của thư viện. Bởi vì, thông qua công tác này NLTT quý giá của thư viện mới được sử dụng có hiệu quả, mới phát huy được tác dụng trong phát triển mọi mặt của đất nước, từ đó vị trí, vai trò xã hội của thư viện mới được khẳng định*” [17, tr. 12].

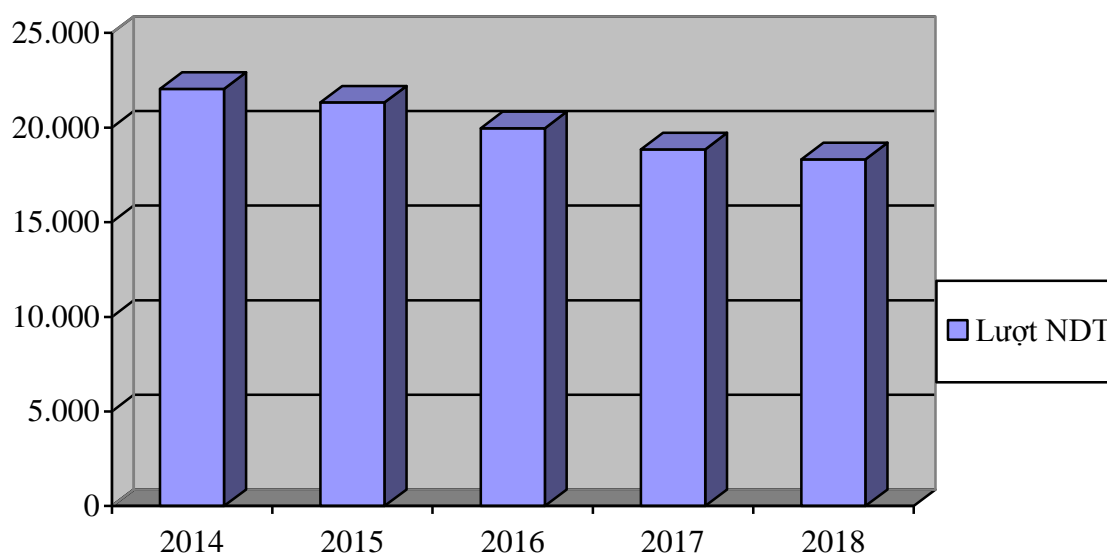
* **Dịch vụ đọc tại chỗ**: đây là dịch vụ mang tính truyền thống gắn liền với sự phát triển của thư viện nhằm mục đích cung cấp tài liệu gốc cho NDT. Đây là dịch vụ luôn được NDT quan tâm sử dụng nhiều.

Bảng 2.4: Thống kê lượt NDT từ năm 2014 đến năm 2018

Năm	Lượt NDT	Tỷ lệ %
2014	22 041	22,0
2015	21 325	21,2
2016	19 958	19,9
2017	18 852	18,7
2018	18 324	18,2
Tổng	100 500	100

[Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của Trung tâm TT-TV
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định]

Biểu đồ 2.3: Thống kê lượt NDT từ năm 2014 đến năm 2018



* **Dịch vụ mượn về nhà:** tạo điều kiện cho NDT chủ động về thời gian, địa điểm nghiên cứu tài liệu. Dịch vụ này cho phép NDT mang tài liệu về nhà trong một khoảng thời gian theo quy định của thư viện.

Phương thức phục vụ tại kho này hoàn toàn là thủ công, NDT ghi đầy đủ thông tin phiếu yêu cầu; CBTV vào kho lấy tài liệu sau đó ghi số ĐKCB, tên tài liệu vào sổ mượn rồi giao tài liệu cho NDT. Nội quy của Trung tâm TT-TV là mỗi sinh viên được mượn từ 1-3 cuốn tài liệu trong vòng 1 tháng. Nếu muốn mượn tiếp

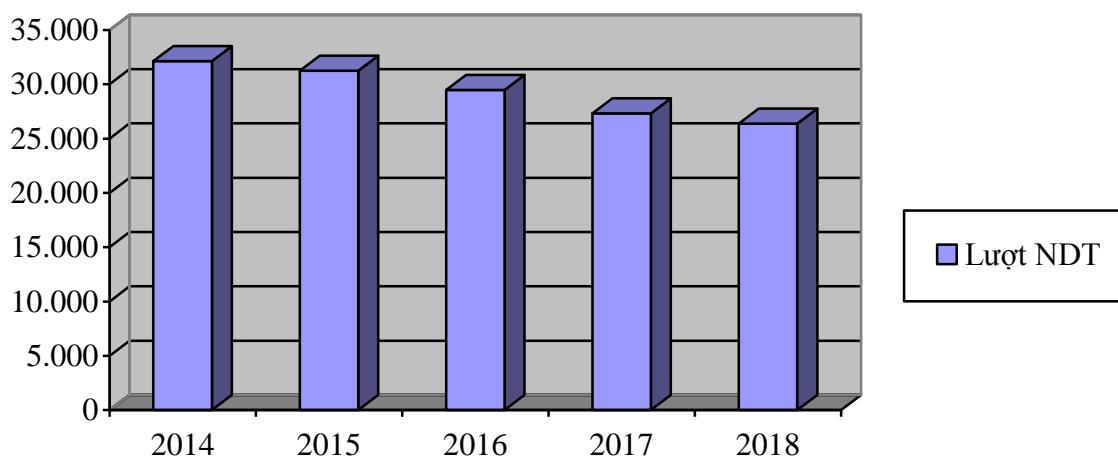
NDT có thể gia hạn mượn tài liệu. Nói chung thủ tục mượn tài liệu này mất nhiều thời gian và công sức của CBTV và của NDT.

Bảng 2.5: Thống kê lượt NDT mượn tài liệu từ năm 2014 đến năm 2018

Năm	Lượt NDT mượn tài liệu	Tỷ lệ %
2014	32 120	22,0
2015	31 247	21,3
2016	29 478	20,1
2017	27 321	18,6
2018	26 369	18,0
Tổng	146 535	100

[Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của Trung tâm TT-TV Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định]

Biểu đồ 2.4: Thống kê lượt NDT mượn tài liệu từ năm 2014 đến năm 2018



Qua biểu đồ trên ta thấy số lượt NDT giảm dần qua các năm. Nguyên nhân là do số sinh viên trong Trường có xu hướng giảm. Mặt khác trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, NDT có nhiều cách tiếp cận với thông tin đặc biệt trên mạng internet thông qua máy tính, điện thoại thông minh. Vì thế NDT có nhiều lựa chọn để tìm kiếm tài liệu, thông tin không chỉ ở thư viện.

*** Dịch vụ cung cấp tài liệu học tập**

Giảng viên Trường ĐHSPKTND biên soạn giáo trình, tập bài giảng cho các ngành đào tạo trong Trường. Khi đề tài hoàn thành, Hội đồng khoa học Nhà trường gồm các chuyên gia đầu ngành về các lĩnh vực đó sẽ tiến hành nghiệm thu. Phòng Khoa học & Hợp tác quốc tế bàn giao cho Trung tâm TT-TV. Trên cơ sở đó, căn cứ vào khung chương trình đào tạo các ngành nghề trong Trường, Trung tâm rà soát, nghiên cứu, lựa chọn các đề tài, tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường lên kế hoạch và làm các thủ tục in ấn để cung cấp cho sinh viên trong Trường.

Hiện nay mỗi khoa chuyên môn đã biên soạn được hơn 75 đầu giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo. Số lượng tài liệu này sẽ cung cấp cho sinh viên theo các kỳ học trong suốt quá trình học tại Nhà trường.

* **Dịch vụ tra cứu thông tin:** Trung tâm TT-TV Trường hoạt động mang tính chất truyền thông nên việc phục vụ, tra cứu thông tin cũng mang tính thủ công với tử mục lục là chính. Tử mục lục của thư viện theo môn loại, trong môn loại lại xếp theo vần chữ cái giúp NDT dễ dàng tra cứu tài liệu.

Hiện tại Trung tâm TT-TV đang xây dựng phần mềm hỗ trợ tìm kiếm thông tin phục vụ hoạt động mượn trả tài liệu. NDT chỉ cần có máy tính (hoặc điện thoại thông minh) được kết nối mạng internet là có thể tra cứu được tài liệu của Trung tâm. Với dịch vụ này khi đưa vào hoạt động sẽ giúp tiết kiệm thời gian, công sức của NDT. NDT có thể tra cứu thông tin về tài liệu của thư viện mọi lúc, mọi nơi.

* **Dịch vụ hỏi - đáp thông tin:** Đây là dịch vụ thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu của NDT. CBTV là người trực tiếp trả lời các câu hỏi của NDT. Các câu hỏi thường gặp đó là:

Cách tra tìm tài liệu như thế nào?

Cuốn tài liệu/giáo trình nào đó có không?

Tìm số liệu, tra cứu về một vấn đề nào đó?

Tìm bài báo, tạp chí về vấn đề NDT quan tâm?

Dịch vụ hỏi - đáp thông tin là dịch vụ có ý nghĩa quan trọng đối với cơ quan TT-TV nói chung và đối với Trung tâm TT-TV Trường ĐHSPKTND nói riêng. Dịch vụ này đã phần nào đáp ứng được yêu cầu về việc tra cứu, tìm tin. Tuy nhiên dịch vụ này mới chỉ dừng lại ở việc hướng dẫn thông tin. Hiện tại dịch vụ này chưa

được chú trọng và đầu tư, việc hướng dẫn cho NDT tại Trung tâm TT-TV chưa được tổ chức một cách hệ thống, chưa đưa vào kế hoạch năm của đơn vị cũng như của Nhà trường.

* **Dịch vụ Internet:** NDT sử dụng dịch vụ Internet để khai thác, tìm kiếm thông tin. NDT là sinh viên sử dụng dịch vụ này để tra cứu thời khóa biểu, đăng ký tín chỉ, xem lịch thi. Ngoài ra, NDT có thể sử dụng để tổ chức học nhóm, làm bài tập nhóm trực tiếp trên máy.

Theo số liệu thống kê của Trung tâm, trong năm 2017, số lượng bạn đến thư viện là 29 478, năm 2018: 26 969. Số lượt luân chuyển sách báo năm 2017: 58 642 lượt, năm 2018: 53 992 lượt (Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của Trung tâm TT-TV Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định).

Trung tâm TT-TV không làm thẻ thư viện riêng mà tích hợp trên thẻ sinh viên của NDT. Điều này rất tiện lợi cho NDT trong sử dụng, khai thác NLTT của thư viện. NDT chỉ cần xuất trình thẻ sinh viên là có thể đăng ký lập sổ mượn thư viện; đọc báo, tạp chí tại Trung tâm. NDT cũng có thể đăng ký tài khoản để sử dụng tài liệu, giáo trình nội bộ, luận văn thạc sỹ đăng tải trên Website Nhà trường.

Bảng 2.6: Dịch vụ TT-TV NDT sử dụng

Dịch vụ TT-TV	Tổng số (196 phiếu)		Cán bộ quản lý, lãnh đạo		Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy		Học viên, sinh viên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	196	100	20	100	35	100	141	100
- Đọc tài liệu tại chỗ	176	89,7	15	75,0	31	88,6	120	85,1
Rất tốt	169	96,0	14	93,3	29	93,5	116	96,6
Tốt	7	4,0	1	6,7	2	6,5	4	3,4
Chưa tốt	0	0	0	0	0	0	0	0
- Mượn tài liệu về nhà	174	90,1	18	90,0	28	80,0	128	90,8
Rất tốt	162	93,1	16	88,8	25	89,3	121	94,5
Tốt	11	6,3	2	11,2	3	10,7	6	4,7
Chưa tốt	1	0,6	0	0	0	0	1	0,8

- Tra cứu ở tử mục lục	164	83,7	15	75	27	77,1	122	86,5
Rất tốt	132	80,5	11	73,3	20	74,0	101	82,8
Tốt	29	17,7	4	26,7	6	22,3	19	15,6
Chưa tốt	3	1,8	0	0	1	3,7	2	1,6
- Tra cứu trên phần mềm trong Website Trường	146	74,5	11	55	25	71,4	109	77,3
Rất tốt	129	88,4	10	90,9	21	84,0	98	89,9
Tốt	12	8,2	1	9,1	2	8,0	9	8,2
Chưa tốt	5	3,4	0	0	2	8,0	2	1,9
- Dịch vụ Internet	132	67,3	0	0	11	31,4	121	85,1
Rất tốt	65	49,2	0	0	0	0	65	53,7
Tốt	51	38,6	0	0	5	45,5	46	38,0
Chưa tốt	16	12,2	0	0	6	54,5	10	8,3
- Dịch vụ cung cấp tài liệu học tập	141	72	0	0	0	0	141	100
Rất tốt	128	90,8	0	0	0	0	128	90,8
Tốt	13	9,2	0	0	0	0	13	9,2
Chưa tốt	0	0	0	0	0	0	0	0
- Hỏi đáp thông tin	176	89,8	18	90	31	88,6	127	90
Rất tốt	164	93,2	16	89,0	28	90,3	120	94,5
Tốt	8	4,5	1	5,5	2	6,5	5	4,0
Chưa tốt	4	2,3	1	5,5	1	3,2	2	1,5
- Nguồn khác	129	65,8	17	85	28	80	74	52,5
Rất tốt	103	79,8	12	70,6	19	67,8	62	83,8
Tốt	14	10,8	3	17,6	4	14,3	7	9,4
Chưa tốt	12	9,4	2	11,8	5	17,9	5	6,8

Nguồn: [Phụ lục 2]

Qua điều tra cho thấy NDT của Trung tâm TT-TV đa phần sử dụng dịch vụ mượn tài liệu về nhà (90,1%), đọc tại chỗ (89,7%) và dịch vụ hỏi đáp thông tin (89,8%). Học viên, sinh viên sử dụng dịch vụ cung cấp tài liệu học tập: giáo trình, tập bài giảng nội bộ của các thầy cô trong Trường biên soạn.

2.4. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin

Việc ứng dụng CNTT nhằm nâng cao năng suất hoạt động của thư viện nhờ vào tính hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý; đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ TT - TV; mở rộng khả năng chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin và nâng cao vai trò, vị trí của thư viện, những thay đổi hay cải tiến trong thư viện đều phải tính đến nhu cầu và sự thuận lợi cho NDT. Đồng thời đẩy mạnh, hỗ trợ NDT trong việc tiếp cận, sử dụng thông tin và tăng khả năng đáp ứng những nhu cầu khác nhau của từng nhóm NDT trong Trường. Ứng dụng CNTT trong thư viện là sử dụng các trang thiết bị hiện đại, các phần mềm ứng dụng hỗ trợ trong công việc hàng ngày như: máy chủ và các máy trạm; máy in, máy fax, máy photo, điện thoại...; hệ thống an ninh thư viện; thiết bị chuyên dụng sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ.

Ngoài các trang thiết bị hỗ trợ còn cần đến các phần mềm chuyên dụng quản lý nhân sự, kế toán, các phần mềm văn phòng... và không thể thiếu là phần mềm quản lý thư viện.

Tại Trung tâm TT-TV Nhà trường, trước năm 2018 đã được trang bị hệ thống máy tính phục vụ cho công tác văn phòng. Hệ thống máy tính tại phòng đọc Internet phục vụ cho NDT truy cập Internet, tìm kiếm thông tin. NDT là sinh viên đến tra cứu thời khóa biểu, đăng ký lịch học, thực hiện các bài dự thi do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên... phát động. Các khâu nghiệp vụ của thư viện vẫn làm theo phương thức truyền thống.

Đến năm 2018, Trung tâm tiến hành số hóa bộ sưu tập tài liệu nội bộ bao gồm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo do cán bộ, giảng viên trong trường biên soạn, luận văn của học viên để đưa lên Website Trường. Bạn đọc có thể tiếp cận toàn văn số giáo trình, tài liệu nội bộ có trong Trung tâm TT-TV Nhà trường.

Hình 2.1: Giao diện tài liệu nội bộ trên Website Nhà trường



The screenshot displays the website interface for the Center of Information and Library at Nam Định University. The header features the university's name in Vietnamese and English, along with a navigation menu. The main content area is titled 'CÔNG NGHỆ THÔNG TIN' and lists various documents and courses, including 'Tập bài giảng Thực hành lập trình Web' and 'Giáo trình Thực hành khai thác phần mềm ứng dụng'.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH
TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN
Center of Information and Library

TRANG CHỦ | GIỚI THIỆU | TIN TỨC | GIỚI THIỆU SÁCH | TÀI LIỆU NỘI BỘ | LIÊN HỆ

Trang chủ » Thư viện » Tài liệu nội bộ

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tập bài giảng Thực hành lập trình Web
Ngày đăng: 30/08/2018

- ▶ Giáo trình Thực hành khai thác phần mềm ứng dụng (30/08/2018)
- ▶ Tài liệu tham khảo Bài tập toán rời rạc (14/08/2018)
- ▶ Giáo trình Bảo mật thông tin (14/08/2018)
- ▶ Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (14/08/2018)
- ▶ Giáo trình Lập trình cơ sở dữ liệu (14/08/2018)
- ▶ Giáo trình Thực hành tích hợp và an toàn hệ thống (14/08/2018)
- ▶ Giáo trình Lập trình Web (14/08/2018)
- ▶ Giáo trình Thiết kế Web (14/08/2018)
- ▶ Giáo trình Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ họa (14/08/2018)
- ▶ Tập bài giảng Lập trình hướng đối tượng (14/08/2018)
- ▶ Tập bài giảng Lập trình mạng (14/08/2018)
- ▶ Tập bài giảng Ngôn ngữ hình thức (14/08/2018)
- ▶ Tập bài giảng Nguyên lý hệ điều hành (14/08/2018)
- ▶ Tập bài giảng Phương pháp số (14/08/2018)
- ▶ Tập bài giảng Hệ điều hành mạng (14/08/2018)

Trung tâm TT-TV cũng đã tiến hành xây dựng thư mục giới thiệu tài liệu - giáo trình mới bổ sung theo kế hoạch của Nhà trường. Những tài liệu này sau khi nhập về thư viện được xử lý kỹ thuật xong sẽ được giới thiệu cho bạn đọc. Thông qua bản tóm tắt nội dung tài liệu sẽ mang lại tiện lợi cho bạn đọc trong việc lựa chọn, sử dụng và khai thác NLTT của Trung tâm. Đối với TL-GT có trong kho, hàng tuần, CBTV lựa chọn những tên sách hay, có giá trị, tóm tắt nội dung để đăng trên trang Trung tâm TT-TV của Website Nhà trường. Hình thức tuyên truyền này đã đưa TL-GT đến gần hơn với bạn đọc. Đây cũng chính là hình thức marketing NLTT hiện có trong Trung tâm TT-TV Nhà trường.

Hình 2.2: Giao diện giới thiệu sách mới trên Website Nhà trường



The screenshot displays the website interface for the Center of Information and Library at Nam Dinh University. The header features the university's name in Vietnamese and English, along with a navigation menu. The main content area lists five new book introductions, each with a book cover image, title, and publication date.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH
TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN
Center of Information and Library

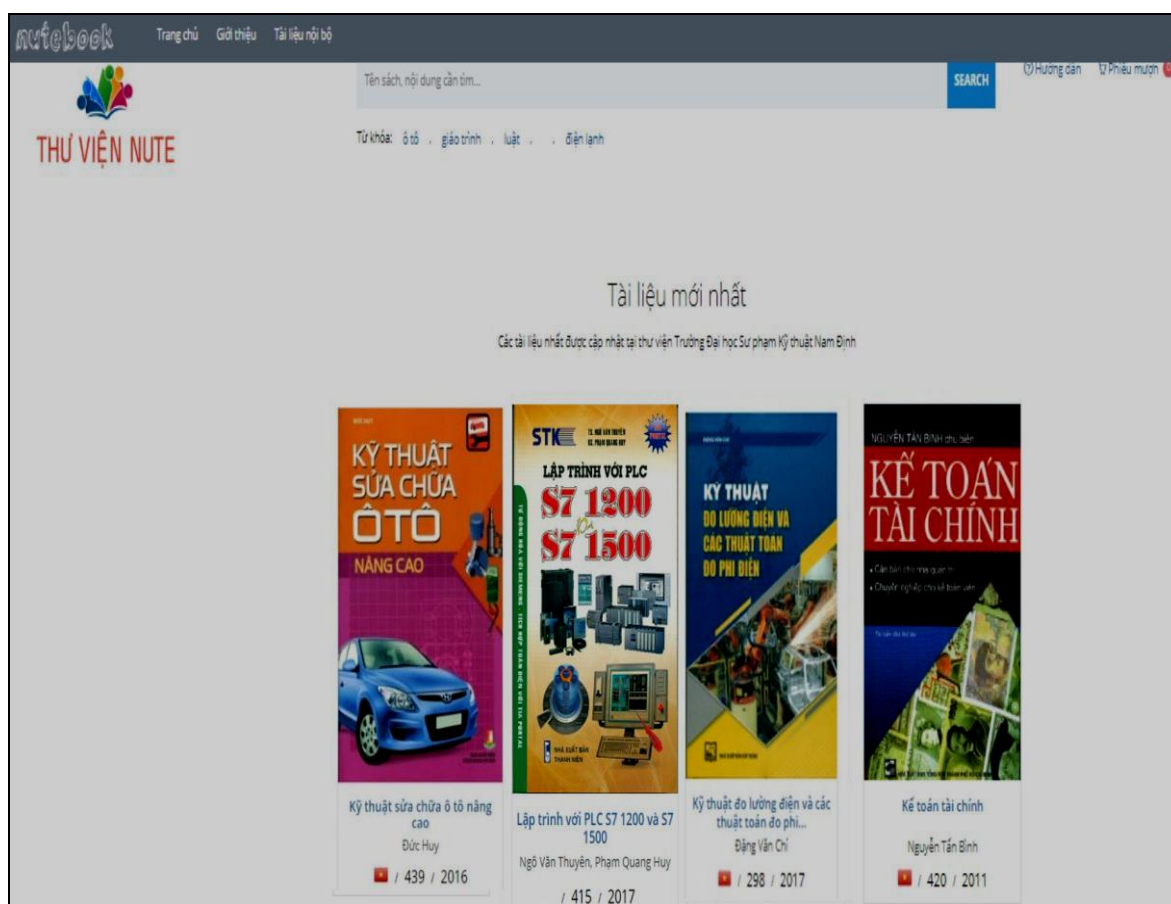
TRANG CHỦ | GIỚI THIỆU | TIN TỨC | GIỚI THIỆU SÁCH | TÀI LIỆU NỘI BỘ | LIÊN HỆ

[Trang chủ](#) » [Thư viện](#) » [Giới thiệu sách](#)

- **HƯỚNG DẪN SỬA CHỮA - BẢO TRÌ XE TAY GA ĐỜI MỚI (HONDA - PIAGGIO - VESPA - YAMAHA TỪ 50 - 250 CC)**
Ngày đăng: 31/05/2019
- **THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN LẠNH**
Ngày đăng: 31/05/2019
- **TỰ ĐỘNG HÓA SẢN XUẤT**
Ngày đăng: 31/05/2019
- **KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG NGHIỆP & XÂY LẮP**
Ngày đăng: 24/05/2019
- **GIÁO TRÌNH CƠ SỞ AN TOÀN THÔNG TIN**
Ngày đăng: 24/05/2019

Website của Trường được tích hợp phần mềm tra cứu tài liệu. Với tính năng này NDT có thể tìm cho mình những tài liệu cần thiết một cách nhanh chóng mà không phải tìm theo cách thông thường như tìm trên tủ mục lục phân loại. NDT có thể tra tìm TL-GT của Trung tâm TT-TV mọi lúc, mọi nơi mà không cần phải đến thư viện. Hệ thống tìm kiếm này là bước cải tiến của Trung tâm trong công tác hỗ trợ tra cứu tài liệu của NDT.

Hình 2.3: Giao diện hỗ trợ tìm kiếm thông tin trên Website Nhà trường



Qua khảo sát mức độ NDT cho thấy mức độ rất thường xuyên và thường xuyên sử dụng dịch vụ tìm kiếm trên Website Trường là 83,2% chứng tỏ nhu cầu tìm kiếm tài liệu thông qua mạng là rất lớn.

Bảng 2.7: Mức độ tìm kiếm tài liệu - giáo trình trên Website Trường

Mức độ tìm kiếm tài liệu - giáo trình trên Website Trường	Tổng số (196 phiếu)		Cán bộ quản lý, lãnh đạo		Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy		Học viên, sinh viên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	196	100	20	100	35	100	141	100
Rất thường xuyên	38	19,4	3	15	15	42,8	20	14,2
Thường xuyên	125	63,8	12	60	16	45,7	97	40,4
Không thường xuyên	33	16,8	5	25	4	2,5	24	45,4

Nguồn: [Phụ lục 2]

Tuy nhiên, do điều kiện kinh phí của Nhà trường chưa cho phép nên Trung tâm TT-TV chưa được trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện. Vì thế, tất cả các khâu của nghiệp vụ thư viện vẫn đang tiến hành theo phương thức truyền thống từ khâu bổ sung tài liệu, xử lý, bảo quản tới khâu phục vụ NDT.

Các công đoạn của khâu bổ sung tài liệu vẫn dùng trên các phần mềm văn phòng: từ công tác lên danh mục, tra trùng tới công tác hoàn thiện hồ sơ bổ sung.

Công tác phục vụ NDT: khi NDT có nhu cầu mượn tài liệu bằng phiếu yêu cầu, CBTV tiến hành các thủ tục cho mượn tài liệu: vào kho lấy tài liệu, ghi vào sổ mượn và phiếu yêu cầu, đưa tài liệu cho NDT.

Công tác thống kê, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm cũng được làm hoàn toàn thủ công dựa trên sổ nhật ký thư viện.

Danh mục sách các mã của Trung tâm TT-TV được nhập vào phần mềm excel phục vụ cho công tác quản lý, thống kê và báo cáo định kỳ.

2.5. Các yếu tố tác động đến hiện đại hóa hoạt động tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường

2.5.1. Chủ trương, định hướng của Nhà trường

Định hướng phát triển của Nhà trường đến năm 2020 đó là: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định phấn đấu phát triển theo hướng đa ngành, đa trình độ đào tạo, trọng điểm là đào tạo giáo viên kỹ thuật - dạy nghề. Trường phấn đấu thành trường đại học đạt chuẩn quốc gia, tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực. Trường thực hiện các biện pháp để đa dạng hoá các ngành, nghề đào tạo, mở thêm các ngành nghề mới đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động như cơ điện tử, kinh tế công nghiệp, tiếng Anh kỹ thuật. Trường thực hiện đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp dạy học, biên soạn chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Chính vì vậy mọi công tác hỗ trợ giảng dạy và học tập trong trường cũng phải thực hiện đổi mới để phù hợp với xu thế chung. Và công tác TT-TV cũng không nằm ngoài xu thế đó.

Hiện tại Trung tâm TT - TV theo sự chỉ đạo của Nhà trường đã số hóa toàn bộ số tài liệu, giáo trình, tập bài giảng nội bộ, luận văn thạc sỹ đưa lên website Trường. Trung tâm cũng đang hoàn thiện phần mềm hỗ trợ tìm kiếm thông tin phục

vụ hoạt động mượn, trả tài liệu. Với phần mềm này, khi Trung tâm chưa trang bị được phần mềm nghiệp vụ thư viện thì NDT có thể tra cứu tài liệu, giáo trình trên máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

2.5.2. Công nghệ thông tin

Ứng dụng CNTT là một việc làm hết sức quan trọng, có tác động trực tiếp tới các khâu công tác trong dây chuyền thông tin - tư liệu và vấn đề HĐH hoạt động TT-TV của Nhà trường. Thiếu việc ứng dụng CNTT trong các khâu công tác thì không thể thực hiện được mục tiêu HĐH hoạt động TT-TV.

2.5.3. Trình độ của cán bộ thư viện

Người CBTV trong HĐH hoạt động TT-TV là yếu tố đầu tiên được nhắc tới. Đó là những người cán bộ có trách nhiệm thiết kế, xây dựng và khai thác hệ thống thông tin. Họ nghiên cứu các công việc phải tin học hóa:

Tự động hóa hoàn toàn hoạt động trong Trung tâm, đồng bộ trong nghiệp vụ.

Người quản lý, nhân viên thư viện phải biết định hướng, vận dụng nghiệp vụ thư viện, kiến thức CNTT để đưa thông tin cập nhật đến người sử dụng như việc ứng dụng mã vạch trong khâu quản lý, sử dụng chuẩn nghiệp vụ trong hoạt động của Trung tâm.

Khi HĐH hoạt động TT-TV thì Trung tâm phải quan tâm đến vấn đề đào tạo NDT sử dụng thiết bị và dịch vụ hiện đại để tìm tin đạt hiệu quả cao nhất.

CNTT phát triển đòi hỏi người CBTV phải luôn cập nhật kiến thức thông tin mới để khai thác và xử lý thông tin kịp thời. Bên cạnh kiến thức về chuyên môn, người CBTV cũng cần phải trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về hạ tầng CNTT, về kiến thức vận hành, quản trị hệ thống, quản trị mạng... Đó là những kiến thức cơ bản nhất của người CBTV làm việc trong môi trường hiện đại. CBTV không đơn thuần là người cung cấp tài liệu mà còn là người đào tạo, hướng dẫn NDT tìm kiếm, khai thác thông tin trong thư viện hiện đại.

2.5.4. Trình độ kiến thức thông tin của người dùng tin

Theo Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ (ALA): “Kiến thức thông tin là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân, cũng như khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin tìm được”. Kiến thức thông tin của NDT thể hiện ở khối

lượng và chất lượng thông tin lĩnh hội được, tập quán thông tin và kỹ năng tìm kiếm, phân tích và sử dụng thông tin. Người có trình độ thông tin phải có khả năng đánh giá và tiếp thu thông tin. Đây là điều kiện cần thiết để NDT làm việc có hiệu quả, khai thác tối đa NLTT của thư viện.

NDT của Trung tâm TT-TV là cán bộ quản lý, lãnh đạo; cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và học viên, sinh viên. Phần lớn NDT của Trung tâm đều có trình độ nhất định về kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng tìm kiếm thông tin; có khả năng chọn lựa và sử dụng thông tin một cách hữu hiệu nhất cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập của mình.

2.6. Đánh giá hoạt động thông tin - thư viện của Trung tâm Thông tin - Thư viện

2.6.1. Ưu điểm

Trung tâm TT-TV Trường dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, phát triển cùng với sự phát triển chung của Nhà trường. Trường đã có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong đó có Trung tâm TT-TV.

Công tác cán bộ: Trung tâm có số lượng biên chế ngày càng tăng. Trước năm 2016, Trung tâm có 3 biên chế, 7 hợp đồng lao động, sau năm 2016 được bổ sung thành 7 biên chế và 4 hợp đồng đều có trình độ cử nhân, thạc sỹ về TT-TV, CNTT, biên tập viên. Đội ngũ cán bộ với độ tuổi còn trẻ, có trình độ đại học và trên đại học, đây là lực lượng tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, phục vụ hết mình cho sự phát triển chung của Nhà trường cũng như góp phần phát triển thư viện điện tử trong tương lai.

Công tác bổ sung NLTT: Trung tâm đã thường xuyên phối kết hợp với các khoa chuyên môn lựa chọn danh mục tài liệu dựa vào khung chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó, Trung tâm cân đối số lượng và nguồn kinh phí bổ sung những tài liệu, giáo trình và tài liệu tham khảo về các vấn đề khác phù hợp với chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

Công tác xử lý tài liệu luôn tuân thủ theo chuẩn nghiệp vụ thư viện. Công tác tổ chức kho, sắp xếp, bảo quản tài liệu khoa học, ngăn nắp, đúng quy định thuận lợi cho việc phục vụ NDT. Trong tương lai sẽ tiến tới HĐH các hoạt động này.

Công tác phục vụ NDT ngày một nâng cao, các dịch vụ ngày càng hoàn thiện, thuận lợi cho NDT thỏa mãn NCT của mình.

Vấn đề thu nhận tài liệu nội bộ: giáo trình, tập bài giảng nội bộ, luận văn, đồ án tốt nghiệp có quy định chặt chẽ và cơ bản đã đi vào nề nếp. Đây là nguồn tài liệu tham khảo rất có giá trị phục vụ việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên, sinh viên.

Bộ máy tra cứu tìm tin và công tác tra cứu thông tin thư mục được tổ chức tương đối khoa học và đang từng bước cải tiến, hiện đại. Việc phối hợp các loại hình tra cứu trong bộ máy tìm tin: tử phích mục lục, thông báo sách mới và phần mềm hỗ trợ hoạt động mượn trả tài liệu mang lại những kết quả thiết thực.

Có nhiều sản phẩm và dịch vụ thông tin được tổ chức thực hiện trong đó có dịch vụ tra cứu tài liệu bằng phần mềm tích hợp trên Website.

Tinh thần, thái độ phục vụ của CBTV tương đối tốt, luôn chu đáo, nhiệt tình giúp đỡ và hướng dẫn NDT trong việc khai thác, sử dụng thư viện. Thời gian phục vụ của thư viện, ngoài giờ hành chính thư viện vẫn duy trì mở cửa buổi tối từ thứ 2 đến thứ 6 giúp NDT có nhiều thời gian sử dụng NLTT của thư viện.

Trung tâm đang từng bước tiến hành HĐH hoạt động. Giáo trình - tập bài giảng nội bộ, luận văn đã được số hóa và đăng tải trên website Nhà trường. Việc tra tìm tài liệu thuận lợi, dễ dàng hơn khi có phần mềm hỗ trợ tìm kiếm thông tin. NDT có thể chủ động trong việc tra tìm tài liệu mọi lúc mọi nơi.

Thư viện được trang bị đầy đủ trang thiết bị như hệ thống giá sách đạt tiêu chuẩn, hệ thống máy tính, mạng wifi,... được tổ chức quản lý khá hợp lý, phục vụ tốt nhu cầu của NDT.

2.6.2. Hạn chế

*** Về tổ chức hoạt động thông tin:**

Công tác tham mưu cho Ban Giám hiệu về hoạt động TT-TV chưa được tích cực thường xuyên. Chất lượng hoạt động TT-TV chưa tương xứng với vai trò, nhiệm vụ của Trung tâm.

Chưa phối hợp, liên kết hoạt động thông tin với các cơ quan TT-TV trong cùng hệ thống các trường đại học cũng như trong cả nước.

*** Về nguồn lực thông tin:**

NLTT chưa đảm bảo được tính đầy đủ. Đối với những tài liệu là giáo trình, có thời điểm nhiều sinh viên cùng đăng ký học môn đó thì thư viện chưa đáp ứng đủ tài liệu chủ yếu là giáo trình thuộc các môn chung.

Các loại tài liệu tham khảo chưa được đa dạng về nội dung. Vì là thư viện chuyên ngành kỹ thuật nên Trung tâm TT-TV ưu tiên bổ sung những tài liệu về khoa học kỹ thuật, ít bổ sung những tài liệu về khoa học xã hội... Các tài liệu đó có chủ yếu là do tài trợ của các dự án, biểu tặng.

Công tác phát triển NLTT tại Trung tâm đã được đầu tư nhưng chủ yếu vẫn là tài liệu dạng giấy, chưa đầu tư cho tài liệu điện tử. Hiện tại, Trung tâm mới chỉ số hóa giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo và luận văn tốt nghiệp của học viên lên Website Trường.

Công tác thu nhận tài liệu nội sinh chưa thực hiện một cách triệt để. Hiện tại Trung tâm mới chỉ thu nhận giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo của CB-GV; đồ án, luận văn tốt nghiệp của sinh viên và học viên trong Trường. Chưa có quy định cụ thể về việc thu nhận các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp bộ; luận văn, luận án, các bài báo khoa học của cán bộ, giảng viên trong Trường.

Trung tâm TT-TV được trang bị hệ thống máy tính phục vụ NDT, nhưng hiện tại, hệ thống máy tính chỉ dừng lại ở việc truy cập Internet, chưa có nhiều tài liệu điện tử, dịch vụ hiện đại để phục vụ cung cấp cho NDT.

Kinh phí bổ sung NLTT còn bị động, phụ thuộc vào sự phân bổ của Trường.

*** Công tác xử lý tài liệu**

Công tác xử lý tài liệu vẫn hoàn toàn là thủ công: phân loại, mô tả tài liệu, viết và sao chép phích mục lục...

Các sản phẩm và dịch vụ TT-TV chưa đa dạng. Chưa tạo ra được những sản phẩm và dịch vụ thông tin hiện đại để thu hút NDT đến thư viện thường xuyên.

Việc ứng dụng CNTT vào các hoạt động của thư viện mới chỉ là bước đầu, cán bộ có trình độ về cả tin học và chuyên ngành còn ít. Việc phối hợp giữa CBTV và cán bộ tin học gặp phải khó khăn do chưa hiểu về chuyên ngành của nhau. Công tác tin học hóa quản lý thư viện chưa được chú trọng triển khai.

Chưa số hóa TL - GT vì chưa được Nhà trường trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện. Hiện tại Trung tâm mới chỉ số hóa giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo nội bộ và luận văn thạc sỹ của học viên và đăng tải trên website Nhà trường.

*** Công tác cán bộ:** công tác đào tạo cán bộ chưa được chú ý, chưa thường xuyên được đào tạo lại để theo kịp thời đại và chuẩn hóa nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế. Chưa được thường xuyên tham gia các buổi hội thảo chuyên ngành để cập nhật những kiến thức thông tin mới.

Ngoài ra, Trung tâm TT-TV chưa được trang bị hệ thống điều hòa nên cũng làm hạn chế số lượng NDT đến thư viện.

2.6.3. Nguyên nhân

Sự nhận thức của các cấp lãnh đạo về việc cần thiết phải tiến hành HĐH, tự động hóa các hoạt động TT-TV còn hạn chế, chưa coi trọng các hoạt động của Trung tâm. Từ sự hạn chế trong nhận thức về tầm quan trọng của việc HĐH hoạt động TT-TV, vì thế chưa có sự đầu tư thích đáng cho hoạt động TT-TV.

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động TT-TV đang từng bước được tiến hành. Trung tâm đang hoàn thiện phần mềm hỗ trợ tra cứu tài liệu, giáo trình tích hợp trên website Nhà trường.

Kinh phí đầu tư cho thư viện còn hạn chế, vì thế Nhà trường chưa có điều kiện để trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện.

CBTV chưa thường xuyên được học tập, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ TT-TV, CNTT. Sự kết hợp giữa CBTV và cán bộ CNTT chưa thực sự hiệu quả trong công việc.

Trình độ của số đông NDT cũng như thói quen sử dụng, khai thác, tìm kiếm thông tin, tài liệu còn hạn chế. Một số còn ngại tiếp xúc, sử dụng máy tính, với các CSDL và các hệ thống mạng. Nhu cầu sử dụng tài liệu ngoại văn thường thấp. Điều này phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả tìm kiếm thông tin. Bên cạnh đó việc đào tạo NDT chưa được chú trọng.

Tóm lại: bên cạnh những thành công, hoạt động TT-TV của Trường ĐHSPKTND còn nhiều hạn chế:

- Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động TT-TV còn ở mức thấp, thiếu cả trang thiết bị tin học và phần mềm chuyên dụng.

- NLTT còn nặng về truyền thống, ít tài liệu hiện đại, thông tin chậm được cập nhật, chia sẻ.

- Sản phẩm - dịch vụ thông tin chưa phong phú, thiếu vắng sản phẩm - dịch vụ thông tin hiện đại.

- Nguồn nhân lực TT-TV chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ và vị thế của thư viện đại học hiện đại.

- NDT chậm được trang bị những kiến thức tìm kiếm, khai thác thông tin trong môi trường thư viện hiện đại.

Để đáp ứng yêu cầu HDH hoạt động TT-TV và nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ NDT, Trung tâm TT-TV Trường ĐHSPKTND cần phải đề xuất và thực hiện nhanh chóng, kịp thời những giải pháp thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đối tượng phục vụ của Trung tâm.

Chương 3

GIẢI PHÁP HIỆN ĐẠI HÓA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN-THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Thực trạng hoạt động của Trung tâm TT-TV Nhà trường hiện nay còn mang tính chất thủ công, truyền thống, chưa đem lại hiệu quả cao, trong khi đó vai trò của thư viện trong các trường đại học ngày càng có ý nghĩa quan trọng trong việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của CB-GV-SV.

Ngày nay, dưới sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngành TT-TV là một trong những ngành được thừa hưởng những tiến bộ của CNTT nhiều nhất. Trung tâm TT-TV Trường cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Là một trong những trường đào tạo về các ngành khoa học kỹ thuật, bên cạnh đó cũng đào tạo về kỹ sư CNTT, Nhà trường có đội ngũ giảng viên, chuyên gia CNTT tương đối đồng đều, là lực lượng vừa làm nhiệm vụ xây dựng và phát triển hệ thống CNTT vừa có nhu cầu sử dụng CNTT.

Thư viện ngày càng có vai trò quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Hiện nay Trường cũng đang từng bước đầu tư cho hoạt động thông tin để tiến tới HĐH.

Với xu thế hiện nay, nhu cầu sử dụng nguồn thông tin nhất là nguồn tài liệu của thư viện tương đối lớn đòi hỏi Trung tâm TT-TV Nhà trường cần phải đổi mới sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế của NĐT. Trong tình hình hiện nay, Trung tâm TT-TV cần phải tăng cường NLTT nhất là NLTT hiện đại, tạo nhiều sản phẩm và dịch vụ thông tin hiện đại, hữu ích, đội ngũ cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thì mới phục vụ tốt nhu cầu của NĐT.

Hiện nay, Trường ĐHSPTND thay đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ. Với phương thức đào tạo này, nhu cầu về tài liệu, thông tin của giảng viên và sinh viên ngày càng tăng lên. Trước những nhu cầu thực tế của NĐT đòi hỏi Trung tâm TT-TV Nhà trường cần phải đổi mới đó là phải tiến hành HĐH hoạt động TT-TV để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của NĐT. Hiện đại hóa hoạt

động TT-TV là cơ hội và thách thức đối với Trung tâm, yêu cầu Trung tâm phải tích cực triển khai một loạt các giải pháp thiết thực và đồng bộ sau:

3.1. Nhóm giải pháp về hoạt động chuyên môn

3.1.1. Trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện và phần mềm tích hợp

3.1.1.1. Trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện

Trên thế giới hiện nay có rất nhiều phần mềm nghiệp vụ thư viện. Cùng với sự phát triển thư viện điện tử trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng, các phần mềm thư viện cũng không ngừng được phát minh và nâng cấp cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Ở nước ta hiện nay có một số phần mềm đã được sử dụng rộng rãi trong các trường đại học như phần mềm ILIP của Công ty CMC: Trường Đại học Thương Mại, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội; phần mềm LIBOL của Công ty Tinh Vân: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân; Phần mềm Kipos của Công ty cổ phần phần mềm quản lý hiện đại: Thư viện Đại học Mỏ địa chất, Đại học Xây dựng... Tuy nhiên, để lựa chọn được phần mềm phù hợp, cần căn cứ vào các tiêu chí và yêu cầu cụ thể của Trung tâm.

- Về các chuẩn nghiệp vụ TT-TV bao gồm: Hỗ trợ chuẩn biên mục MARC 21, ISBD; hỗ trợ đồng thời nhiều khung phân loại; hỗ trợ đề mục chủ đề và hệ thống từ khóa không kiểm soát; tích hợp với các thiết bị mã vạch, thẻ từ và các thiết bị mượn trả tự động; trao đổi dữ liệu...

- Về các module chức năng: Phần mềm phải đáp ứng được các module chức năng sau:

Module Bổ sung: Quản lý bổ sung theo đơn đặt hàng, lên danh sách ấn phẩm đặt mua, lựa chọn nhà phát hành dựa trên những thống kê về các lần giao dịch diễn ra trước đó, theo dõi thời gian giao hàng. Module cho phép quản lý bổ sung theo các kênh khác nhau như kênh trao đổi, tặng phẩm; Quản lý nhập kho; Quản lý lưu kho; Quản lý ngân sách bổ sung; In báo cáo kế toán...

Module Biên mục: Biên mục mọi loại tài liệu theo MARC21; Dublin Core; Đáp ứng các tiêu chuẩn mô tả biên mục ISBD, AACR2, TCVN7434-89; Hỗ trợ đa khung phân loại DC, UDC, BBK, LC, NLM; Hỗ trợ xuất/nhập trao đổi dữ liệu theo chuẩn ISO, MARC21. Cho phép chỉnh sửa, tạo mới các mẫu biên mục và tiến hành

mọi khâu trong quy trình biên mục gồm nhập mới. In các loại phiếu mục lục, nhãn dán gáy sách, mã vạch, thông báo tài liệu mới...

Module Suu tập số: Module này cho phép mô tả các quy trình cần thiết để số hóa tài liệu trong một thư viện điện tử. Phần mềm phải có khả năng số hóa mọi dạng văn bản từ văn bản dạng text đến các dạng hình ảnh, âm thanh hiện đang lưu trữ tại thư viện. Theo dõi các yêu cầu đặt mua tài liệu điện tử qua mạng. Quản lý kho tư liệu số hóa của thư viện...

Module Quản lý: Quản lý, phân quyền người dùng và theo dõi toàn bộ hoạt động của hệ thống đảm bảo một số tính năng sau: Quản lý người dùng; Ghi nhật ký hệ thống; Quản lý ngôn ngữ; Kết nối CSDL.

Module Lưu thông: Tin học hóa quá trình lưu thông ấn phẩm giữa thư viện và NDT cũng như giữa các thư viện với nhau. Module có thể tự động hóa tối đa: Hoạt động mượn - trả; Tích hợp mã vạch: Ghi mượn - trả bằng máy đọc mã vạch, tích hợp với các thiết bị ngoại vi như thẻ từ, công từ tính.

Module Quản lý NDT: Là công cụ trợ giúp thư viện trong việc quản lý NDT và tiến hành các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến NDT như cấp thẻ, in thẻ, gia hạn thẻ... Quản lý hồ sơ NDT, phân loại NDT theo nhóm và thống kê theo nhiều tiêu chí khác nhau.

Module OPAC: Tìm kiếm tài liệu theo các tiêu chí tìm kiếm khác nhau (cơ bản, nâng cao); Gợi ý tìm kiếm theo các thuộc tính liên quan (revise search); Xem các thông tin tài liệu theo dạng cơ bản, theo các nhãn trường MARC21, Dublin Core; Đăng ký mượn qua mạng; Gia hạn mượn qua mạng.

Module Ấn phẩm định kỳ:

Hỗ trợ khổ mẫu lưu trữ dữ liệu Holding data theo MARC21; Quản lý việc đặt, nhận các số báo - tạp chí và theo dõi yêu cầu đòi số thiếu; Biên mục tổng thể và biên mục từng số; Quản lý đóng tập và cá biệt hoá tập.

Module Mượn liên thư viện:

Quản lý những giao dịch trao đổi tư liệu của thư viện với các thư viện khác theo tiêu chuẩn quốc tế dưới các vai trò là thư viện cho mượn và thư viện theo yêu cầu mượn.

Phần mềm ILIB V8.0 tích hợp đầy đủ các chuẩn nghiệp vụ và các module chức năng trên. Điểm nổi bật của phần mềm này là triển khai cài đặt CSDL theo mô hình tập trung, phân tán hoặc kết hợp giữa tập trung và phân tán; Giao diện thân thiện trên nền tảng Web, Mobile cho nghiệp vụ, tra cứu; Quản trị cơ sở dữ liệu lớn (hàng triệu biểu ghi). Nền tảng CSDL ORACLE; Bảo mật phân quyền theo: CSDL, người dùng, IP máy trạm; Xác thực thông tin người dùng thông qua tài khoản SSO dùng chung với các hệ thống khác; Công cụ tìm kiếm và tra cứu mạnh, tra cứu liên thư viện z3950; Hỗ trợ các chuẩn mô tả và trao đổi dữ liệu: ISBD, AACR2; ISO, MARC21, XML, Dublincore, XML MARC, METS; Hỗ trợ các khung phân loại: BBK, UDC, DDC.. ; Quản lý mọi dạng dữ liệu số hoá mp4, mp3, jpg, doc, docx, xls, pdf; Tích hợp tìm kiếm trên nhiều CSDL ngoài thư viện: SpringerLink, Proquest; Quản lý thu phí đọc tài liệu số online và download file tài liệu số....

Vì thế Trung tâm TT-TV Trường ĐHSPKND nên sử dụng phần mềm ILIB V8.0 để HĐH hoạt động TT-TV của mình.

3.1.1.2. Trang bị phần mềm tích hợp

Hiện tại do nguồn kinh phí cấp cho Trung tâm TT-TV không nhiều nên việc lựa chọn một số phần mềm hỗ trợ cũng là vấn đề cần cân nhắc và xem xét thật kỹ. Kinh phí là yếu tố đóng vai trò quyết định, vì vậy phần mềm được cung cấp miễn phí là lựa chọn số một hiện nay.

Một trong những phần mềm rất hiệu quả và đang được nhiều cơ quan TT-TV sử dụng đó là phần mềm Dspace.

Đây là một phần mềm mã nguồn mở, được cung cấp miễn phí trên Internet. Dspace dễ dàng tùy chỉnh để phù hợp với nhu cầu của từng đơn vị: Tùy chỉnh giao diện người dùng; Tùy chỉnh siêu dữ liệu (Metadata); Có cấu hình liệt kê và tìm kiếm; Cơ chế xác thực tài khoản người dùng; Bảo mật; Hỗ trợ đa ngôn ngữ...

Dspace có thể quản lý tất cả các loại tài liệu điện tử của thư viện. Đối với các định dạng chưa có trong Dspace, người dùng có thể dễ dàng khai báo thêm.

Thư viện Nhà trường có thể sử dụng Dspace để xây dựng các bộ sưu tập số là một trong những sản phẩm thiết yếu khi tiến hành HĐH thư viện nhằm nâng cao chất lượng NLTT có trong thư viện. Các bộ sưu tập số mà Trung tâm có thể xây

dựng trước tiên là bộ sưu tập tài liệu nội sinh đó là giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo của CB-GV; bộ sưu tập luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đồ án tốt nghiệp của CB-GV-SV trong Trường; bộ sưu tập các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các bài báo đăng trên hội thảo, tạp chí trong nước và quốc tế.

Dspace là một trong những phần mềm hữu ích để phổ biến thông tin và tri thức, xây dựng thư viện hiện đại, thư viện số. Sử dụng phần mềm Dspace đã được chuẩn hóa cao sẽ giúp thư viện nhanh chóng làm quen với các chuẩn thư viện quốc tế. Từ đó nâng cao khả năng liên thông, trao đổi và hội nhập với các thư viện trong khối, trong nước và quốc tế.

3.1.2. Phát triển nguồn lực thông tin hiện đại

3.1.2.1. Đầu tư kinh phí bổ sung tài liệu điện tử

Song song với việc xây dựng NLTT truyền thống, Trung tâm TT-TV cần phải xây dựng chiến lược phát triển nguồn tin điện tử hợp lý dựa trên tính dự báo về sự hình thành và phát triển của các ngành đào tạo trong trường; sự cân đối giữa lượng sinh viên và tài liệu, giữa các loại tài liệu với nhau; sự ưu tiên những vấn đề cấp thiết đang được đặt ra cho mục tiêu phát triển của Nhà trường. Đây là công việc rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi người cán bộ bổ sung cần phải có cái nhìn tổng thể... Để giúp cán bộ bổ sung nhất quán trong công tác bổ sung thì trước mắt Trung tâm TT-TV cần phải xây dựng chính sách bổ sung tài liệu điện tử trong thời gian tới.

Nguồn tin điện tử bao gồm: giáo trình, tập bài giảng điện tử; sách tham khảo điện tử; tài liệu tra cứu điện tử; báo, tạp chí điện tử; các bộ sưu tập về luận án, luận văn, đồ án; đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; các bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước... Nguồn tài liệu điện tử này có thể tồn tại trên CD-ROM, trên mạng internet.

Phải xây dựng chính sách bổ sung NLTT điện tử theo hướng bám sát khung chương trình đào tạo trong Nhà trường đã được ban hành. Bổ sung NLTT điện tử chú ý theo các môn học của từng ngành đào tạo, cập nhật danh mục tài liệu bắt buộc và danh mục tài liệu tham khảo của từng học phần. Cùng với đó là phải nghiên cứu NCT của mọi đối tượng NDT trong Nhà trường để có cái nhìn tổng thể từ đó lên danh mục bổ sung cho hợp lý.

Xây dựng nguồn tin điện tử đầy đủ về số lượng, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, đảm bảo chất lượng cao. NLTT điện tử được xây dựng phải gắn với yêu cầu đổi mới, lấy việc đáp ứng NCT là mục tiêu và động lực của chính sách bổ sung NLTT.

Cần phải xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các giảng viên có trình độ cao, những người thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, giảng viên viết giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, bài báo khoa học quốc tế để họ tư vấn về nguồn tài liệu điện tử cần bổ sung.

Xây dựng chiến lược dài hạn, ngắn hạn trong công tác bổ sung NLTT điện tử, sử dụng kinh phí một cách hợp lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác bổ sung, đảm bảo tất cả các khoa, các ngành đào tạo, các học phần của Nhà trường đều có giáo trình và tài liệu tham khảo. Trong đó ưu tiên bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo điện tử cho các ngành mới mở, các ngành đào tạo là thế mạnh và là mũi nhọn của Trường.

Công tác bổ sung NLTT điện tử phải được đổi mới từ khâu lập kế hoạch bổ sung, cần chú ý nội dung tài liệu kỹ thuật: điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, kinh tế và các ngành kỹ thuật có liên quan.

Liên hệ mật thiết với các nhà xuất bản, các cơ quan phát hành sách trong và ngoài nước. Tăng cường trao đổi, hợp tác quốc tế để có thể sở hữu NLTT điện tử quý hiếm, có giá trị cao thông qua hình thức trao đổi, mua, biếu tặng...

Phối hợp với các trường đại học sư phạm kỹ thuật trong Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các trường đại học đóng trên địa bàn tỉnh Nam Định trong công tác bổ sung và chia sẻ NLTT điện tử để xây dựng NLTT giúp tiết kiệm kinh phí và làm phong phú bộ sưu tập của thư viện.

**** Nội dung tài liệu bổ sung***

Dựa vào quy mô của các ngành đào tạo tại Trường cũng như kết quả nghiên cứu NCT của các nhóm NDT cho thấy NDT thuộc lĩnh vực điện - điện tử và cơ khí khá cao. Vì thế trong chính sách bổ sung ưu tiên cho hai ngành này. Tuy nhiên vẫn phải chú trọng đến các lĩnh vực khác như CNTT và kinh tế. Mặt khác phải đặc biệt quan tâm đến các chuyên ngành mới mở như Cơ điện tử và trình độ mới đào tạo

như đào tạo sau đại học ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí và tiến tới là ngành điện - điện tử, CNTT... Ngoài ra cũng cần lưu ý đến nhu cầu giải trí và tìm hiểu những loại tài liệu thuộc các lĩnh vực về khoa học xã hội, khoa học thường thức.

*** Hình thức bổ sung tài liệu điện tử**

Hình thức bổ sung tài liệu của Trung tâm TT-TV Nhà trường cần đẩy mạnh đa dạng hóa như mua, thu nhận tài liệu nội sinh và trao đổi, chia sẻ...

- Mua tài liệu: đây là hình thức bổ sung quan trọng nhất và chủ yếu của Trung tâm. Việc đặt mua tài liệu điện tử phù hợp với chuyên ngành đào tạo của Nhà trường qua các kênh trên sẽ đảm bảo về mặt chất lượng cũng như số lượng, làm cho NLTT có hệ thống và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm.

- Củng cố và tăng cường nguồn tài liệu nội sinh. Tăng cường hơn nữa giới thiệu và quảng bá nguồn tài liệu này tới đông đảo NDT để đạt hiệu quả cao trong khai thác, sử dụng.

- Hiện nay do kinh phí dành cho bổ sung tài liệu nhất là tài liệu điện tử ở hầu hết các thư viện, các trung tâm thông tin đều trong tình trạng thiếu hụt, không đáp ứng đủ nhu cầu. Vì thế Trung tâm phải tăng cường trao đổi tài liệu giữa các trường trong cùng hệ thống đại học sư phạm kỹ thuật thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các thư viện đóng trên địa bàn tỉnh.

*** Ngôn ngữ tài liệu bổ sung**

Xuất phát từ yêu cầu đào tạo của Nhà trường hiện tại đang đào tạo trình độ cử nhân, thạc sỹ, tiến tới đào tạo trình độ tiến sỹ; Trung tâm TT-TV cần bổ sung một số tài liệu điện tử chuyên ngành viết bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga... để đáp ứng nhu cầu tham khảo tài liệu nước ngoài của NDT.

*** Yêu cầu đối với cán bộ làm công tác bổ sung nguồn tin điện tử:**

Cán bộ làm công tác bổ sung nguồn tin điện tử phải là những người có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có kiến thức tổng quát về các lĩnh vực tri thức, thực hiện đúng quy trình, phải căn cứ vào đề xuất của các khoa chuyên môn, nghiên cứu kỹ khung chương trình đã được ban hành; tham khảo ý kiến của các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực đào tạo để xây dựng danh mục bổ sung.

Thường xuyên điều tra, khảo sát NCT của NDT trong toàn trường để có phương hướng, kế hoạch điều chỉnh trong công tác bổ sung NLTT điện tử phù hợp với chương trình đào tạo các ngành nghề trong trường.

Mời đội ngũ chuyên gia đầu ngành của các lĩnh vực đào tạo trong trường tham gia tư vấn nguồn tài liệu điện tử có chất lượng, đúng chuyên ngành.

3.1.2.2. *Đẩy mạnh tạo lập, phát triển và cung cấp nguồn lực thông tin số hóa*

Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, số hóa tài liệu là vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với mỗi một cơ quan TT-TV. “Số hóa tài liệu học tập, sách giáo khoa gắn với đổi mới nội dung, phương thức dạy, học, khảo thí; tạo điều kiện cho mọi lứa tuổi được truy cập, học tập, đào tạo; phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu, triển khai, đào tạo và giảng dạy khoa học và công nghệ tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu các cấp” [40, tr. 5]

Gia tăng NLTT số hóa cũng là xu thế tất yếu khi đã tiến hành HĐH hoạt động TT-TV. Hơn nữa, định hướng phát triển của Trung tâm là xây dựng thư viện điện tử vì thế cần phải đẩy mạnh công tác này. Số hóa tài liệu sẽ làm giảm việc truy cập đến tài liệu gốc, giúp bảo vệ nguồn tài liệu gốc được tốt hơn. Với việc số hóa này, Trung tâm có thể đưa các bản sao phục vụ NDT, tạo điều kiện chia sẻ NLTT, tăng cường khả năng truy cập thông tin, giúp NDT có thể truy cập tới mọi NLTT của Trung tâm. Mặt khác, đẩy mạnh việc số hóa tài liệu quý hiếm trở thành NLTT điện tử, phục vụ được nhiều hơn cho NDT.

Hiện nay Trung tâm TT-TV mới tiến hành số hóa được số giáo trình, tập bài giảng, tài liệu nội bộ, tài liệu tham khảo của cán bộ, giảng viên, luận văn tốt nghiệp của học viên cao học. Trong thời gian tới, Trung tâm cần phải tiến hành số hóa tất cả nguồn tài liệu có trong Trung tâm TT-TV Nhà trường.

Để làm được điều đó, Trung tâm cần chú ý tới các vấn đề sau:

Trước tiên là phải đầu tư kinh phí mua sắm máy móc, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ số hóa tài liệu: máy tính điện tử, máy scan và các thiết bị hiện đại liên quan.

Lựa chọn đội ngũ cán bộ TT-TV có năng lực, có trình độ tin học nhất định để tham gia công tác số hóa tài liệu.

Lựa chọn những tài liệu thật sự quý hiếm, các công trình nghiên cứu có giá trị, có hàm lượng tri thức, có tần suất sử dụng cao, luôn trong tình trạng từ chối phục vụ, những tài liệu có giá trị mà ít số bản.

Tích cực tìm kiếm trên mạng, download những tài liệu được phép về những chuyên ngành đào tạo trong Trường.

Thực hiện xử lý tài liệu số phải đảm bảo theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo tính thống nhất, phục vụ tìm kiếm toàn văn và đảm bảo tính toàn vẹn của nội dung tài liệu và hỗ trợ cấp quyền truy cập cho người sử dụng.

3.1.2.3. Đổi mới quy trình và quy định tài liệu nội sinh

Tài liệu nội sinh là nguồn tài liệu rất quan trọng của mỗi cơ quan TT-TV trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy việc phát triển NLTT này là hoạt động quan trọng để bổ sung vào NLTT của mỗi cơ quan. Đây là nguồn tư liệu vô cùng phong phú và có giá trị khoa học rất cao, chứa đựng kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường. Để thu thập NLTT nội sinh được đầy đủ và đưa ra khai thác thực sự hiệu quả thì trước tiên cần phải tham mưu, đề xuất để đưa ra quy định rõ ràng về việc nộp tài liệu nội sinh với lãnh đạo Nhà trường. Hiện tại, Trung tâm mới chỉ thu nhận các giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, luận văn của học viên, đồ án tốt nghiệp của sinh viên chứ chưa thu nhận những đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, tỉnh, các luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ, các bài báo khoa học xuất bản ở trong nước, ngoài nước của cán bộ, giảng viên trong Trường.

Phải có chính sách xây dựng có hệ thống, tăng cường và phát triển nguồn thông tin số hóa. Đưa ra quy định rõ ràng về việc giao nộp luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ, đề tài, công trình nghiên cứu khoa học các cấp, đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, bài viết đăng trên các ký yếu hội thảo khoa học, các bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Như vậy mới tận thu được nguồn lực có giá trị này.

Từ nguồn tài liệu nội sinh thu được tiến hành xây dựng các loại CSDL toàn văn như: CSDL giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; CSDL luận văn, luận án; CSDL đề tài nghiên cứu khoa học, CSDL bài báo, tham luận...

Kiểm soát, quản lý và ổn định đầy đủ nguồn thông tin tạo lập lên.

Xây dựng chiến lược chia sẻ NLTT, phát triển nguồn thông tin số hóa để nâng cao khả năng khai thác và sử dụng của NDT.

3.1.2.4. Mở rộng chia sẻ nguồn lực thông tin điện tử

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam hiện nay xu hướng hoạt động thư viện là liên kết, chia sẻ NLTT là một trong những vấn đề cần thiết. Hợp tác, chia sẻ NLTT là vấn đề trở nên rất quan trọng trong xu thế toàn cầu hóa. Muốn nâng cao chất lượng hoạt động, thư viện cần có biện pháp tăng cường hợp tác, trao đổi nguồn lực với các trung tâm TT-TV trong và ngoài nước.

Thời gian tới, Trung tâm TT-TV cần tiến hành trao đổi nguồn tài liệu với các Trung tâm TT-TV trong cùng hệ thống khối các trường đại học sư phạm kỹ thuật như: Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long..., một số thư viện trên địa bàn như Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Nam Định, Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định...

Để tiến hành được việc hợp tác, trao đổi NLTT được thuận lợi, dễ dàng, thư viện cần tiến hành những công việc như:

Xây dựng văn bản quy định quyền và nghĩa vụ của các đơn vị thành viên khi tham gia trao đổi, chia sẻ NLTT.

Xây dựng CSDL để tiến hành chia sẻ thông tin.

Tăng cường nối mạng giữa các đơn vị thành viên, ứng dụng mạnh mẽ tin học hóa vào hoạt động TT-TV.

Nâng cao năng lực tổ chức, xử lý các thông tin theo chuẩn nghiệp vụ, khổ mẫu, khung phân loại... tạo điều kiện thuận lợi khi chia sẻ NLTT.

3.1.3. Chuẩn hóa công tác xử lý tài liệu

Chuẩn hóa là một tiến trình của sự tạo lập, áp dụng những tiêu chuẩn và nó được định nghĩa như là “một sự chuyển tiếp từ ý tưởng cá biệt sang ý tưởng chung, sự chuyển tiếp từ lộn xộn đến ngăn nắp và từ sự hành xử tùy tiện tới sự hành xử theo quy luật” [39].

Một trong những yếu tố quan trọng để thực hiện hội nhập và đổi mới trong giáo dục cũng như trong hoạt động TT-TV là vấn đề làm thế nào để chia sẻ NLTT giữa các cơ quan với nhau. Vấn đề tiên quyết đặt ra là phải chuẩn hóa bởi vì nó tạo

ra sự thống nhất các quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như năng suất và chất lượng lao động của CBTV.

Để thống nhất quy trình, khi tiến hành HĐH, sử dụng phần mềm nghiệp vụ thư viện để xử lý tài liệu thì Trung tâm TT-TV cũng hướng đến việc chuẩn hóa nghiệp vụ. Hiện tại, Trung tâm đang phân loại tài liệu theo Khung phân loại 19 lớp dùng cho các thư viện khoa học tổng hợp do Thư viện Quốc gia biên soạn. Trong thời gian tới Trung tâm cần chuyển sang bảng phân loại DDC mô tả thư mục theo chuẩn MARC 21. Đối với thư viện số cần sử dụng Dublin Core - chuẩn dùng để mô tả dữ liệu trong các thẻ Metadata. Như vậy CBTV cần phải được tham gia các lớp tập huấn để hoàn thiện công tác nghiệp vụ của thư viện đảm bảo đúng với chuẩn nghiệp vụ chung từ đó tạo điều kiện cho việc liên kết, hợp tác với các thư viện khác được thuận lợi.

Hệ thống NLTT của Trung tâm cần được xử lý và quản trị trên hệ thống phần mềm, từ đó in ra hệ thống phích mô tả và được tiến hành làm các thủ tục mới trên cơ sở chỉ đạo nghiệp vụ về xây dựng hệ thống mục lục.

3.1.4. Phát triển sản phẩm, dịch vụ thông tin - thư viện theo hướng hiện đại

3.1.4.1. Sản phẩm thông tin - thư viện

Để HĐH hoạt động TT-TV, song song với việc chuẩn hóa công tác xử lý tài liệu, Trung tâm cần đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hình sản phẩm hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của NĐT, phục vụ có hiệu quả công tác đào tạo theo tín chỉ của Nhà trường.

Để phát triển các sản phẩm TT-TV, trước mắt cần củng cố và hoàn thiện bộ máy tra cứu truyền thống bởi lẽ không phải lúc nào sử dụng máy tính, thiết bị hiện đại cũng thuận lợi vì còn phụ thuộc vào trình độ tin học của NĐT cũng như CSDL, đường điện... Vì thế trong tương lai, hệ thống mục lục truyền thống cũng vẫn là công cụ tìm kiếm thông tin quan trọng và cần thiết trong hệ thống công cụ tìm kiếm thông tin.

Các loại sản phẩm cần được tiến hành xây dựng đó là:

Thư mục thông báo sách mới: hàng tháng, thư viện có thể xuất bản thư mục thông báo sách mới trên cơ sở xử lý dữ liệu của tài liệu mới và được tập hợp bằng

phần mềm thư viện điện tử mà thư viện xây dựng. Thư mục thông báo sách mới bao gồm những thông tin về tên tài liệu, tên tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, bản tóm tắt nội dung, số đăng ký cá biệt, số xếp giá, ký hiệu môn loại, vị trí của tài liệu.

Thư mục chuyên đề: xây dựng bản danh mục tài liệu theo những chuyên đề về các ngành, nghề đào tạo trong khung chương trình của nhà trường.

Xây dựng những bản tổng luận, tổng quan - đây là sản phẩm thông tin cần thiết đối với các nhà quản lý.

Một sản phẩm TT-TV mang tính hiện đại cần được chú trọng phát triển đó là các CSDL: CSDL thư mục, CSDL dữ kiện, CSDL toàn văn.

Trong tương lai khi đã có phần mềm nghiệp vụ thư viện thì sẽ hoàn thiện bộ máy tra cứu tìm tin hiện đại. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian chờ được trang bị thì Trung tâm đã xây dựng phần mềm hỗ trợ tìm kiếm thông tin phục vụ hoạt động mượn, trả tài liệu tích hợp trên Website của Nhà trường và đang hoàn thiện để đưa vào sử dụng. Phần mềm này đang giúp NDT có thể tra cứu thông qua máy tính hoặc điện thoại thông minh được kết nối mạng internet. Điều này giúp tiết kiệm thời gian đi lại cho NDT, không bị giới hạn về thời gian và không gian tra tìm tài liệu, NDT có thể tra tìm tài liệu mọi lúc, mọi nơi.

3.1.4.2. Dịch vụ thông tin - thư viện

Hiện tại, Trung tâm TT-TV Trường ĐHSPKTND mới chỉ cung cấp các dịch vụ là đọc tại chỗ, mượn về nhà và dịch vụ internet. Để khai thác triệt để NLTT, đưa thông tin tới NDT đúng đối tượng và phù hợp với nhu cầu của họ một cách thuận tiện nhất thì nhất thiết phải nâng cao chất lượng và đa dạng các dịch vụ thông tin.

Những dịch vụ tiên tiến hiện nay đang được các thư viện đưa vào hoạt động thu lại hiệu quả cao trong công tác phục vụ NDT đáp ứng một cách tốt nhất NCT của NDT. Trong thời gian tới. Trung tâm TT-TV cần tiến hành cung cấp những dịch vụ sau:

Dịch vụ tra cứu trực tuyến: thông qua mục lục tra cứu trực tuyến (OPAC) sẽ mang đến sự thay đổi đột phá trong thư viện: tra tìm tài liệu mọi lúc, mọi nơi, nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian cho NDT.

Dịch vụ mượn qua mạng: Thông qua OPAC người dùng có thể thực hiện các yêu cầu như: đăng ký mượn tài liệu, đặt trước tài liệu, gia hạn tài liệu quá hạn, có thể tra cứu các thông tin về tình hình mượn trả tài liệu của mình để chủ động trong việc sử dụng thư viện.

Dịch vụ cung cấp tài liệu theo yêu cầu: Khi NDT có nhu cầu về một chủ đề nào đó, Trung tâm có thể cung cấp danh mục các tài liệu theo yêu cầu của NDT: có thể là danh sách thư mục, nguồn tài liệu toàn văn (điện tử) hoặc bản phô tô các bài báo, tạp chí...

Dịch vụ sử dụng tài liệu số trực tuyến: Đây là dịch vụ cung cấp quyền truy cập và sử dụng tài liệu toàn văn có trong thư viện. Có hai hình thức sử dụng:

Khai thác tại chỗ: NDT có thể đọc toàn văn tài liệu trong khu vực của thư viện bằng cách sử dụng máy tính của thư viện.

Khai thác thông qua Internet: đăng ký tài khoản, có tính cước phí.

Dịch vụ cung cấp tài liệu từ những thư viện khác trong khuôn khổ liên thư viện: Khi NDT có nhu cầu sử dụng nguồn tài liệu của cơ quan TT-TV khác mà thư viện mình không có thì CBTV sẽ liên hệ với cơ quan có tài liệu đó và tiến hành thủ tục mượn cho NDT.

Dịch vụ đào tạo và tập huấn NDT: Hướng dẫn NDT khai thác, sử dụng sản phẩm và dịch vụ TT-TV.

Dịch vụ phổ biến thông tin có chọn lọc - Selective Dissemination of Information (SDI) là dịch vụ cung cấp thông tin có nội dung và hình thức đã được xác định từ trước một cách chủ động và định kỳ tới NDT.

Dịch vụ truy cập thư mục và toàn văn từ xa.

Những dịch vụ của thư viện đều được tổ chức theo phương thức tự động hóa, đặc biệt quan tâm tới việc cung cấp thông tin qua hệ thống mạng để NDT có thể truy cập từ xa.

3.1.5. Tổ chức, sắp xếp lại kho tài liệu

Hiện nay nhiều thư viện đã thay đổi hình thức phục vụ NDT từ kho đóng sang kho mở. Với cách tổ chức theo hình thức kho mở, NDT được trực tiếp tiếp cận với kho tài liệu, có thể xem lướt để xác định tài liệu đó có cần hay không hoặc có

thể mượn tài liệu khác có nội dung tương tự xếp cạnh đó. Cách tổ chức này dễ thỏa mãn nhu cầu của NDT, NDT đến thư viện nhiều hơn, vòng quay của tài liệu ở kho mở lớn hơn kho đóng.

Các cơ quan TT-TV hiện nay đều khẳng định rằng cùng với việc từng bước HĐH hoạt động thư viện, tổ chức kho theo hình thức tự chọn là cần thiết và phù hợp với xu thế chung “hướng tới người dùng tin”. Kho mở là hình thức tổ chức phục vụ thân thiện với NDT, tạo điều kiện cho NDT trực tiếp, tự do tiếp cận với kho tài liệu thư viện. Tổ chức kho mở còn góp phần làm thay đổi bộ mặt thư viện, đem lại cho thư viện một phong cách phục vụ mới, hiệu quả, thiết thực hơn.

Khi tiến hành tổ chức kho mở thì bước quan trọng là xác lập ký hiệu xếp giá cho mỗi cuốn sách làm cơ sở để sắp xếp tài liệu trong kho. Tại Trung tâm TT-TV thì kho tài liệu tham khảo sẽ được lựa chọn để tổ chức kho mở. Tài liệu tại kho này sắp xếp theo khổ sách kết hợp với môn loại và số đăng ký cá biệt. Trong kho có các mã: KL, KN, VL, VN, A, Đ bao gồm các loại sách từ điển, đồ án, luận văn, luận án, sách khoa học tự nhiên, khoa học xã hội.

3.1.6. Đổi mới phương thức phục vụ người dùng tin

Công tác phục vụ NDT luôn được coi là công tác quan trọng nhất của thư viện. Bởi lẽ mục đích cốt lõi của hoạt động thư viện là phục vụ NDT, vì thế thông qua công tác này NLTT quý giá của thư viện mới được sử dụng có hiệu quả. Từ đó, vị trí vai trò của thư viện mới được khẳng định. Thực tiễn hoạt động của các cơ quan TT-TV cho thấy công tác phục vụ NDT có rất nhiều vai trò khác nhau song nổi bật nhất công tác phục vụ NDT được ví như “chiếc cầu” nối liền NDT với NLTT thông qua vai trò của người CBTV. Qua việc phục vụ NDT, NLTT của thư viện mới được khai thác, sử dụng và thư viện có thể tìm hiểu, nắm được NCT của NDT. Và đây cũng chính là cơ sở của các hoạt động khác trong thư viện.

Trung tâm TT-TV Trường ĐHSPTNĐ sẽ xây dựng phòng đọc sách tự chọn hiện đại với quy mô phục vụ tận tay NDT theo yêu cầu.

3.1.7. Ứng dụng Marketing hiện đại vào hoạt động thông tin - thư viện

Marketing là hoạt động cần thiết cho sự vận hành của các thư viện trong việc nâng cao khả năng phục vụ thông tin góp phần phát triển hoạt động đào tạo và

nghiên cứu của nhà trường. Thực chất của Marketing thư viện không phải là khai thác lợi nhuận mà chính là phát hiện và đáp ứng nhu cầu thông tin, cho NDT. Vì vậy một trong những giải pháp để HĐH hoạt động TT-TV là ứng dụng marketing hiện đại.

Để thực hiện tốt hoạt động Marketing, các thư viện cần quan tâm tới tước tiên là phải hiểu NDT, môi trường thư viện hoạt động và các nhân tố ảnh hưởng đến NDT. Thông qua các cuộc điều tra bằng bảng hỏi, hòm thư góp ý hoặc trực tiếp trao đổi với NDT trong các cuộc hội nghị NDT.

Phân loại và xác định đối tượng NDT giúp cho việc xác định những đòi hỏi về dịch vụ khác nhau của các nhóm NDT khác nhau để đưa ra những chiến lược truyền thông thích hợp và phân bổ các nguồn lực một cách phù hợp.

Trung tâm TT-TV cần tìm ra cách để NDT nhận biết được các sản phẩm và dịch vụ của mình có những yếu tố nào ưu việt hơn để tạo nên lợi thế cạnh tranh so với các nơi khác (cơ quan TT-TV khác hoặc trên internet).

Xác định được các sản phẩm và dịch vụ mà NDT mong muốn được sử dụng để từ đó có thể cần phải cải tiến các sản phẩm và dịch vụ hiện có hoặc bổ sung sản phẩm và dịch vụ theo nhu cầu của NDT. Bên cạnh đó không gian để sử dụng các sản phẩm và dịch vụ cũng rất quan trọng tác động một phần đến quyết định sử dụng thư viện của NDT.

Và cuối cùng là làm sao để quảng bá hình ảnh thư viện tới đông đảo NDT thông qua quảng cáo: tổ chức các lớp học hướng dẫn NDT, gửi thông tin về thư viện qua thư điện tử của NDT, phát tờ rơi, bản tin, thư mục giới thiệu sách mới, bảng thông báo sách mới trên thư viện cũng như trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin thì Trung tâm TT-TV có thể marketing hình ảnh và hoạt động cũng như NLTT của mình thông qua Website của Nhà trường. Facebook cũng là một công cụ hỗ trợ tích cực cho việc marketing thư viện trong thời đại ngày nay.

3.2. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

3.2.1. Đổi mới phương pháp tổ chức và quản lý

Trung tâm TT-TV trường ĐHSPKTND với quy mô nhỏ thì tổ chức thư viện theo mô hình quản lý tập trung tạo điều kiện cho mọi hoạt động được thống nhất, đảm bảo tính ổn định, hợp lý và phát triển. Tính hợp lý của một cơ cấu tổ chức thể hiện ở việc thống nhất trong mục tiêu hoạt động của mỗi cơ quan và các thành viên trong cơ quan đó đều chung tay thực hiện mục tiêu đó.

Xây dựng chiến lược phát triển:

Phát triển NLTT: ngoài việc bổ sung tài liệu in, phải tăng cường nguồn tài liệu điện tử để phát triển các CSDL.

Đề nghị Nhà trường cấp kinh phí để từng bước tiến hành HĐH hoạt động TT-TV: trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đầu tư phần mềm quản lý thư viện và số hóa nguồn tài liệu trong thư viện.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào mọi hoạt động của thư viện, tự động hóa các khâu công việc trong hoạt động TT-TV.

Tăng cường xây dựng và phát triển các sản phẩm - dịch vụ thư viện hiện đại: tạo ra những sản phẩm - dịch vụ hữu ích nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của NDT.

Lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ: tiếp tục nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về nghiệp vụ thư viện để đáp ứng những yêu cầu của quá trình hội nhập. Cử cán bộ đi bồi dưỡng về áp dụng khung phân loại DDC thay thế khung phân loại dùng cho các thư viện khoa học tổng hợp 19 lớp để đáp ứng nhu cầu chia sẻ NLTT.

3.2.2. Phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng kiến thức thông tin cho người dùng tin

3.2.2.1. Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực TT-TV là một trong bốn yếu tố quan trọng cấu thành một cơ quan TT-TV, là yếu tố quyết định chiến lược và sự thành bại của hoạt động TT-TV. Vì thế cần phải phát triển nguồn nhân lực TT-TV. Phát triển nguồn nhân lực bao gồm phát triển về số lượng và chất lượng.

Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, việc quản lý nguồn nhân lực không chỉ dừng lại ở việc quản lý về số lượng cán bộ, khối lượng công việc, thời gian thực hiện công việc.... mà điều cốt lõi là quản lý về chất lượng công việc được giao. Ngày nay, người CBTV ngoài những yêu cầu mang tính truyền thống buộc phải có như trình độ chuyên môn cao, có tri thức, khả năng nắm bắt các nguồn thông tin đa dạng, phong phú thì còn phải luôn trang bị cho mình những kiến thức nhất định để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới:

Có trình độ nhất định về CNTT và biết cách ứng dụng CNTT vào công tác thư viện, sử dụng thành thạo các phương tiện hiện đại của thư viện. Để làm được điều này thì CBTV luôn phải nâng cao trình độ về tin học.

Tích cực nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ. Nghiên cứu, trao đổi về khung phân loại DDC để thay thế khung phân loại dùng cho các thư viện khoa học tổng hợp 19 lớp mà Trung tâm đang áp dụng để chuẩn bị cho việc chia sẻ, mượn liên thư viện.

CBTV phải biết định hướng đúng nguồn thông tin trên thế giới và có kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin nhằm cung cấp, tư vấn thông tin cho NDT. Giới thiệu và hướng dẫn cho NDT sử dụng những sản phẩm và dịch vụ hiện đại của thư viện.

Người CBTV vừa là người tổ chức, xử lý thông tin vừa khai thác và phổ biến thông tin cũng như tiến hành phổ biến CNTT mới cho NDT trong lĩnh vực hoạt động TT-TV.

Mục tiêu của đội ngũ CBTV hiện nay muốn tăng khả năng truy cập thông tin, thu thập thông tin nhanh hơn, chính xác hơn phục vụ mọi NCT của NDT, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, tăng cường các khoản đầu tư cho công nghệ. Để làm được những điều trên một cách hiệu quả thì ngoài những kỹ năng chuyên môn đã trình bày ở trên, các CBTV luôn cần phải trang bị năng lực cá nhân và khả năng thích ứng trong thời đại mới.

Cần xây dựng đội ngũ cán bộ theo hướng gọn nhẹ, tinh thông nghề nghiệp, năng động và yêu nghề.

Đối với cán bộ quản lý:

Để nâng cao hiệu quả hoạt động TT-TV thì không thể không quan tâm tới đội ngũ cán bộ quản lý. Người cán bộ quản lý trước hết cần phải có năng lực chuyên môn trong lĩnh vực TT-TV, biết nhìn nhận, đánh giá năng lực của từng thành viên, phân tích từng vị trí công việc để bố trí công việc hợp lý, đúng người, đúng việc để phát huy năng lực, sở trường của từng thành viên.

Cán bộ quản lý phải là người nắm được các xu hướng phát triển của thư viện theo hướng hiện đại, có những quyết định chính xác và kịp thời vào những thời điểm quyết định giúp cho hoạt động TT-TV phát triển theo kịp thời đại. Người cán bộ quản lý phải trang bị cho mình trình độ tin học nhất định để có thể đánh giá được tiêu chí của một phần mềm cần thiết, có thể sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ. Ngoài ra, người cán bộ quản lý phải là người am hiểu pháp luật liên quan đến lĩnh vực TT-TV của mình như Luật Sở hữu trí tuệ, Luật bản quyền... để tổ chức chỉ đạo hoạt động của đơn vị theo đúng luật định.

Hơn nữa, người cán bộ quản lý phải có kỹ năng lãnh đạo, vận dụng những phương pháp quản lý thích hợp như: phương pháp tổ chức hành chính, phương pháp tâm lý giáo dục, có cơ chế vận dụng những phương pháp này một cách cụ thể, rõ ràng để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý.

Để lãnh đạo hoạt động TT-TV đi đúng hướng thì người cán bộ quản lý phải thường xuyên tham gia các hội nghị, hội thảo, các buổi tọa đàm có tính định hướng về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành; được tạo điều kiện tham quan, học hỏi các cơ quan TT-TV tiên tiến, hiện đại trong và ngoài nước; lĩnh hội những chỉ đạo về công tác TT-TV để áp dụng cho đơn vị mình quản lý.

Đối với cán bộ chuyên môn:

CBTV là linh hồn của sự nghiệp thư viện, là cầu nối giữa NLTT của thư viện và NDT. Họ là những người thực thi và vận hành toàn bộ hoạt động của các cơ quan TT-TV. Để công tác TT-TV được vận hành có hiệu quả thì việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, tin học là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong điều kiện thực tế hiện nay.

Mặc khác, cùng với việc ứng dụng ngày càng cao về CNTT đòi hỏi người CBTV phải luôn phải bổ sung, bồi dưỡng kiến thức để thích ứng với công nghệ mới, vận hành và làm chủ phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ tốt nhất công việc của mình. Ngoài yêu cầu về chuyên môn, người CBTV phải là người yêu nghề, yêu công việc của mình, quyết tâm và không ngừng học hỏi, cập nhật kiến thức mới để đưa ngành TT-TV ngày càng phát triển theo kịp với xu thế của thời đại.

Hiện nay, toàn bộ đội ngũ cán bộ Trung tâm TT-TV đã được đào tạo trình độ đại học về chuyên ngành TT-TV, có kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ. Tuy nhiên đội ngũ cán bộ mới được đào tạo trình độ chuyên môn cơ bản chứ chưa thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật về kiến thức chuyên môn mới. Lĩnh vực tin học, ngoại ngữ cũng chưa thường xuyên bổ sung, cập nhật cho phù hợp với sự phát triển trên thế giới. Vì thế cần phải có giải pháp để đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức cho CBTV với nội dung cụ thể như sau:

Tổ chức và quản lý hoạt động TT-TV theo hướng hiện đại.

Xử lý thông tin theo bảng phân loại mới.

Phát triển và cung cấp sản phẩm và dịch vụ thông tin hiện đại.

Tăng cường marketing sản phẩm và dịch vụ TT-TV.

Nâng cao kiến thức về trình độ tin học và ngoại ngữ.

Để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cần cử CBTV đi học tập bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ tại các địa điểm trong và ngoài nước để tiếp thu những kiến thức mới nhất, tiên tiến nhất ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Từ đó có thể vận dụng có hiệu quả vào hoạt động của cơ quan mình.

Để làm được điều này Trung tâm TT-TV cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ; tham gia các buổi hội thảo, hội nghị, tọa đàm; các chuyến công tác, thăm quan để giao lưu, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn thường xuyên giúp CBTV có thái độ tích cực, yêu nghề và lòng nhiệt tình làm việc.

Cùng với những biện pháp để nâng cao trình độ của CBTV thì cũng cần phải có giải pháp khuyến khích về vật chất để tăng thêm trách nhiệm và lòng yêu nghề

cho CBTV. Như vậy, sẽ đảm bảo cho đội ngũ cán bộ có đầy đủ trình độ, kiến thức, năng lực đảm đương hoạt động TT-TV hiện đại.

3.2.2.2. Bồi dưỡng kiến thức thông tin cho người dùng tin

Đào tạo, hướng dẫn NDT là yếu tố vô cùng quan trọng để tăng cường tính hiệu quả của các dịch vụ thông tin phục vụ. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay khi công nghệ xử lý và khai thác thông tin ngày càng phát triển thì NDT phải xác định chính xác mình cần thông tin gì để khai thác cho hiệu quả. Khoảng cách không gian giữa cơ quan TT-TV và NDT ngày càng được thu hẹp lại do việc ứng dụng CNTT. Điều này đã tiết kiệm thời gian đi lại, chi phí cho NDT. Nhưng để làm được điều đó thì đòi hỏi NDT phải có những kỹ năng cần thiết, sự hiểu biết để theo kịp sự phát triển của công nghệ.

Trung tâm TT-TV cần phải giúp cho NDT có kiến thức thông tin, có khả năng độc lập tìm kiếm, khai thác thông tin, có năng lực:

Nhận biết được nhu cầu thông tin, cần và không cần loại thông tin nào.

Xác định được nguồn cung cấp thông tin.

Đánh giá thông tin: về độ tin cậy, chất lượng và các chỉ số khác.

Tổ chức những lớp ngắn hạn để đào tạo cố định hàng tháng các buổi hướng dẫn NDT thường xuyên, để đảm bảo NDT nào cũng biết cách sử dụng NLTT của Trung tâm TT-TV.

3.2.3. Tăng cường cơ sở vật chất và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin

3.2.3.1. Tăng cường cơ sở vật chất

Để thực hiện được yêu cầu HĐH hoạt động TT-TV, trong thời gian tới, Trường ĐHSPKTND cần phải có kế hoạch xây dựng Trung tâm TT-TV tách biệt với khu giảng đường, phân chia các phòng ban theo đúng tiêu chuẩn của ngành. Khi diện tích Trung tâm được mở rộng thì sẽ có không gian để bố trí kho mở, bố trí đầy đủ các phòng như: phòng đọc đa phương tiện, phòng tra cứu tài liệu điện tử, phòng báo tạp chí... Trong thời gian chờ xây dựng tòa nhà mới, Trung tâm cần triển khai các hoạt động HĐH bằng cách trang bị cơ sở vật chất mới, hiện đại.

Về mặt tài chính: Hiện tại, Trường ĐHSPKTND là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, ngân sách chi cho Trung tâm TT-TV là ngân sách nhà nước cấp. Vì

vậy khi tiến hành HĐH hoạt động TT-TV thì phải tính toán một cách hợp lý và tiết kiệm đến mức tối đa. Và để HĐH hoạt động cũng không thể HĐH ngay lập tức tất cả mọi hoạt động mà phải thực hiện lần lượt từng khâu theo tiêu chí ưu tiên những hoạt động quan trọng và cần thiết trước tiên.

Khi tiến hành HĐH toàn bộ hoạt động TT-TV thì CNTT được ứng dụng vào hầu hết mọi công việc. Vấn đề tài chính là yếu tố phải tính đến hàng đầu với các khoản chi phí sau: chi phí tăng cường cơ sở vật chất CNTT (đường truyền, hệ thống mạng, các thiết bị phần cứng, phần mềm...); chi phí xây dựng CSDL trên CD-ROM, trên mạng, chi phí cho vận hành và bảo trì máy móc, khắc phục sự cố, chi phí cho đào tạo nguồn nhân lực để theo kịp sự phát triển của công nghệ.

3.2.3.2. Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin

Để HĐH hoạt động TT-TV thì nguyên tắc cơ bản đó là tính đồng bộ trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị; giữa phần cứng và phần mềm, giữa trang thiết bị với con người, giữa trang thiết bị và CSDL, và giữa các giai đoạn triển khai trong dự án. Để triển khai HĐH hoạt động thì Trung tâm TT-TV cần đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết bị sau:

Hệ thống mạng bao gồm hệ thống cáp, hệ thống thiết bị, hệ thống đường truyền phục vụ cho mục đích kết nối mạng LAN, mạng WAN và mạng Internet.

Hệ thống máy chủ, máy trạm: phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ, hoạt động phục vụ: tra cứu thông tin.

Hệ thống máy chủ có khả năng cung cấp các dịch vụ như: máy chủ Web, máy chủ lưu, bảo trì dữ liệu, máy chủ cho các ứng dụng khác.

Máy chủ là thiết bị lưu giữ tất cả thông tin về tài liệu, CSDL của Trung tâm.

Hệ thống máy trạm: Máy trạm để CBTV cập nhật thông tin, xử lý tài liệu, số hóa... Máy trạm cũng là điểm truy nhập thông tin và là công cụ để thực hiện các hoạt động tin học hóa khác. Bên cạnh đó máy trạm còn được sử dụng để NDT tra cứu, khai thác thông tin. Trong hệ thống cũng phải phân quyền để đảm bảo an toàn thông tin.

Các thiết bị hỗ trợ nhằm đảm bảo an toàn thông tin: thiết bị lưu điện, các thiết bị sao lưu dữ liệu.

Các thiết bị nhập liệu: thiết bị phục vụ cho việc nhập liệu, biên tập và chuyển đổi dữ liệu sang dữ liệu số có thể quản lý bằng máy đọc mã vạch, máy scan, máy quay video số.

Các thiết bị ngoại vi: gồm các thiết bị hỗ trợ như máy in laser, máy in kim, in phun, máy ảnh kỹ thuật số, thiết bị đọc đĩa CD.

KẾT LUẬN

Để quá trình HĐH hoạt động TT-TV Trường ĐHSPKTND thực sự có hiệu quả thì Trung tâm TT-TV cần phải xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động theo các giai đoạn sau:

*** *Giai đoạn xin cấp kinh phí:***

Trung tâm TT-TV của Trường xây dựng dự án HĐH hoạt động TT-TV trong thời gian tới, đệ trình Ban Giám hiệu nhà trường xem xét, phê duyệt.

*** *Giai đoạn triển khai***

- Lựa chọn nhà cung cấp các thiết bị phần cứng, phần mềm thông qua hình thức đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế.

- Về phần cứng: Lắp đặt hệ thống máy tính và các thiết bị khác.

- Về phần mềm: Cài đặt các phần mềm ứng dụng để đưa vào hoạt động (phần mềm nghiệp vụ thư viện, các phần mềm chuyên dụng như Dspace để xây dựng bộ sưu tập số).

- Đổi mới cơ cấu tổ chức, quản lý cho phù hợp với tình hình mới.

- Đào tạo cán bộ: đào tạo các kỹ năng vận hành các phần mềm, nâng cao trình độ tin học, chuyên môn nghiệp vụ thư viện.

*** *Giai đoạn triển khai các hoạt động nghiệp vụ:*** giai đoạn này được bắt đầu ngay khi hoàn thành việc xây dựng hệ thống phần mềm nghiệp vụ thư viện.

- Chuyên các dữ liệu đã được xử lý sang phần mềm.

- Xây dựng các CSDL.

- Xây dựng các sản phẩm và dịch vụ hiện đại.

- Đào tạo và hướng dẫn NDT khai thác sản phẩm và dịch vụ hiện đại.

Từ những phân tích ở trên có thể rút ra một số kết luận sau:

Vấn đề HĐH hoạt động TT-TV đang là nhu cầu cấp thiết đòi hỏi tất cả các cơ quan TT-TV đặc biệt là trong các trường đại học quan tâm hướng đến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, tạo ra đội ngũ tri thức trẻ có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, HĐH đất nước.

Dựa trên nghiên cứu thực tế đã thấy được những thành tựu mà Trung tâm TT-TV đã đạt được, bước đầu đã đáp ứng được NCT của NĐT góp phần đổi mới phương pháp dạy và học tại Nhà trường. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số mặt hạn chế, Trung tâm vẫn chưa thực sự là đầu mối quản lý hoạt động thông tin và các nguồn lực trong Nhà trường. Vì thế, việc nghiên cứu HĐH hoạt động TT-TV Trường ĐHSPTNĐ có ý nghĩa rất quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và vai trò của thư viện trong việc thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Nhà trường.

Qua nghiên cứu thực trạng, luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả HĐH hoạt động TT-TV gồm trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện, phát triển NLTT hiện đại, chuẩn hóa công tác xử lý tài liệu, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ hiện đại, marketing hoạt động TT-TV.

Để HĐH hoạt động TT-TV đạt hiệu quả cao Trung tâm cần phải tiến hành một cách đồng bộ các giải pháp nêu trên. Ngoài ra cần phải tích cực tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường để Ban Giám hiệu nhận định rõ ràng về vai trò của Trung tâm trong hoạt động giảng dạy và học tập nhất là trong tiến trình đổi mới phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ hiện nay. Nhà trường cần tạo điều kiện cho cán bộ của Trung tâm học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu trong thời đại mới; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đặc biệt là trang bị phần mềm nghiệp vụ cho Trung tâm.

Hiện đại hóa hoạt động TT-TV là thời cơ và thách thức của Trung tâm, đồng thời là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của Nhà trường trong thời đại công nghệ số, hội nhập và phát triển đất nước bền vững.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2008), Xây dựng thư viện hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay, *Kỷ yếu hội nghị thư viện các trường đại học, cao đẳng lần thứ nhất*, Nxb Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch (2008), *Quyết định về việc ban hành Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường đại học* (số 13), ngày 10 tháng 3 năm 2008.
3. Chính phủ (2005), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*.
4. Chính phủ (2015), *Nghị quyết số 26/2015/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế*.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
6. Khoa Thông tin - Thư viện (2011), *Một chặng đường đào tạo và nghiên cứu khoa học Thông tin - Thư viện: Kỷ niệm 38 năm truyền thống đào tạo và 15 năm thành lập Khoa Thông tin - Thư viện (1973 - 2001 & 1996 - 2011)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lê Quỳnh Chi (2008), Thư viện đại học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, *Tạp chí Thư viện* (số 2), tr. 18 - 21
8. Nguyễn Huy Chương (2007), Xây dựng và phát triển thư viện điện tử trong hệ thống thư viện đại học Việt Nam, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tiếp cận xây dựng thư viện số ở Việt Nam: Hiện trạng và vấn đề*, tr. 96 - 106.
9. Nguyễn Huy Chương (2008), *Tập bài giảng thư viện điện tử*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

10. Nguyễn Phương Cương (2011), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin thư viện tại Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự*, Luận văn Thạc sỹ Khoa học Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
11. Trần Thị Hải (2011), Kho mở, xu hướng phát triển chung của các thư viện các trường đại học Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập, *Một chặng đường đào tạo và nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện, kỷ niệm 38 năm truyền thống đào tạo và 15 năm thành lập Khoa TT-TV (1973-2011 & 1996-2011)*, tr. 145-154.
12. Nguyễn Thị Phương Hồng (2012), *Hiện đại hóa Trung tâm TT-TV Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương*, Luận văn Thạc sỹ Khoa học Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
13. Lê Đình Hoàng (2013), *Hiện đại hóa công tác tổ chức hoạt động thông tin tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Điện lực*, Luận văn Thạc sỹ Khoa học Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
14. Đỗ Văn Hùng (2006), Hiện đại hóa ngành Thông tin - Thư viện Việt Nam cần đi vào thực chất hơn, *Kỷ yếu hội thảo khoa học ngành TT-TV trong xã hội thông tin của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tr. 275-280.
15. Nguyễn Hữu Hùng (2006), Vấn đề phát triển và chia sẻ nguồn lực thông tin số hóa tại Việt Nam. *Tạp chí Thông tin & Tư liệu*, tr. 5 - 10.
16. Nguyễn Hữu Hùng (2005), *Thông tin: Từ lý luận đến thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
17. Phạm Thế Khang (2003), Nâng cao hiệu quả phục vụ bạn đọc của hệ thống thư viện công cộng, *Kỷ yếu hội nghị Công tác phục vụ bạn đọc của hệ thống thư viện công cộng*, Lạng Sơn, tr. 12.
18. Nguyễn Lâm (2000), *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Tp HCM.
19. Phạm Thị Mai (2009), *Nghiên cứu phát triển thư viện điện tử trong các trường đại học trên địa bàn Hà Nội hiện nay*. Luận văn Thạc sỹ Khoa học Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

20. Nguyễn Hoàng Nam (2019), Công tác xây dựng bộ sưu tập số tài liệu nội sinh tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Lê Vũ Hùng, Trường Đại học Đồng Tháp, *Tạp chí Thư viện Việt Nam* (số 3), tr. 52-55.
21. Võ Công Nam (2005), Một góc nhìn khác về con đường hiện đại hóa thư viện trong điều kiện Việt Nam, *Tạp chí Thông tin - Tư liệu* (số 1), tr. 16 - 19.
22. Phay Vanh Oudomnakhonsy (2015), *Hiện đại hóa hoạt động của Thư viện Quốc gia Lào*, Luận văn Thạc sỹ Khoa học Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
23. Hoàng Khê, *Từ điển tiếng Việt* (2010), Nxb Từ điển Bách Khoa.
24. Trần Thị Quý, Đỗ Văn Hùng (2007), *Tự động hóa trong hoạt động thông tin - thư viện*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
25. Đinh Thuý Quỳnh, Hoàng Thuý Phương (2015), Sự tác động của công nghệ thông tin tới hoạt động thư viện - thông tin” *Tạp chí Thư viện Việt Nam* (số 6), tr. 24-28.
26. Nguyễn Hoàng Sơn (2008), *Bài giảng “Thư viện điện tử”*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
27. Đoàn Phan Tân (2001), *Thông tin học: Giáo trình dùng cho sinh viên ngành TT-TV và Quản trị thông tin*, Nxb ĐHQG.
28. Đoàn Phan Tân (2015), Dspace, giải pháp phần mềm cho thư viện điện tử quản lý và khai thác nguồn thông tin số nội sinh ở các trường đại học hiện nay, *Tạp chí Thư viện Việt Nam* (số 1), tr. 23-28.
29. Lê Đức Thắng (2009), Quy trình tổ chức số hóa tài liệu thư viện, *Tạp chí Thư viện Việt Nam* (số 7), tr. 24 - 30.
30. Nguyễn Văn Thiên (2016), *Quản lý thư viện hiện đại tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
31. Bùi Thanh Thủy (2011), Hoạt động truyền thông marketing trong thư viện đại học, *Một chặng đường đào tạo và nghiên cứu khoa học TT-TV, kỷ niệm 38 năm truyền thống đào tạo và 15 năm thành lập Khoa TT-TV (1973-2011 & 1996-2011)*, tr. 510-519.

32. Vương Toàn (2013), *Ứng dụng CNTT và truyền thông trong đổi mới hoạt động thư viện*”, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
33. Nguyễn Thanh Trà (2015), Hiện đại hoá hoạt động thông tin - thư viện các trường đại học trong thời đại công nghệ góp phần đổi mới chất lượng giáo dục đại học Việt Nam, *Tạp chí Thư viện Việt Nam* (số 2), tr. 16-20.
34. Trần Mạnh Tuấn (2005), *Sản phẩm và dịch vụ TT-TV*, Hà Nội.
35. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định (2016), *50 năm xây dựng và phát triển (1966-2016)*, Nam Định.
36. *Từ điển tiếng Việt phổ thông* (2002), Nxb Tp Hồ Chí Minh.
37. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2000), *Pháp lệnh Thư viện*, Hà Nội.
38. Trần Thị Thanh Vân (2011), Đổi mới hoạt động phục vụ NDT để hội nhập với yêu cầu của đào tạo tin chỉ tại các trung tâm thông tin - thư viện đại học, *Một chặng đường đào tạo và nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện, kỷ niệm 38 năm truyền thống đào tạo và 15 năm thành lập Khoa TT-TV (1973-2011 & 1996-2011)*, tr. 560 - 570.
39. Lê Văn Việt (2000), *Cẩm nang nghề thư viện*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
40. Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương (2014), Số hóa tài liệu nội sinh góp phần giảm khoảng cách số trong giáo dục và đào tạo cao đẳng - đại học, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, (Số 3), tr. 15-30.

Tài liệu tiếng Anh

41. Jane Thacker (2002), Standardization and libraries, *Standardization and operation of library information*”, Ha Noi.
42. Chandrakant Swain (2008), *Modernization of libraries: a challenge in digital era*, Nxb Mahamaya, New Delhi.
43. Seema Vaisishta (2008), Modernization of library and information services in technical higher education institutions in North India: state-of-the-art report, *Ifla Journal*, (Vol 34) pg. 286-294.

Website

44. Dự thảo Luật Thư viện, http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=494&LanTD=1678&TabIndex=1, ngày cập nhật: 18/3/2018.
45. Vishala B.Mallapur (2009), *Modernization of academic libraries: a challenge in the digital era*. Địa chỉ truy cập: <http://dliskud.overblog.com/article-36027433.html>, ngày cập nhật: 09/9/2018.
46. Website Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định. Địa chỉ truy cập: <http://www.nute.edu.vn>

PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU TIN TẠI
TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Để góp phần vào hiện đại hóa và tiến tới hiện đại hóa hoạt động Thông tin - Thư viện Nhà trường và có cơ sở đề xuất các giải pháp hiện đại hóa, nâng cao chất lượng phục vụ thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới sự nghiệp đào tạo của Nhà trường, xin Quý Thầy/Cô, Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến qua việc đánh dấu X vào các ô tương ứng và ghi ý kiến vào các dòng để trống.

Ghi chú: Thông tin được cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

I. Thông tin chung

Xin Thầy/Cô, Anh/Chị vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân?

1. Giới tính

Nam

Nữ

2. Nghề nghiệp

Cán bộ quản lý, lãnh đạo

Cán bộ, Giảng viên

Học viên, SV

3. Học vị/ Học hàm

Cử nhân

Tiến sỹ

Thạc sỹ

Phó Giáo sư/Giáo sư

4. Nhóm tuổi

Dưới 25 tuổi

Từ 25 - 35 tuổi

Từ 35 - 45 tuổi

Từ 45 - 55 tuổi

Trên 55 tuổi

II. Bảng hỏi

1. Thầy/Cô, Anh/Chị dành bao nhiêu thời gian để đến Trung tâm TT-TV Trường?

Thường xuyên (nhiều hơn 1 lần/1 tuần)

thỉnh thoảng (1-2 lần/1 tháng)

Không bao giờ

2. Ngoài Trung tâm TT-TV Trường, Thầy/Cô, Anh/Chị thường tham khảo tài liệu ở:

- Các thư viện khác Internet
 Hiệu sách Khác (xin nêu rõ):.....

3. Mục đích đến thư viện của Thầy/Cô, Anh/Chị là gì?

- Học tập Nghiên cứu
 Giải trí Khác (xin nêu rõ):.....

4. Loại hình tài liệu Thầy/Cô, Anh/Chị quan tâm và mức độ sử dụng:

Loại hình tài liệu	Mức độ sử dụng		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Giáo trình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sách tham khảo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Giáo trình, tập bài giảng nội bộ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đồ án, luận văn, luận án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Báo, Tạp chí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5. Nội dung tài liệu Thầy/Cô, Anh/Chị quan tâm và mức độ đáp ứng:

Nội dung	Mức độ đáp ứng		
	Đầy đủ	Tương đối đầy đủ	Không đầy đủ
Triết học	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khoa học tự nhiên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khoa học xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Công nghệ thông tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Điện - Điện tử	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cơ khí	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Kinh tế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ngoại ngữ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tài liệu khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

6. Thầy/Cô, Anh/Chị thường sử dụng tài liệu bằng ngôn ngữ nào?

- Tiếng Việt Tiếng Anh

7. Dạng tài liệu Thầy/Cô, Anh/Chị quan tâm sử dụng hiện nay?

- Tài liệu truyền thống Tài liệu điện tử

8. Thầy/Cô, Anh/Chị thường sử dụng những dịch vụ TT-TV nào và xin cho biết đánh giá của Thầy/Cô, Anh/Chị?

Hình thức phục vụ	Đã sử dụng	Đánh giá		
		Rất tốt	Tốt	Chưa tốt
Đọc tài liệu tại chỗ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Mượn tài liệu về nhà	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tra cứu ở tủ mục lục	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tra cứu trên phần mềm trong Website Nhà trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ Internet	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ cung cấp tài liệu học tập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hỏi đáp thông tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nguồn khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

9. Thầy/Cô, Anh/Chị gặp khó khăn gì trong việc tìm kiếm thông tin tại Thư viện?

- Không được hướng dẫn đầy đủ Mục lục tra cứu không đầy đủ
 Thiết bị tra cứu không đầy đủ Ý kiến khác:.....

10. Thông tin được cung cấp có phù hợp với nhu cầu của Thầy/Cô, Anh/Chị không?

- Phù hợp Ít phù hợp Không phù hợp

11. Đánh giá của về cơ sở vật chất, kỹ thuật của Trung tâm TT-TV?

- Tương đối hiện đại Không hiện đại

12. Thầy/Cô, Anh/Chị có tìm kiếm thông tin về tài liệu, giáo trình trên website Nhà trường không?

- Rất thường xuyên Thường xuyên Không thường xuyên

13. Theo Thầy/Cô, Anh/Chị mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động TT-TV?

Các yếu tố	Mức độ ảnh hưởng		
	Cao	Bình thường	Không ảnh hưởng
Nguồn lực thông tin đầy đủ, hiện đại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cơ sở vật chất hiện đại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sản phẩm và dịch vụ đa dạng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tự động hóa các hoạt động TT-TV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Marketing hoạt động TT-TV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

14. Theo Thầy/Cô, Anh/Chị, những giải pháp nào dưới đây cần thiết cho việc hiện đại hoá hoạt động TT-TV Nhà trường?

Các giải pháp	Các mức độ		
	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
Trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Phát triển nguồn lực thông tin hiện đại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chuẩn hóa công tác xử lý tài liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Phát triển sản phẩm, dịch vụ TT-TV hiện đại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức, sắp xếp lại kho tài liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đổi mới phương thức phục vụ người dùng tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TT-TV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ứng dụng Marketing hiện đại vào hoạt động TT-TV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đổi mới phương pháp tổ chức và quản lý	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng người dùng tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

15. Góp ý của Thầy/Cô, Anh/Chị để hoạt động thư viện ngày một tốt hơn?

.....
.....
.....
Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của Thầy/Cô, Anh/Chị!

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU TIN TẠI
TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Nội dung câu hỏi	Tổng số phiếu (196)		Nghề nghiệp					
			Cán bộ quản lý, lãnh đạo (20)		Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy (35)		Học viên, sinh viên (141)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	196	100	20	100	35	100	141	100
1. Thời gian NDT dành thời gian đến Trung tâm TT-TV Trường								
- Thường xuyên	127	64,8	11	55	25	71,4	91	64,5
- Thỉnh thoảng	65	33,1	9	45	10	18,6	46	32,6
- Không bao giờ	4	2,1	0	0	0	0	4	2,9
2. Địa điểm tham khảo tài liệu ngoài Trung tâm TT-TV Nhà trường								
- Các thư viện khác	14	7,2	6	30	8	22,8	0	0
- Hiệu sách	170	86,7	12	60	22	62,9	136	96,5
- Internet	12	6,1	2	10	5	14,3	5	3,5
- Khác	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Mục đích đến thư viện của NDT								
- Học tập	145	74	2	10	21	60	122	86,5
- Nghiên cứu	46	23,5	18	90	14	40	14	9,9
- Giải trí	5	2,5	0	0	0	0	5	3,6
4. Loại hình tài liệu NDT quan tâm và mức độ sử dụng								
- Giáo trình								
Thường xuyên	155	79	16	80	30	85,7	109	77,3
Thỉnh thoảng	38	19,4	4	20	5	14,3	29	20,6
Không bao giờ	3	1,6	0	0	0	0	3	2,1
- Sách tham khảo								

Thường xuyên	147	75	18	90	31	88,6	98	69,5
Thỉnh thoảng	45	23	2	10	4	11,4	39	27,6
Không bao giờ	4	2	0	0	0	0	4	2,9
- Giáo trình, tập bài giảng nội bộ								
Thường xuyên	132	67,4	4	20	13	37,1	115	81,6
Thỉnh thoảng	57	29	16	80	18	51,4	23	16,3
Không bao giờ	7	3,6	0	0	4	11,5	3	2,1
- Đồ án, luận văn, luận án								
Thường xuyên	118	60,2	0	0	2	5,7	116	82,3
Thỉnh thoảng	50	25,5	2	10	23	65,7	25	17,7
Không bao giờ	28	14,3	18	90	10	28,6	0	0
- Báo, tạp chí								
Thường xuyên	122	62,3	3	15	28	80	91	64,5
Thỉnh thoảng	40	20,4	16	80	4	11,4	20	14,2
Không bao giờ	34	17,3	1	5	3	8,6	30	21,3
5. Nội dung tài liệu NDT quan tâm và mức độ đáp ứng								
- Triết học	87	44,4	13	65	18	51,4	56	39,7
Đầy đủ	33	38	0	0	0	0	33	58,9
Tương đối đầy đủ	45	51,7	8	61,5	15	83,3	22	39,3
Không đầy đủ	9	10,3	5	38,5	3	16,7	1	1,8
- Khoa học tự nhiên	123	62,7	17	85	22	62,9	84	60
Đầy đủ	58	47,2	9	53	11	50	38	45,3
Tương đối đầy đủ	62	50,4	7	41,2	9	40,9	46	54,7
Không đầy đủ	3	2,4	1	5,8	2	9,1	0	0
- Khoa học xã hội	63	32,1	8	40	28	80	27	19,1
Đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
Tương đối đầy đủ	15	23,8	0	0	3	10,7	12	44,4
Không đầy đủ	48	76,2	8	100	25	89,3	15	55,6
- Công nghệ thông tin	147	75	14	70	28	80	105	53,6

Đầy đủ	98	66,6	12	85,7	20	71,4	66	62,9
Tương đối đầy đủ	47	32	2	14,3	6	21,4	39	37,1
Không đầy đủ	2	1,4	0	0	2	7,2	0	0
- Điện - Điện tử	138	70,4	8	40	18	51,4	112	79,4
Đầy đủ	58	42	6	75	7	39	45	40,2
Tương đối đầy đủ	80	58	2	25	11	61	67	59,8
Không đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
- Cơ khí	126	64,3	8	40	16	45,7	102	72,3
Đầy đủ	51	40,5	5	62,5	6	37,5	40	39,2
Tương đối đầy đủ	75	59,5	3	37,5	10	62,5	62	60,8
Không đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
- Kinh tế	96	49	7	35	8	22,9	81	29,1
Đầy đủ	35	36,5	5	71,4	5	62,5	25	30,9
Tương đối đầy đủ	61	63,6	2	28,6	3	37,5	56	69,1
Không đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
- Ngoại ngữ	78	39,8	8	40	20	57,1	45	32
Đầy đủ	2	2,5	0	0	0	0	2	4,4
Tương đối đầy đủ	46	59	2	25	7	35	32	71,1
Không đầy đủ	30	38,5	6	75	13	65	11	24,5
- Tài liệu khác	76	38,8	5	25	24	68,6	47	33,6
Đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
Tương đối đầy đủ	22	29	1	20	9	37,5	12	25,5
Không đầy đủ	54	71	4	80	15	62,5	35	74,5
6. Ngôn ngữ NDT sử dụng								
- Tiếng Việt	179	91,3	16	80	22	62,8	141	100
- Tiếng Anh	17	8,7	4	20	13	37,2	0	0
7. Dạng tài liệu NDT sử dụng								
- Tài liệu truyền thống	182	92,8	16	80	30	85,7	136	96,4
- Tài liệu điện tử	14	7,2	4	20	5	14,3	5	3,6

8. Dịch vụ TT-TV NDT đã sử dụng và mức độ đánh giá								
- Đọc tài liệu tại chỗ	176	89,7	15	75	31	88,6	120	85,1
Rất tốt	169	96	14	93,3	29	93,5	116	96,6
Tốt	7	4	1	6,7	2	6,5	4	3,4
Chưa tốt	0	0	0	0	0	0	0	0
- Mượn tài liệu về nhà	174	90,1	18	90	28	80	128	90,8
Rất tốt	162	93,1	16	88,8	25	89,3	121	94,5
Tốt	11	6,3	2	11,2	3	10,7	6	4,7
Chưa tốt	1	0,6	0	0	0	0	1	0,8
- Tra cứu ở tủ mục lục	164	83,7	15	75	27	77,1	122	86,5
Rất tốt	132	80,5	11	73,3	20	74	101	82,8
Tốt	29	17,7	4	26,7	6	22,3	19	15,6
Chưa tốt	3	1,8	0	0	1	3,7	2	1,6
- Tra cứu trên phần mềm trong Website Trường	146	74,5	11	55	25	71,4	109	77,3
Rất tốt	129	88,4	10	90,9	21	84	98	89,9
Tốt	12	8,2	1	9,1	2	8	9	8,2
Chưa tốt	5	3,4	0	0	2	8	2	1,9
- Dịch vụ Internet	132	67,3	0	0	11	31,4	121	85,1
Rất tốt	65	49,2	0	0	0	0	65	53,7
Tốt	51	38,6	0	0	5	45,5	46	38
Chưa tốt	16	12,2	0	0	6	54,5	10	8,3
- Dịch vụ cung cấp tài liệu học tập	141	72	0	0	0	0	141	100
Rất tốt	128	90,8	0	0	0	0	128	90,8
Tốt	13	9,2	0	0	0	0	13	9,2
Chưa tốt	0	0	0	0	0	0	0	0
- Hỏi đáp thông tin	176	89,8	18	90	31	88,6	127	90
Rất tốt	164	93,2	16	89	28	90,3	120	94,5
Tốt	8	4,5	1	5,5	2	6,5	5	4

Chưa tốt	4	2,3	1	5,5	1	3,2	2	1,5
- Nguồn khác	129	65,8	17	85	28	80	74	52,5
Rất tốt	103	79,8	12	70,6	19	67,8	62	83,8
Tốt	14	10,8	3	17,6	4	14,3	7	9,4
Chưa tốt	12	9,4	2	11,8	5	17,9	5	6,8
9. Khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin của NDT tại Thư viện								
- Không được hướng dẫn đầy đủ	0	0	0	0	0	0	0	0
- Mục lục tra cứu không đầy đủ	4	2	2	10	2	5,7	0	0
- Thiết bị tra cứu không đầy đủ	4	2	1	5	2	5,7	1	0,7
10. Mức độ phù hợp của thông tin Trung tâm TT-TV cung cấp								
- Phù hợp	171	87,2	13	65	31	88,6	127	90
- Ít phù hợp	25	12,8	7	35	4	11,4	14	10
- Không phù hợp	0	0	0	0	0	0	0	0
11. Đánh giá về cơ sở vật chất của Trung tâm TT-TV								
- Hiện đại	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tương đối hiện đại	5	2,5	0	0	0	0	5	3,5
- Không hiện đại	191	97,5	20	100	35	100	136	96,5
12. Mức độ NDT tìm kiếm tài liệu - giáo trình trên Website Trường								
- Rất thường xuyên	38	19,4	3	15	15	42,8	20	14,2
- Thường xuyên	85	43,4	12	60	16	45,7	57	40,4
- Không thường xuyên	73	37,2	5	25	4	2,5	64	45,4
13. Mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TT-TV								
- Nguồn tài liệu đầy đủ	189	96,4	19	95	31	88,6	139	98,6
Cao	153	81	11	57,9	18	58	124	89,2
Bình thường	36	19	8	42,1	13	42	15	10,8
Không ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0	0	0
- Cơ sở vật chất hiện đại	172	87,7	16	80	30	85,7	126	89,4
Cao	154	89,5	14	87,5	25	83,3	113	89,7

Bình thường	20	10,5	2	12,5	5	16,7	13	10,3
Không ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0	0	0
- Sản phẩm và dịch vụ đa dạng	174	88,8	17	85	32	91,4	125	88,7
Cao	148	85	13	76,5	26	81,2	109	87,2
Bình thường	24	13,8	4	23,5	6	17,8	14	11,2
Không ảnh hưởng	2	1,2	0	0	0	0	2	1,6
- Tự động hóa các hoạt động TT-TV	154	78,6	16	80	22	62,9	116	82,3
Cao	134	87	15	93,7	20	90,9	99	85,3
Bình thường	18	11,7	1	6,3	2	9,09	15	13
Không ảnh hưởng	2	1,3	0	0	0	0	2	1,7
- Marketing hoạt động TT-TV	184	93,9	16	80	30	85,7	138	97,9
Cao	157	85,3	13	81,2	26	86,7	118	85,5
Bình thường	27	14,7	3	18,8	4	13,3	20	14,5
Không ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0	0	0
- Thái độ phục vụ của nhân viên TT-TV	142	72,5	17	85	28	80	97	68,8
Cao	122	86	13	76,5	22	78,6	87	89,7
Bình thường	20	14	4	23,5	6	21,4	10	10,3
Không ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0	0	0
14. Giải pháp cần thiết cho việc hiện đại hóa hoạt động TT-TV								
- Trang bị phần mềm nghiệp vụ thư viện	189	96,4	20	100	32	91,4	137	97,2
Rất cần thiết	170	89,9	18	90	30	93,7	122	89
Cần thiết	19	10,1	2	10	2	6,3	15	11
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phát triển nguồn lực thông tin hiện đại	175	89,3	18	90	29	82,9	128	90,8
Rất cần thiết	154	88	16	88,9	25	86,2	113	88,3
Cần thiết	21	12	2	11,1	4	13,8	15	11,7
Không cần thiết	0		0	0	0	0	0	0

- Chuẩn hóa công tác xử lý tài liệu	126	64,3	12	60	34	68,6	80	56,7
Rất cần thiết	79	62,7	9	75	25	73,5	45	56,2
Cần thiết	47	37,3	3	25	9	26,5	35	43,8
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phát triển sản phẩm, dịch vụ TT-TV hiện đại	165	84,2	13	65	23	65,7	129	91,5
Rất cần thiết	152	92,1	12	92,3	20	87	120	93
Cần thiết	13	7,9	1	7,7	3	13	9	7
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tổ chức, sắp xếp lại kho tài liệu	140	71,4	14	70	22	62,8	104	73,7
Rất cần thiết	130	92,8	13	92,8	19	86,4	98	94,2
Cần thiết	10	7,2	1	7,2	3	13,6	6	5,8
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
- Đổi mới phương thức phục vụ người dùng tin	152	77,5	14	70	29	82,9	109	77,3
Rất cần thiết	124	81,6	11	78,6	20	69	93	85,3
Cần thiết	28	18,4	3	21,4	9	31	16	14,7
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TT-TV	179	91,3	18	90	29	83	132	93,6
Rất cần thiết	152	85	16	89	20	69	116	87,9
Cần thiết	27	15	2	11	9	31	16	12,1
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
- Ứng dụng Marketing hiện đại vào hoạt động TT-TV	163	83,2	17	85	30	85,7	116	87,9
Rất cần thiết	146	89,6	15	88,2	26	86,7	105	90,5
Cần thiết	17	10,4	2	11,8	4	13,3	11	9,5
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0
- Đổi mới phương pháp tổ chức và quản lý	156	79,6	17	85	27	77,1	112	79,4

Rất cần thiết	126	80,8	15	88,2	25	92,6	86	76,8
Cần thiết	24	15,4	2	11,8	2	7,4	20	17,8
Không cần thiết	6	3,8	0	0	0	0	6	5,4
- Phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng người dùng tin	167	85,2	15	75	32	91,4	120	85,1
Rất cần thiết	144	86,2	13	86,7	28	87,5	103	85,8
Cần thiết	21	12,6	2	13,3	4	12,5	15	12,5
Không cần thiết	2	1,2	0	0	0	0	2	1,7

PHỤ LỤC 3
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH







